

Hướng Dẫn Sử Dụng

Nokia 3250

CÔNG BỐ HỢP CHUẨN

Bảng văn bản này, NOKIA CORPORATION, tuyên bố rằng sản phẩm RM-38 này tuân thủ các yêu cầu cần thiết và các điều khoản của Chỉ Thị số 1999/5/EC. Bản Công bố Hợp chuẩn có thể được tìm thấy tại địa chỉ http://www.nokia.com/phones/declaration_of_conformity/

CE 0434 Bản quyền © 2006 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Nghiêm cấm sao chép, chuyển nhượng, phân phối hoặc lưu trữ một phần hay toàn bộ nội dung tài liệu này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được Nokia cho phép trước bằng văn bản.

Nokia, Visual Radio, Nokia Connecting People và Pop-Port là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Nokia Corporation. Những sản phẩm hoặc tên công ty khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu hoặc tên thương mại của từng doanh nghiệp.

Nokia tune và Visual Radio là các nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation.

symbian Sản phẩm này có các phần mềm được Symbian Software Ltd. © 1998-2006 cấp bản quyền. Symbian và Symbian OS là các nhãn hiệu của Symbian Ltd.



Gồm phần mềm bằng mật mã RSA BSAFE hoặc phần mềm có giao thức an toàn của RSA Security.



Java™ và các nhãn hiệu dựa trên nền Java là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Sun Microsystems, Inc.

Bảng sáng chế của Mỹ số 5818437 và các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Bản quyền phần mềm nhập văn bản T9 © 1997-2006. Tegic Communications, Inc. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Sản phẩm này được cấp theo Giấy phép Sáng chế MPEG-4 Visual Patent Portfolio cho (i) việc sử dụng cá nhân và phi thương mại cùng với những thông tin đã được mã hóa bởi người dùng liên quan đến hoạt động cá nhân và phi thương mại, theo Chuẩn MPEG-4 Visual Standard và (ii) sử dụng cùng với các

ảnh phim MPEG-4 được cung cấp có giấy phép. Bất kỳ việc sử dụng nào khác được công nhận hoặc được ám chỉ sẽ không được cấp phép. Bạn có thể nhận các thông tin bổ sung liên quan đến các ứng dụng quảng cáo, nội bộ và thương mại từ MPEG LA, LLC. Xem trên trang <<http://www.mpegla.com>>.

Nokia thực hiện chính sách phát triển không ngừng. Nokia có quyền thay đổi và cải tiến bất kỳ sản phẩm nào được nêu trong tài liệu này mà không cần thông báo trước.

Nokia sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp về việc mất dữ liệu hay thu thập hoặc những thiệt hại khác có tính chất đặc biệt, ngẫu nhiên, tất yếu, hay gián tiếp.

Nội dung của tài liệu này được cung cấp 'theo tình trạng hiện tại'. Ngoại trừ do yêu cầu của luật áp dụng liên quan, sẽ không có bất kỳ sự bảo đảm nào được thể hiện rõ ràng hay ngụ ý, bao gồm nhưng không giới hạn các bảo hành thương mại được bao hàm và sử dụng sản phẩm phù hợp với mục đích cụ thể, liên quan đến tính chính xác, độ tin cậy hoặc nội dung của tài liệu này. Nokia có quyền sửa đổi hoặc thu hồi tài liệu này tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước.

Tính khả dụng của các sản phẩm riêng biệt có thể khác nhau tùy theo từng khu vực. Xin liên hệ với đại lý Nokia gần nhất.

Điện thoại này có chứa các thành phần, công nghệ hoặc phần mềm tuân thủ theo luật lệ và quy tắc xuất khẩu của Mỹ và các quốc gia khác. Những việc trái với luật pháp bị cấm.

số phát hành lần 2

Viết tiếng Việt trên máy điện thoại di động Nokia.

Điện thoại di động Nokia hỗ trợ 2 kiểu viết tiếng Việt khác nhau:

1. Kiểu viết truyền thống.
2. Kiểu viết tiên đoán từ (sử dụng chương trình Từ điển).

1. Kiểu viết truyền thống:

Để sử dụng kiểu viết truyền thống, bạn cần vào menu *Tùy chọn > Ngôn ngữ viết* và chọn tiếng Việt. Kiểu viết truyền thống sẽ được chỉ báo bằng biểu tượng

 **Aãä** trên góc bên trái của màn hình. Với kiểu viết này, các mẫu tự và các dấu được bố trí như sau (xem hình vẽ 1.1):

1	2 aãäbc	3 dđeêf
4 ghi	5 jkl	6 mnoôơ
7 pqrs	8 tuuv	9 wxyz
* / ^ ~ .	0	#

Hình 1.1 Kiểu viết truyền thống

1. Các mẫu tự tiếng Việt được sắp xếp trên các phím số 2 - 9.

- Các dấu tiếng Việt được sắp xếp trên phím * theo thứ tự sắc, huyền, hỏi, ngã và nặng.

Ví dụ: Để viết chữ **Việt**, bạn sẽ thực hiện các bước sau:

- Bấm 4 lần phím 8 cho chữ **V**
- Bấm 3 lần phím 4 cho chữ **i**
- Bấm 4 lần phím 3 cho chữ **ê**
- Bấm 5 lần phím * cho dấu nặng (.)
- Bấm 1 lần phím 8 cho chữ **t**

Lưu ý:

- *Dấu tiếng Việt được viết ngay sau nguyên âm.*
- *Khi xóa một nguyên âm có dấu, bạn sẽ cần xóa dấu trước sau đó mới đến nguyên âm.*
- *Khi cần sửa chữa một dấu viết sai, bạn di chuyển dấu nháy đến bên tay phải nguyên âm và bấm phím * để thay đổi dấu.*
- *Bạn có thể bấm và giữ phím * trong 2 giây để mở menu chọn các biểu tượng/ký tự đặc biệt như trong các ngôn ngữ khác.*

- Bạn có thể viết tiếng Việt ngay cả khi giao diện của máy là tiếng Anh hay các ngôn ngữ khác.

2. Kiểu viết tiên đoán từ (sử dụng chương trình Từ điển):

Để sử dụng kiểu viết tiên đoán từ, bạn cần vào menu *Tùy chọn*, chọn *Ngôn ngữ viết* là tiếng Việt và chọn *Mở từ điển*. Kiểu viết tiên đoán từ sẽ được chỉ báo bằng biểu tượng  **Aaa** trên góc bên trái của màn hình. Với kiểu viết này, các mẫu tự và các dấu được bố trí như sau (xem hình vẽ 2.1):

1	2 áâăbc	3 ðđēēf
4 ? ghi	5 jkl	6 mnoôơ
7 pqrs	8 tuuv	9 wxyz
*	0	#

Hình 2.1 Kiểu viết từ tiên đoán

- Các mẫu tự tiếng Việt được sắp xếp trên các phím số 2 - 9.
- Các dấu tiếng Việt được sắp xếp trên các phím số 2 - 6 theo thứ tự sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng.

Với sự hỗ trợ của chương trình Từ điển, các bạn chỉ cần bấm 1 lần trên phím có mẫu tự cần viết. Từ điển sẽ tiên đoán từ thích hợp với tập hợp các phím được bấm.

Ví dụ: Để viết chữ **Việt** bạn bấm liên tục các phím 8, 4, 3, 6, 8 mỗi phím một lần.



Lưu ý:

- Dấu tiếng Việt được viết ngay sau nguyên âm.*
- Trong những lần bấm đầu tiên, bạn sẽ thấy màn hình hiển thị những mẫu tự không đúng như bạn mong muốn. Bạn sẽ nhận được từ đúng khi bấm hết tất cả những phím cần thiết.*
- Nếu sau khi bấm đủ các phím bạn vẫn không nhận được từ mong muốn, bấm phím * để hiển thị những từ khác tương ứng với tổ hợp phím vừa bấm.*
- Nếu thấy dấu ? xuất hiện bên cạnh từ vừa viết, có nghĩa là từ không có trong Từ điển. Bạn sẽ thêm từ mới vào Từ điển bằng cách chọn menu Thêm và sau đó dùng kiểu viết truyền thống để ghi từ mới vào Từ điển.*

Mục lục

An toàn cho người sử dụng.....	vii
Thông tin tổng quát	x
Tổng quan về chức năng.....	x
Mã truy cập.....	x
Dịch vụ cài đặt cấu hình	xi
Tải về nội dung và ứng dụng.....	xii
Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia	xii
1. Bắt đầu sử dụng	1
Lắp thẻ SIM và pin	1
Lắp thẻ microSD	2
Tháo thẻ microSD	2
Sạc pin	3
Bật và tắt điện thoại.....	3
Cài ngày giờ	3
Vị trí vận hành thông thường.....	4
Gắn dây đeo cổ tay	4
2. Điện thoại của bạn	5
Các phím và bộ phận	5
Các chế độ hoạt động	6
Chế độ chờ.....	6
Các chỉ báo	8
Di chuyển và chọn bằng phím điều khiển	9
Menu	9
Trợ giúp	10
Hướng dẫn.....	10
Điều chỉnh âm lượng.....	10
Khóa bàn phím (Bảo vệ phím).....	11
3. Các chức năng gọi điện.....	12
Gọi điện	12
Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi.....	14
Nhật ký	16
4. Viết văn bản	19
Kiểu nhập văn bản truyền thống.....	19
Kiểu nhập tiên đoán.....	20
Sao chép và xóa văn bản	21
5. Nhắn tin	22
Soạn và gửi tin nhắn	23
Hộp thư đến—nhận tin nhắn.....	25
Thư mục riêng.....	27
Hộp thư	27
Hộp thư đi	29
Xem tin nhắn trên thẻ SIM...	30
Tin nhắn quảng bá.....	30
Sửa lệnh dịch vụ	30
Cài đặt nhắn tin	31
6. Danh bạ	38
Quản lý danh bạ	38
Quản lý các nhóm liên lạc ...	39
Gán nhạc chuông	39
Gán các phím quay số nhanh.....	39
7. Bộ sưu tập.....	41
Các chức năng của bộ sưu tập.....	41
Tải tập tin từ mạng.....	42

8. Nhạc	43	13. Tools	78
Máy nghe nhạc.....	43	Lệnh thoại.....	78
Visual Radio.....	45	Hộp thư thoại.....	79
9. Phương tiện	52	Quay số nhanh.....	79
Camera.....	52	Cấu hình.....	79
RealPlayer.....	53	Cài đặt.....	81
Recorder (Máy ghi âm).....	55	Application manager	
Flash Player.....	55	(Quản lý ứng dụng).....	95
Trình biên tập video.....	56	Mã khóa kích hoạt.....	97
10. Các dịch vụ	60	Trình quản lý thiết bị.....	98
Các bước cơ bản		Nổi chuyển.....	99
để truy cập.....	60	14. Kết nối	100
Cài đặt dịch vụ duyệt		Bộ PC Suite.....	100
web cho điện thoại.....	60	Kết nối Bluetooth.....	100
Tạo kết nối.....	61	Tin nhắn trò chuyện.....	104
Xem chỉ mục.....	61	Quản lý kết nối.....	112
Kết nối an toàn.....	62	Push to talk (bộ đàm).....	113
Duyệt các trang Web.....	63	Đồng bộ từ xa.....	121
Các chương trình tải		USB.....	123
xuống từ mạng.....	64	15. Thông tin về pin	124
Ngưng kết nối.....	64	Sạc và Xả pin.....	124
Dọn cache.....	64	Hướng dẫn xác nhận	
Cài đặt trình duyệt.....	65	pin Nokia.....	125
11. Cá nhân	67	16. Các phụ kiện	
Chủ đề.....	67	chính hãng.....	127
Âm kế.....	68	Pin.....	127
12. Sắp xếp	69	Trong nhà.....	127
Đồng hồ.....	69	Trong nhà và Trên xe.....	128
Lịch.....	69	Giữ gìn và Bảo trì	129
Bộ chuyển đổi.....	72	Thông tin bổ sung	
Ghi chú.....	73	về sự an toàn.....	130
Máy tính.....	73	Từ mục	134
Trình quản lý tập tin.....	74		
Thẻ nhớ.....	75		

An toàn cho người sử dụng

Dưới đây là những hướng dẫn đơn giản và dễ hiểu. Việc không tuân theo các quy tắc này có thể gây nguy hiểm hoặc bị xem là phạm pháp. Đọc sách hướng dẫn sử dụng đầy đủ để biết thêm thông tin.



BẬT MÁY AN TOÀN

Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.



AN TOÀN GIAO THÔNG LÀ TRÊN HẾT

Nên tuân thủ các quy định của địa phương. Luôn giữ tay được rảnh để điều khiển xe. Điều quan tâm đầu tiên trong khi lái xe là an toàn giao thông.



NHIỄU SÓNG

Tất cả các điện thoại vô tuyến đều có thể gây nhiễu sóng làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI TRONG BỆNH VIỆN

Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Tắt điện thoại khi ở gần các thiết bị y tế.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI TRÊN MÁY BAY

Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Các thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu liên lạc trên máy bay.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI ĐANG TIẾP NHIÊN LIỆU

Không nên sử dụng điện thoại tại trạm tiếp nhiên liệu. Không nên sử dụng điện thoại gần nơi có nhiên liệu hoặc hóa chất.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở GẦN NƠI PHÁT NỔ

Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Không nên sử dụng điện thoại nơi đang có phát nổ.



SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI ĐÚNG CÁCH

Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí thông thường như được hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại. Không nên chạm vào ăng-ten khi không cần thiết.



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÓ CHẤT LƯỢNG

Chỉ những nhân viên có đủ khả năng chuyên môn mới được lắp đặt hoặc sửa chữa điện thoại.



PHỤ KIỆN VÀ PIN

Chỉ sử dụng phụ kiện cải tiến và pin đã kiểm duyệt. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CHỐNG VỠ NƯỚC

Điện thoại này không thể chống vỡ nước. Nên giữ điện thoại thật khô.



DỰ PHÒNG

Luôn nhớ lưu dự phòng hoặc giữ lại bản viết tay tất cả thông tin quan trọng được lưu trong điện thoại.



KẾT NỐI VỚI CÁC THIẾT BỊ KHÁC

Khi kết nối điện thoại với bất kỳ thiết bị nào, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thiết bị đó để biết những hướng dẫn chi tiết về an toàn. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CUỘC GỌI KHẨN CẤP

Bảo đảm điện thoại đã được bật và đang trong trạng thái hoạt động. Bấm phím kết thúc nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và trở về màn hình bắt đầu. Nhập số điện thoại khẩn cấp rồi bấm phím đàm thoại. Cho biết nơi bạn đang ở. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

■ Giới thiệu điện thoại

Điện thoại vô tuyến mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này được phép sử dụng trên mạng gồm các băng tần GSM 900/1800/1900. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về mạng.

Khi sử dụng những tính năng của thiết bị này, hãy tuân thủ pháp luật và tôn trọng sự riêng tư và những quyền hợp pháp của người khác, bao gồm cả bản quyền.

Khi đang chụp hình và sử dụng hình ảnh hoặc các video clip, phải tuân theo các quy định và tôn trọng các phong tục cũng như các quyền hợp pháp và riêng tư của từng địa phương.



Cảnh báo: Bạn phải bật điện thoại để sử dụng các chức năng của nó, ngoại trừ chức năng báo thức. Không nên bật điện thoại nếu có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

■ Các Dịch vụ Mạng

Để sử dụng điện thoại, bạn phải có dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến cung cấp. Nhiều chức năng trên điện thoại phụ thuộc vào các chức năng trên mạng vô tuyến để hoạt động. Các dịch vụ mạng này không có sẵn trên tất cả các mạng và bạn phải thỏa thuận với nhà cung cấp dịch vụ trước khi bạn có thể sử dụng các dịch vụ mạng. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp thêm cho bạn các thông tin hướng dẫn sử dụng và mức phí sẽ được áp dụng khi sử dụng các dịch vụ mạng này. Một số mạng có thể có các hạn chế ảnh hưởng đến cách sử dụng các dịch vụ mạng. Ví dụ một số mạng có thể không hỗ trợ tất cả ký tự và dịch vụ tùy thuộc ngôn ngữ.

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng có thể được cấu hình đặc biệt. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Điện thoại hỗ trợ giao thức WAP 2.0 (HTTP và SSL) chạy trên giao thức TCP/IP. Một số chức năng của điện thoại này, ví dụ như trình duyệt Web, e-mail, Push to talk, nhắn tin trò chuyện, và nhắn tin đa phương tiện, yêu cầu mạng phải hỗ trợ các công nghệ này.

■ Phụ kiện, pin và bộ sạc

Kiểm tra số hiệu của bộ sạc trước khi sử dụng với điện thoại này. Điện thoại này được thiết kế sử dụng điện từ các bộ sạc AC-3 or AC-4. Điện thoại này sử dụng pin BP-6M.



Cảnh báo: Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện cài tiến được Nokia phê chuẩn cho riêng kiểu điện thoại này. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Liên hệ với đại lý của bạn để biết về các phụ kiện cài tiến chính hãng hiện có. Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cắm vào phích cắm, không nên kéo dây.

Một số nguyên tắc sử dụng phụ kiện và phụ kiện cài tiến:

- Giữ tất cả phụ kiện và phụ kiện cài tiến ngoài tầm tay trẻ em.
- Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện hoặc phụ kiện cài tiến nào ra, cắm vào phích cắm và kéo ra, không nên kéo dây.
- Kiểm tra thường xuyên xem các phụ kiện lắp trên xe có được gắn và hoạt động đúng không.
- Việc lắp bất kỳ phụ kiện phức tạp nào trên xe đều phải được nhân viên có khả năng chuyên môn thực hiện.

Thông tin tổng quát

■ Tổng quan về chức năng

Điện thoại cung cấp nhiều chức năng tiện lợi cho việc sử dụng hàng ngày, ví dụ như lịch, ứng dụng e-mail, đồng hồ, báo thức, trình duyệt Web XHTML, đài FM. Điện thoại của bạn cũng hỗ trợ các chức năng sau:

- Camera 2-megapixel có chức năng quay phim
- Máy nghe nhạc có các phím điều khiển khi nghe nhạc và hỗ trợ các tập tin MP3, WMA, AAC, và eAAC+
- Quay số bằng giọng nói và khẩu lệnh nâng cao
- Công nghệ không dây Bluetooth
- Thẻ nhớ microSD để mở rộng dung lượng bộ nhớ của điện thoại

■ Mã truy cập

Mã khóa

Mã khóa (5 đến 10 chữ số) giúp bảo vệ điện thoại của bạn không bị sử dụng trái phép. Mã được cài sẵn là 12345. Thay đổi mã và giữ mã mới ở nơi an toàn tách

biệt với điện thoại. Để thay đổi mã và để cài điện thoại yêu cầu mã này, xem phần "**Bảo mật**" trên trang 90.

Nếu bạn nhập mã khóa sai năm lần liên tiếp, điện thoại sẽ bỏ qua những lần nhập mã sau đó. Đợi 5 phút và nhập mã lần nữa.

Khi điện thoại bị khóa, bạn chỉ có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Mã PIN

- Mã số nhận diện cá nhân (PIN) và mã số nhận diện cá nhân vạn năng (UPIN) (4 đến 8 số) giúp bảo vệ thẻ SIM của bạn không bị sử dụng trái phép. Xem phần "**Bảo mật**" trên trang 90. Mã PIN thường được cấp cùng với thẻ SIM.
- Mã PIN 2 (4 đến 8 số) có thể được cung cấp cùng với thẻ SIM và được yêu cầu cho một số chức năng.

- Bạn cần có mã PIN mô-đun để truy cập thông tin trong mô-đun bảo vệ. Mã PIN mô-đun được cung cấp cùng với thẻ SIM nếu thẻ SIM có chứa mô-đun bảo vệ.
- Bạn cần có mã PIN ký tên cho chữ ký kỹ thuật số. Mã PIN ký tên được cung cấp cùng với thẻ SIM nếu thẻ SIM có chứa mô-đun bảo vệ.

Mã PUK

Mã số mở khóa cá nhân (PUK) và mã số mở khóa cá nhân vạn năng (UPUK) (8 số) được yêu cầu để thay đổi mã PIN và mã UPIN bị khóa. Mã PUK2 được yêu cầu khi đổi mã PIN2 bị khóa.

Nếu không được cấp cùng với thẻ SIM, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ tại địa phương để được cấp các mã này.

Mật mã chặn cuộc gọi

Mật mã chặn cuộc gọi (4 chữ số) được yêu cầu khi sử dụng *Call barring* (Chặn cuộc gọi). Xem phần "**Chặn cuộc gọi**" trên trang 93. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp cho bạn mật mã này.

Nếu bạn nhập mật mã chặn cuộc gọi sai ba lần liên tục, mật mã này sẽ bị khóa. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

■ Dịch vụ cài đặt cấu hình

Trước khi sử dụng dịch vụ nhắn tin đa phương tiện, tin nhắn trò chuyện, push to talk, và ứng dụng e-mail, đồng bộ, trực tuyến, và trình duyệt, bạn phải có thông số cài đặt cấu hình đúng trên điện thoại. Điện thoại có thể tự động đặt cấu hình cho trình duyệt, tin nhắn đa phương tiện, điểm truy cập, và cài đặt trực tuyến dựa trên thẻ SIM bạn sử dụng. Bạn có thể nhận các thông số cài đặt trực tiếp dưới dạng tin nhắn cấu hình rồi lưu vào điện thoại.

Để biết thêm thông tin về tính khả dụng, xin liên hệ với nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ hoặc đại lý được ủy quyền gần nhất của Nokia.

Khi bạn nhận được một tin nhắn cấu hình, và các thông số cài đặt không tự động được lưu và kích hoạt, *1 new message (1 tin nhắn mới)* sẽ hiển thị. Chọn **Show (Hiển thị)** để mở tin nhắn. Để lưu cài đặt, chọn **Options (Tùy chọn) > Save (Lưu lại)**. Khi điện thoại yêu cầu *Configuration settings PIN code: (Mã PIN của cài đặt cấu hình:)*, nhập

mã PIN để cài đặt và chọn **OK**. Để có mã PIN, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Nếu chưa có cài đặt nào được lưu, các cài đặt này sẽ được lưu và dùng làm cài đặt cấu hình mặc định. Nếu không, điện thoại sẽ yêu cầu *Set as default settings? (Thiết lập làm cài đặt mặc định?)*.

Để loại bỏ các cài đặt vừa nhận, chọn **Options (Tùy chọn) > Delete (Xóa)**.

■ Tải về nội dung và ứng dụng

Bạn có thể tải nội dung và các ứng dụng, như chủ đề, âm thanh, video clip, và trò chơi, về điện thoại (dịch vụ mạng). Chọn chức năng tải chương trình từ mạng (ví dụ, trong các menu *Gallery (Bộ sưu tập)*). Để truy cập chức năng tải về, hãy xem những mô tả về menu tương ứng. Để biết tính khả dụng, giá cả và cước phí của các dịch vụ khác nhau, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

■ Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia

Để có phiên bản mới nhất của hướng dẫn này, các dữ liệu tải xuống, các dịch vụ và thông tin bổ sung liên quan đến sản phẩm Nokia, vui lòng truy cập vào trang www.nokia-asia.com/3250/support hoặc trang web Nokia tại địa phương. Bạn cũng có thể tải xuống miễn phí các cài đặt cấu hình như là MMS, GPRS, e-mail, và các dịch vụ khác cho kiểu điện thoại của bạn tại www.nokia-asia.com/phonesettings.

Nếu bạn vẫn cần trợ giúp, vui lòng truy cập vào trang www.nokia-asia.com/contactus.

Để kiểm tra trung tâm chăm sóc khách hàng Nokia gần nhất cho các dịch vụ bảo trì, bạn có thể truy cập vào trang www.nokia-asia.com/repair.

1. Bắt đầu sử dụng

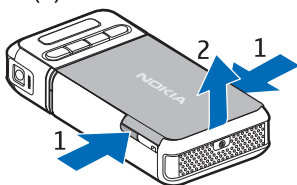
■ Lắp thẻ SIM và pin

Luôn tắt điện thoại và ngắt kết nối với bộ sạc trước khi tháo pin ra.

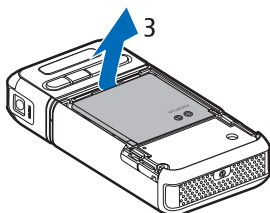
Giữ mọi thẻ SIM ngoài tầm với trẻ em.

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

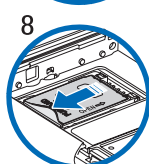
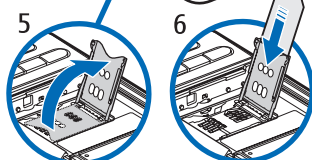
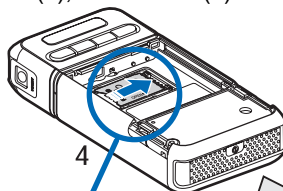
1. Đặt mặt sau của điện thoại hướng lên, bấm các nút giữ trên cả hai cạnh bên của điện thoại (1), và nhấc vỏ mặt sau lên (2) để tháo vỏ.



2. Để tháo pin, nhấc pin lên như hình minh họa (3).

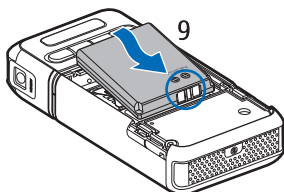


3. Để mở ngăn chứa thẻ SIM, trượt ngăn chứa thẻ về phía sau (4), và nhấc lên (5).

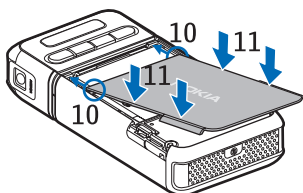


4. Lắp thẻ SIM vào ngăn chứa thẻ SIM (6). Đảm bảo rằng góc vát của thẻ SIM hướng về phía trước.
5. Đóng ngăn chứa thẻ SIM (7), và trượt về phía trước để khóa lại (8).

6. Lắp pin vào (9).

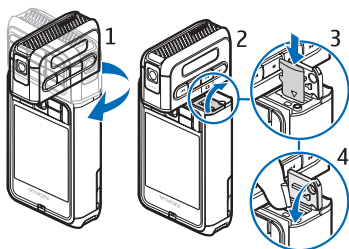


7. Để lắp vỏ mặt sau, khớp vò với các chốt khóa trên máy (10), và nhấn vỏ vào vị trí (11).



■ Lắp thẻ microSD

1. Xoay phần dưới của điện thoại để truy cập nắp thẻ SD.



2. Để mở nắp khe chứa thẻ, kéo góc của nắp.

3. Lắp thẻ sao cho mặt tiếp xúc mạ vàng hướng về phía mặt sau của nắp khe chứa thẻ, và ấn xuống cho đến khi khớp vào vị trí.

4. Đóng nắp khe chứa thẻ.

Chỉ sử dụng thẻ microSD tương thích với điện thoại này. Các loại thẻ nhớ khác, ví dụ như thẻ RS-MMC sẽ không vừa với khe thẻ microSD và cũng không tương thích với điện thoại này. Sử dụng thẻ nhớ không tương thích có thể làm hư thẻ cũng như thiết bị và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị mất.

Giữ các thẻ microSD ngoài tầm tay trẻ em.

■ Tháo thẻ microSD



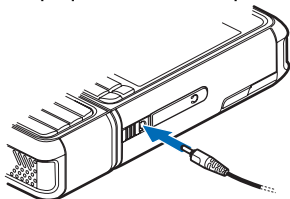
Chú ý: Không tháo thẻ microSD trong khi đang truy cập vào thẻ. Việc tháo thẻ trong khi đang sử dụng có thể làm hư thẻ cũng như điện thoại, và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị lỗi.

Bạn có thể tháo hoặc thay thẻ thẻ microSD trong khi điện thoại đang hoạt động mà không cần tắt điện thoại.

1. Xoay phần bàn phím của điện thoại để làm lộ khe chứa thẻ microSD ra.
2. Mở nắp khe chứa thẻ microSD, và theo hướng dẫn trên màn hình.
3. Tháo (hoặc thay) thẻ microSD, và đóng nắp khe chứa thẻ lại.

■ Sạc pin

1. Nối bộ sạc vào ổ cắm điện.

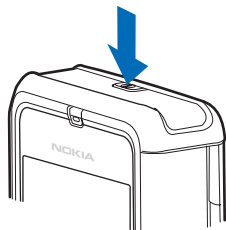


2. Nối dây dẫn bộ sạc vào đầu nối bộ sạc trên điện thoại.
Nếu pin hết hẳn thì phải mất vài phút trước khi chỉ báo sạc pin hiển thị trên màn hình hoặc trước khi thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào.

Thời gian sạc tùy thuộc vào bộ sạc và pin sử dụng. Sạc pin BP-6M bằng bộ sạc AC-3 mất khoảng 3 giờ còn sạc bằng bộ sạc AC-4 mất khoảng 2 giờ.

■ Bật và tắt điện thoại

Bấm và giữ phím nguồn như trong hình.



Nếu điện thoại hỏi mã PIN, nhập mã PIN vào, và chọn **OK**.

Nếu điện thoại hỏi mã khóa, nhập mã khóa vào, và chọn **OK**. Giá trị cài đặt gốc của mã khóa là 12345.

■ Cài ngày giờ

Để cài múi giờ, và ngày giờ đúng, chọn thành phố bạn đang ở hoặc một thành phố gần nhất trong danh sách có cùng múi giờ, sau đó nhập ngày giờ địa phương vào.

■ Vị trí vận hành thông thường

Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí vận hành thông thường. Điện thoại có một ăng-ten bên trong.



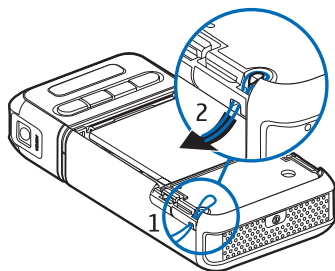
động của ăng-ten và tuổi thọ pin đạt mức tối ưu.



Lưu ý: Cũng giống như bất kỳ thiết bị vô tuyến nào khác, không nên chạm vào ăng-ten khi đang bật điện thoại nếu không cần thiết. Sự tiếp xúc với ăng-ten sẽ ảnh hưởng đến chất lượng cuộc gọi và có thể làm hao pin hơn bình thường. Việc không chạm vào ăng-ten khi đang có cuộc gọi sẽ giúp cho hoạt

■ Gắn dây đeo cổ tay

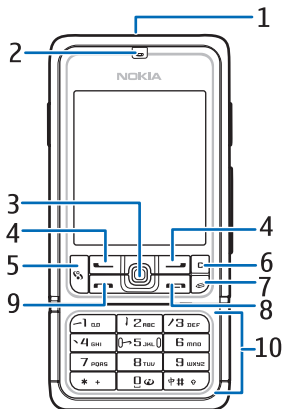
1. Tháo vỏ sau ra khỏi điện thoại.
2. Luồn móc dây đeo cổ tay qua lỗ (1).



3. Cài móc quanh chốt, và thắt chặt lại (2).
4. Gắn vỏ sau.

2. Điện thoại của bạn

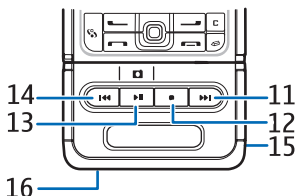
■ Các phím và bộ phận



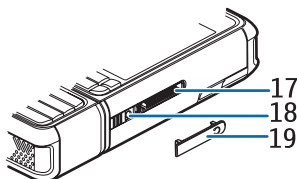
Lưu ý: Miếng lót bàn phím có thể thay đổi theo thị trường.

- Phím nguồn (1)
- Tai nghe (2)
- Phím điều khiển (3)
- Các phím chọn (4)
- Phím Menu (5)
- Phím xóa (6)
- Phím soạn thảo (7)
- Phím kết thúc (8)
- Phím gọi (9)
- Các phím số (10)

- Tiến nhanh về trước ►►, phóng to (11)
- Ngừng ■ (12)



- Phát/tạm ngưng ►►, phím chụp ảnh (13)
- Tua lại ◀◀, thu nhỏ (14)
- Ống kính camera (15)
- Loa (16)
- Đầu nối Pop-Port™ (17)
- Đầu nối bộ sạc (18)
- Nắp đầu nối Pop-Port (19)



Giữ nắp đầu nối Pop-Port ngoài tầm tay trẻ em.

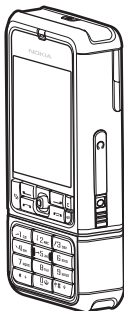
Không để điện thoại gần nam châm hoặc từ trường vì chúng có thể làm cho một số ứng dụng như camera, kích hoạt không mong muốn.

■ Các chế độ hoạt động

Điện thoại có ba chế độ hoạt động: chế độ liên lạc, camera, và nhạc. Để chuyển giữa các chế độ, xoay phần dưới của điện thoại. Cần một thời gian tạm ngừng ngắn để kích hoạt một chế độ. Ở chế độ liên lạc, không xoay phần dưới của điện thoại sang trái quá 90 độ hoặc sang phải quá 180 độ. Nếu bạn cố xoay phần dưới của điện thoại ngoài giới hạn này, điện thoại sẽ bị hư.

Chế độ liên lạc

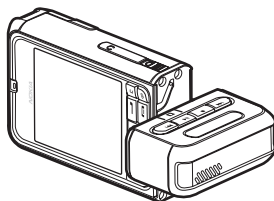
Chế độ liên lạc được kích hoạt khi các phím số của phần dưới nằm cùng một bên với màn hình.



Chế độ camera

Để kích hoạt chế độ camera ở chế độ liên lạc, xoay phần dưới của điện thoại 90 độ sang trái để ống

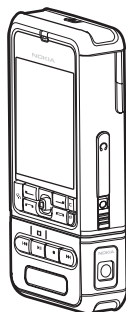
kính camera hướng ngược về phía bạn khi nhìn vào màn hình.



Để kích hoạt chế độ tự chụp, xoay phần dưới của điện thoại 90 độ sang phải để ống kính camera hướng về phía bạn khi nhìn vào màn hình.

Chế độ nhạc

Để kích hoạt chế độ nhạc ở chế độ liên lạc, xoay phần dưới của điện thoại 180 độ sang trái để các phím sử dụng để điều khiển phát nhạc ở cùng một phía với màn hình.



■ Chế độ chờ

Khi điện thoại đã được bật, và đăng ký vào mạng, điện thoại sẽ ở chế độ chờ và sẵn sàng để sử dụng.

Để thay đổi cấu hình, bấm phím nguồn, và chọn một cấu hình.

Để mở danh sách các số mới gọi đi gần đây, bấm phím đàm thoại.

Để sử dụng lệnh thoại, bấm và giữ phím chọn phải.

Để kết nối Web, bấm và giữ 0.

Chế độ chờ

Ở chế độ chờ, bạn có thể sử dụng màn hình chính để truy cập nhanh vào những ứng dụng được sử dụng thường xuyên. Để chọn hiển thị hoặc không hiển thị chế độ chờ, chọn **Menu** >

Tools (Công cụ) >

Settings (Cài đặt) >

Phone (Trên máy) >

Standby mode (Chế độ chờ) > *Active standby (Chế độ chờ)* > *On (Bật)* hoặc *Off (Tắt)*.

Để truy cập vào các ứng dụng của chế độ chờ, di chuyển lên hoặc xuống, sau đó di chuyển đến ứng dụng bạn muốn, và chọn ứng dụng này. Ở chế độ chờ các ứng dụng mặc định được hiển thị ở phía trên màn hình, và lịch, công việc, và các sự kiện của trình phát được liệt kê bên dưới. Để chọn một ứng dụng hoặc sự kiện, di chuyển đến ứng dụng này, và bấm phím điều khiển.

Các phím tắt của phím điều khiển khi ở chế độ chờ

Theo mặc định, điện thoại sẽ ở chế độ màn hình chờ, và không thể sử dụng các phím tắt của phím điều khiển. Bạn có thể tắt chế độ màn hình chờ để sử dụng các phím tắt sau.

Để mở *Contacts (Danh bạ)*, di chuyển lên hoặc xuống, hoặc bấm phím điều khiển.

Để mở *Calendar (Lịch)*, di chuyển sang phải.

Để viết tin nhắn văn bản, di chuyển sang trái.

Để thay đổi các phím tắt cho ứng dụng của phím di chuyển:

1. Chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Phone (Trên máy)* > *Standby mode (Chế độ chờ)*.
2. Di chuyển đến phím tắt bạn muốn thay đổi, và bấm phím điều khiển.
3. Di chuyển đến một ứng dụng mới, và bấm phím điều khiển.

Một số phím tắt có thể là cố định và không thể thay đổi.

■ Các chỉ báo



Điện thoại được kết nối vào mạng GSM.



Bạn đã nhận được một hoặc nhiều tin nhắn *Inbox (Hộp thư đến)* trong menu *Message (Tin nhắn)*.



Có tin nhắn đang chờ để gửi trong *Outbox (Hộp thư đi)*. Xem phần "*Hộp thư đi*" trên trang 29.



Bạn có cuộc gọi bị nhỡ. Xem phần "*Các cuộc gọi gần đây*" trên trang 16.



Sẽ hiển thị nếu *Ringring type (Kiểu đổ chuông)* được cài là *Silent (Im lặng)* và *Message alert tone (Âm báo tin nhắn)* và *E-mail alert tone (Âm báo e-mail)* được cài là *Off (Tắt)*. Xem phần "*Cấu hình*" trên trang 79.



Bàn phím điện thoại bị khóa. Xem phần "*Khóa bàn phím (Bảo vệ phím)*" trên trang 11.



Loa đã được kích hoạt.



Báo thức đã được kích hoạt.

2

Số máy điện thoại thứ hai đang được sử dụng. Xem phần *Line in use (Số máy đang sử dụng)* trong phần "*Cuộc gọi*" trên trang 84.



Tất cả các cuộc gọi đến điện thoại được chuyển vào hộp thư thoại hoặc tới một số điện thoại khác. Nếu bạn có hai số máy điện thoại, chỉ báo chuyển hướng sẽ là 1 cho số điện thoại đầu tiên và 2 cho số điện thoại thứ hai.



Một tai nghe được nối với điện thoại.



Một bộ trợ thính được nối với điện thoại.



Mất kết nối với bộ tai nghe Bluetooth.



D / D⁺ Cuộc gọi data được kích hoạt.



Hiện có kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE.



Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang hoạt động.



Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang được giữ.

- Bluetooth được kích hoạt.
- () Dữ liệu đang được truyền qua Bluetooth. Xem phần "[Kết nối Bluetooth](#)" trên trang 100.
- () Kết nối USB được kích hoạt.

Các chỉ báo khác cũng có thể được hiển thị.

■ Di chuyển và chọn bằng phím điều khiển

Để di chuyển, di chuyển phím điều khiển lên, xuống, sang trái, hoặc sang phải. Để chọn mục đánh dấu sáng, bấm phím điều khiển.

Chon và bỏ chọn các mục trong các ứng dụng

Để chọn hoặc bỏ chọn một mục trong các ứng dụng, bấm và giữ phím chỉnh sửa, và bấm phím điều khiển. Để chọn hoặc bỏ chọn nhiều mục liên tiếp, bấm và giữ phím chỉnh sửa, và di chuyển lên hoặc xuống.

■ Menu

Trong menu, bạn có thể truy cập vào các chức năng trong điện thoại. Để truy cập vào menu chính, chọn **Menu**.

Để mở một ứng dụng hoặc một thư mục, di chuyển đến ứng dụng hoặc thư mục này và bấm phím điều khiển.

Để thay đổi dạng hiển thị của menu, chọn **Menu > Options (Tùy chọn) > Change view (Đổi giao diện) > Grid (Đường kẻ ô)** hoặc **List (Danh sách)**.

Nếu bạn thay đổi thứ tự của các chức năng trong menu, thứ tự này có thể khác với thứ tự mặc định được mô tả trong hướng dẫn sử dụng này.

Để đóng một ứng dụng hoặc một thư mục, chọn **Back (Trở về)** và **Exit (Thoát)** nhiều lần nếu cần để trở về chế độ chờ, hoặc chọn **Options (Tùy chọn) > Exit (Thoát)**.

Để hiển thị và chuyển giữa các ứng dụng đang mở, bấm và giữ phím menu. Cửa sổ chuyển đổi ứng dụng sẽ mở ra, hiển thị danh sách các ứng dụng đang mở. Di chuyển đến một ứng dụng và chọn nó.

Việc để các ứng dụng chạy ẩn sẽ tiêu thụ pin nhiều hơn và đồng thời làm giảm tuổi thọ của pin.

■ Trợ giúp

Điện thoại của bạn có các văn bản trợ giúp theo ngữ cảnh. Bạn có thể truy cập phần trợ giúp từ một ứng dụng hoặc từ menu chính.

Để truy cập trợ giúp khi một ứng dụng đang mở, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Help (Trợ giúp)*. Để chuyển giữa trợ giúp và ứng dụng đang chạy ẩn, chọn và giữ **Menu**. Chọn **Options (Tùy chọn)** và chọn một số các tùy chọn sau:

Topic list (Danh sách chủ đề) — để xem danh sách các chủ đề hiện có trong loại tương ứng

Help category list (Danh mục trợ giúp) — để xem danh sách các mục trợ giúp

Search by keyword (Tìm theo từ khóa) — để tìm kiếm các chủ đề trợ giúp sử dụng các từ khóa.

Để mở phần trợ giúp trong menu chính, chọn *Tools (Công cụ)* > *Help (Trợ giúp)*.

Trong danh sách các mục trợ giúp, chọn ứng dụng bạn muốn để xem danh sách các chủ đề trợ giúp. Để chuyển giữa danh sách mục trợ giúp, được chỉ báo bằng , và danh sách từ khóa, được chỉ báo bằng , di

chuyển sang trái hoặc sang phải. Bấm phím điều khiển để hiển thị văn bản trợ giúp liên quan.

■ Hướng dẫn

Hướng dẫn bao gồm phần giới thiệu về các chức năng điện thoại và một hướng dẫn về cách sử dụng điện thoại. Hướng dẫn tự động khởi động khi bạn bật điện thoại lần đầu tiên. Để tự khởi động hướng dẫn, chọn **Menu** > *Tutorial (Hướng dẫn)* và chọn một mục hướng dẫn.

■ Điều chỉnh âm lượng

Để điều chỉnh âm lượng tai nghe hoặc âm lượng loa trong khi gọi hoặc khi nghe một tập tin âm thanh, di chuyển sang trái hoặc sang phải.

Để bật loa trong khi gọi, chọn **Loudsp. (Loa)**.

Để tắt loa trong khi gọi, chọn **Handset (Cầm tay)**.



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

■ Khóa bàn phím (Bảo vệ phím)

Để tránh việc tình cờ bấm phím, bấm phím chọn phải và * trong vòng 1,5 giây để khóa bàn phím.

Để mở khóa bàn phím, chọn **Unlock (Mở khóa)**, và bấm * trong khoảng 1,5 giây.

Khi bật chức năng khóa bàn phím, bạn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

3. Các chức năng gọi điện

■ Gọi điện

1. Khi ở chế độ chờ, nhập số điện thoại, bao gồm cả mã vùng. Bấm phím xóa để xóa một số.
Để gọi điện quốc tế, bấm * hai lần để nhập mã đầu quốc tế (dấu + thay cho mã truy cập quốc tế), và nhập mã quốc gia, mã vùng (không cần nhập số 0 đầu, nếu cần), và số điện thoại.
2. Để gọi số điện thoại đó, bấm phím đàm thoại.
3. Để kết thúc cuộc gọi hoặc hủy cuộc gọi, bấm phím kết thúc.

Để thực hiện một cuộc gọi từ *Contacts (Danh bạ)*, chọn **Menu** > *Contacts (Danh bạ)*. Di chuyển đến tên bạn muốn, hoặc nhập các ký tự đầu tiên của tên đó vào, và di chuyển đến tên bạn muốn. Để gọi số điện thoại đó, bấm phím đàm thoại.

Để gọi tới hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ **1** khi ở chế độ chờ. Bạn phải xác định số hộp thư thoại trước khi có thể gọi tới hộp thư thoại. Xem phần "**Hộp thư thoại**" trên trang 79.

Để gọi tới một số mới gọi gần đây, bấm phím đàm thoại ở chế độ chờ. Danh sách 20 số điện thoại mà bạn vừa gọi hoặc cố gọi gần đây nhất sẽ hiển thị. Di chuyển đến số điện thoại bạn muốn, và bấm phím đàm thoại.

Để thực hiện cuộc gọi push to talk, xem phần "**Push to talk (bộ đàm)**" trên trang 113.

Quay số nhanh

Bạn có thể gán một số điện thoại cho một trong các phím quay số nhanh **2** đến **9**. Xem phần "**Gán các phím quay số nhanh**" trên trang 39.

Gọi số quay số nhanh theo một trong các cách sau:

- Bấm phím quay số nhanh, sau đó bấm phím đàm thoại.
- Nếu lệnh *Speed dialling (Quay số nhanh)* được cài là *On (Bật)*, nhấn và giữ một phím quay số nhanh cho tới khi cuộc gọi bắt đầu. Để cài *Speed dialling (Quay số nhanh)* đến *On (Bật)*, chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Call (Gọi)* > *Speed dialling (Quay số nhanh)* > *On (Bật)*.

Quay số bằng khẩu lệnh cải tiến

Bạn có thể thực hiện cuộc gọi bằng cách đọc tên được lưu trong danh sách liên lạc của điện thoại. Lệnh thoại sẽ được tự động thêm vào tất cả các mục trong danh sách liên lạc của điện thoại.

Không chấp nhận các tên quá ngắn. Sử dụng các tên dài và tránh các tên tương tự cho các số điện thoại khác nhau.

Thực hiện cuộc gọi bằng khẩu lệnh

Nếu một ứng dụng đang gửi hoặc nhận dữ liệu sử dụng kết nối dữ liệu gói, hãy ngừng ứng dụng này trước khi sử dụng quay số bằng giọng nói.



Lưu ý: Sử dụng khẩu lệnh có thể gặp khó khăn trong môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

1. Khi ở chế độ chờ, bấm và giữ phím chọn phải. Điện thoại sẽ phát một âm ngắn, và thông báo *Speak now (Xin mời nói)* sẽ hiển thị.

Nếu bạn đang sử dụng tai nghe tương thích có phím tai nghe, bấm và giữ phím tai.

2. Đọc rõ lệnh thoại. Điện thoại sẽ phát khẩu lệnh khớp nhất. Sau khoảng 1,5 giây, điện thoại quay số này; nếu kết quả không đúng số, trước khi quay số, chọn **Next**, và chọn mục nhập khác để gọi.

Sử dụng lệnh thoại để thực hiện một chức năng điện thoại tương tự như quay số bằng khẩu lệnh. Xem phần "**Lệnh thoại**" trên trang 78.

Gọi điện hội nghị (dịch vụ mạng)

1. Gọi điện cho thành viên thứ nhất.
2. Để gọi điện cho thành viên khác, chọn **Options (Tùy chọn)** > *New call (Cuộc gọi mới)*. Cuộc gọi đầu sẽ tự động ở trạng thái giữ.
3. Để nối thành viên đầu tiên vào cuộc gọi hội nghị khi cuộc gọi mới được trả lời, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Conference (Hội nghị)*.

- Để thêm người mới vào cuộc gọi, lặp lại bước 2 và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Conference (Hội nghị)* > *Add to conference (Thêm vào cuộc gọi)*. Điện thoại hỗ trợ các cuộc gọi hội nghị với tối đa sáu thành viên tham gia, kể cả bạn.
- Để trò chuyện riêng với một trong các thành viên, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Conference (Hội nghị)* > *Private (Riêng)*. Chọn một thành viên và chọn **Private (Riêng)**. Cuộc gọi hội nghị sẽ được chuyển sang trạng thái giữ. Những thành viên khác vẫn có thể tiếp tục cuộc gọi hội nghị. Để trở về cuộc gọi hội nghị, chọn lại **Options (Tùy chọn)** > *Add to conference (Thêm vào cuộc gọi)*.
- Để loại bớt một thành viên, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Conference (Hội nghị)* > *Drop participant (Ngắt kết nối thành viên)*, di chuyển đến thành viên và chọn **Drop (Ngắt kết nối)**.

4. Để kết thúc cuộc gọi hội nghị, bấm phím kết thúc.

■ Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi

Để trả lời cuộc gọi, bấm phím đàm thoại.

Để tắt âm chuông báo trước khi trả lời cuộc gọi này, chọn **Silence (Im lặng)**.



Mẹo: Nếu tai nghe tương thích được nối với điện thoại, bấm phím tai nghe để trả lời và kết thúc cuộc gọi.

Để từ chối cuộc gọi, bấm phím kết thúc. Người gọi sẽ nghe âm báo bận máy. Nếu bạn đã kích hoạt chức năng *Call divert (Chuyển hướng)* tùy chọn *If busy (Nếu bận)* để chuyển hướng cuộc gọi, việc từ chối cuộc gọi cũng sẽ chuyển hướng cuộc gọi này.

Để gửi cả tin nhắn văn bản cho người gọi để báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Send text message (Gửi tin nhắn văn bản)*. Bạn có thể chỉnh sửa văn bản trước khi gửi. Xem phần *Reject call with SMS (Từ chối cuộc gọi cùng với SMS)* và *Message text (Tin nhắn văn bản)* trong phần **"Cuộc gọi"** trên trang 83.

Dịch vụ cuộc gọi chờ (dịch vụ mạng)

Khi đang gọi điện, để trả lời cuộc gọi chờ, bấm phím đàm thoại. Cuộc gọi đầu sẽ ở trạng thái giữ. Để kết thúc cuộc gọi hiện tại, bấm phím kết thúc.

Để khởi động chức năng *Call waiting* (Cuộc gọi chờ), chọn **Menu** > *Tools* (Công cụ) > *Settings* (Cài đặt) > *Call* (Gọi) > *Call waiting* (Cuộc gọi chờ) > *Activate* (Khởi động).

Để chuyển qua lại giữa hai cuộc gọi, chọn **Swap** (Hoán đổi).

Các tùy chọn trong khi gọi

Nhiều tùy chọn mà bạn có thể sử dụng trong khi gọi là các dịch vụ mạng. Để biết tính khả dụng, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Chọn **Options** (Tùy chọn) khi đang gọi cho một số tùy chọn sau đây:

Mute (Tắt âm) hoặc *Unmute* (Bật âm); *Activate handset* (Bật chế độ điện thoại), *Activate loudsp.* (Bật loa), hoặc *Activate handsfree* (Bật chức năng nói chuyện trực tiếp qua loa) (nếu một tai nghe

Bluetooth tương thích được nối vào); *End active call* (Kết thúc cuộc gọi hiện tại) hoặc *End all calls* (Kết thúc tất cả các cuộc gọi), *New call* (Cuộc gọi mới); *Conference* (Hội nghị); *Answer* (Trả lời); *Reject* (Từ chối); *Swap* (Hoán đổi); *Hold* (Giữ) hoặc *Unhold* (Nhả); và *Open active standby* (Mở chế độ chờ).

Transfer (Nối chuyển) — để kết nối một cuộc gọi ở trạng thái chờ với một cuộc gọi hiện thời và ngắt kết nối của bạn

Replace (Thay thế) — để kết thúc cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đang chờ

Send DTMF (Gửi DTMF) — để gửi các chuỗi âm DTMF (ví dụ mật mã). Nhập chuỗi DTMF hoặc tìm trong *Contacts* (Danh bạ). Để nhập một ký tự chờ (**w**) hoặc ký tự ngưng (**p**), bấm * liên tục. Để gửi âm báo chọn **OK**.



Mẹo: Bạn có thể thêm các âm DTMF vào *Phone number* (Số điện thoại) hoặc *DTMF* vào thẻ liên lạc.

■ Nhật ký

Trong nhật ký, bạn có thể theo dõi các cuộc gọi, tin nhắn văn bản, các kết nối truyền dữ liệu và fax và cuộc gọi dữ liệu do điện thoại ghi lại. Bạn có thể lọc nhật ký để chỉ xem một loại sự kiện và tạo các sổ liên lạc mới dựa trên thông tin được lưu lại.

Các kết nối từ xa vào hộp thư, trung tâm nhắn tin đa phương tiện, hoặc các trang trình duyệt sẽ được hiển dưới dạng cuộc gọi data hoặc kết nối truyền dữ liệu trong nhật ký chung.

Các cuộc gọi gần đây

Điện thoại ghi lại số điện thoại của các cuộc gọi bị nhỡ, cuộc gọi vừa nhận và số đã gọi, thời lượng của các cuộc gọi. Điện thoại chỉ ghi lại các cuộc gọi bị nhỡ và các cuộc gọi vừa nhận khi mạng hỗ trợ các chức năng này, và khi điện thoại được bật và đang trong vùng phủ sóng.

Cuộc gọi bị nhỡ và cuộc gọi vừa nhận

Để xem danh sách 20 số điện thoại sau cùng của những người đã cố gọi cho bạn (dịch vụ mạng), chọn **Menu** > *Log (Nhật ký)* > *Recent calls (Các cuộc gọi gần đây)* > *Missed calls (Cuộc gọi bị nhỡ)*.

Để xem danh sách 20 số điện thoại hoặc tên sau cùng mà bạn vừa nhận (dịch vụ mạng), chọn **Menu** > *Log (Nhật ký)* > *Recent calls (Các cuộc gọi gần đây)* > *Received calls (Cuộc gọi vừa nhận)*.

Các số đã gọi

Để xem danh sách 20 số điện thoại mà bạn vừa gọi hoặc cố gọi, chọn **Menu** > *Log (Nhật ký)* > *Recent calls (Các cuộc gọi gần đây)* > *Dialled nos. (Các số đã gọi)*.

Xóa danh sách cuộc gọi gần đây

Để xóa tất cả danh sách cuộc gọi mới nhất trong giao diện *Recent calls (Các cuộc gọi gần đây)*, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Clear recent calls (Xóa các cuộc gọi gần đây)*.

Để xóa một trong các nhật ký cuộc gọi, mở nhật ký bạn muốn xóa và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Clear list (Xóa danh sách)*.

Để xóa một sự kiện, mở một nhật ký, di chuyển đến sự kiện đó, và bấm phím xóa.

Call duration (Thời lượng cuộc gọi)

Để xem thời gian của các cuộc gọi đến và các cuộc gọi đi, chọn

Menu > *Log (Nhật ký)* > *Call duration (Thời lượng cuộc gọi)* > *Last call (Cuộc gọi mới nhất)*, *Dialled nos. (Các số đã gọi)*, *Received calls (Cuộc gọi vừa nhận)*, hoặc *All calls (Tất cả cuộc gọi)*.



Lưu ý: Hóa đơn thực tế mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi và dịch vụ có thể thay đổi tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn thành việc lập hóa đơn, thuế, v.v.

Một số bộ đếm giờ, bao gồm đồng hồ sống, có thể được cài đặt lại trong quá trình nâng cấp dịch vụ hoặc phần mềm.

Xóa bộ báo giờ cuộc gọi

Để xóa bộ báo giờ gọi, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Clear timers (Xóa bộ đếm giờ)*, và nhập mã khóa vào. Xem phần "**Bảo mật**" trên trang 90.

Nhật ký chung

Trong nhật ký chung, đối với từng sự kiện liên lạc, bạn có thể nhìn thấy tên người gửi hoặc tên người nhận, số điện thoại, tên của nhà cung cấp dịch vụ hoặc điểm truy cập. Các sự kiện phụ, ví dụ như tin nhắn văn bản đã được gửi thành nhiều phần và nhiều phiên kết nối dữ liệu, sẽ được ghi lại dưới dạng sự kiện liên lạc.

Để xem nhật ký chung, chọn **Menu** > *Log (Nhật ký)*, và di chuyển sang phải.

Để lọc nhật ký, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Filter (Lọc)* và chọn loại lọc.

Để xóa vĩnh viễn tất cả nội dung nhật ký, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Clear log (Xóa nhật ký)* > **Yes (Có)**.

Bộ đếm dữ liệu gói và thời gian kết nối

Để xem bao nhiêu dữ liệu, tính bằng KB, đã được chuyển và thời gian kết nối dữ liệu gói tương đối, di chuyển đến nhật ký chung của một sự kiện đến hoặc đi được chỉ báo bởi *Pack. (Gói)*, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *View details (Xem chi tiết)*.

Cài đặt nhật ký

Để cài đặt nhật ký chung, chọn

Options (Tùy chọn) >

Settings (Cài đặt) và chọn một trong số các cài đặt sau:

Log duration (Thời lượng nhật ký) — Các sự kiện sẽ

được lưu giữ trong bộ nhớ điện

thoại trong một số ngày nhất

định, sau đó chúng sẽ bị xóa để

làm trống bộ nhớ. Nếu bạn chọn

No log (Không có nhật ký),

tất cả nội dung nhật ký,

Recent calls (Các cuộc

gọi gần đây) nhật ký, và các

báo cáo kết quả tin nhắn sẽ bị

xóa vĩnh viễn.

Show call duration

(Hiển thị thời lượng

cuộc gọi) — Xem phần "**Call**

duration (Thời lượng cuộc gọi)"

trên trang 17.

Bộ đếm dữ liệu gói

Bộ đếm dữ liệu gói cho phép bạn

kiểm tra dung lượng dữ liệu đã

gửi và nhận trong quá trình kết

nối dữ liệu gói (GPRS).

Để truy cập vào bộ đếm, chọn

Menu > *Log (Nhật ký)* >

Packet data (Dữ liệu

gói).

4. Viết văn bản

Bạn có thể sử dụng kiểu nhập truyền thống hoặc kiểu nhập tiên đoán để nhập văn bản, ví dụ như khi viết tin nhắn. Khi viết văn bản, chỉ báo  sẽ xuất hiện ở phía trên, bên phải màn hình, cho biết kiểu nhập văn bản tiên đoán, và chỉ báo  sẽ xuất hiện cho biết kiểu nhập văn bản truyền thống. Để bật hoặc tắt kiểu nhập tiên đoán khi đang viết văn bản, bấm **#** hai lần trong khoảng 1,5 giây; hoặc bấm phím chỉnh sửa và chọn

Predictive text on (Bật văn bản tiên đoán) hoặc *Predictive text (Văn bản tiên đoán) > Off (Tắt)*.

Abc, abc, hoặc **ABC** sẽ xuất hiện bên cạnh chỉ báo kiểu nhập văn bản, cho biết dạng định dạng ký tự. Để đổi sang chữ hoa hoặc thường, bấm **#**.

123 cho biết kiểu nhập số. Để đổi giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ **#**, hoặc bấm phím chỉnh sửa và chọn *Number mode (Kiểu nhập số)* hoặc *Alpha mode (Chế độ alpha)*.

■ Kiểu nhập văn bản truyền thống

Bấm liên tục một phím số bất kỳ, từ phím **1** đến **9**, cho đến khi ký tự bạn cần sử dụng hiển thị. Không phải tất cả các ký tự có sẵn trong một phím số đều được hiển thị trên phím đó. Các ký tự có sẵn phụ thuộc vào ngôn ngữ soạn thảo văn bản được chọn. Xem phần *Writing language (Ngôn ngữ viết)* trong phần **"Trên máy"** trên trang 81.

Nếu chữ kế tiếp bạn muốn nằm cùng phím với chữ hiện tại, hãy đợi đến khi con trỏ hiển thị (hoặc di chuyển về phía trước để kết thúc khoảng thời gian nghỉ), rồi nhập chữ đó vào.

Để thêm số, bấm và giữ phím số. Các dấu câu và các ký tự đặc biệt thường dùng nhất đều có sẵn ở dưới phím **1**. Để có thêm các ký tự khác, bấm *****; hoặc bấm phím chỉnh sửa, và chọn *Insert symbol (Điền ký hiệu)*.

Để xóa một ký tự, bấm phím xóa. Để xóa nhiều ký tự, bấm và giữ phím xóa.

Để thêm khoảng trắng, bấm **0**.
Để di chuyển con trỏ đến dòng kế tiếp, bấm **0** ba lần.

■ Kiểu nhập tiên đoán

Bạn có thể nhập ký tự bất kỳ chỉ một lần bấm phím bằng cách sử dụng kiểu nhập văn bản tiên đoán. Để kích hoạt kiểu nhập tiên đoán, bấm phím chỉnh sửa, và chọn *Predictive text on* (*Bật văn bản tiên đoán*). Thao tác này sẽ kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên điện thoại.

1. Để nhập từ bạn muốn, bấm các phím **2—9**. Chỉ bấm mỗi phím một lần để nhập một chữ cái. Từ sẽ thay đổi sau mỗi lần bấm phím.

Để nhập các dấu câu thường dùng, bấm **1**. Để nhập thêm các dấu câu và các ký tự đặc biệt khác, bấm và giữ *****; hoặc bấm phím chỉnh sửa, và chọn *Insert symbol* (*Điền ký hiệu*).

Để xóa một ký tự, bấm phím xóa. Để xóa nhiều ký tự, bấm và giữ phím xóa.

2. Khi bạn đã viết xong một từ và từ đó đúng, để xác nhận từ này, di chuyển về phía trước hoặc bấm phím **0** để chèn một khoảng trắng.

Nếu từ đó không đúng, bạn có các tùy chọn sau:

- Để xem từng từ thích hợp mà từ điển đã tìm thấy, bấm ***** liên tục.
- Để xem danh sách các từ tương ứng, bấm phím chỉnh sửa, và chọn *Predictive text* (*Văn bản tiên đoán*) > *Matches* (*Các từ khác*). Di chuyển đến từ bạn muốn sử dụng, và bấm phím điều khiển để chọn từ đó.

Nếu dấu **?** hiển thị sau từ đó, từ bạn định viết không có trong từ điển. Để thêm một từ vào từ điển, chọn **Spell** (**Thêm**); hoặc bấm phím chỉnh sửa, và chọn *Predictive text* (*Văn bản tiên đoán*) > *Insert word* (*Điền từ*). Nhập từ vào (tối đa 32 ký tự) sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống, và chọn **OK**. Từ này sẽ được thêm vào từ điển. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

Để mở giao diện nơi bạn có thể chỉnh sửa từ đó, chỉ có nếu từ đó được kích hoạt (được gạch chân), chọn

Predictive text (Văn bản tiên đoán) > Edit word (Sửa từ).

Viết từ ghép

Soạn phần đầu của từ ghép, và di chuyển về phía trước để xác nhận phần này. Nhập phần còn lại, và để kết thúc từ ghép, bấm phím **0** để thêm một khoảng trắng.

■ Sao chép và xóa văn bản

1. Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ phím chỉnh sửa, đồng thời di chuyển sang trái hoặc sang phải. Khi vùng chọn di chuyển, văn bản sẽ được tô sáng. Để chọn các dòng văn bản, bấm và giữ phím chỉnh sửa, đồng thời di chuyển lên hoặc xuống.
2. Để copy văn bản vào clipboard, bấm và giữ phím chỉnh sửa, đồng thời chọn **Copy**.
Nếu bạn muốn xóa văn bản được chọn khỏi tài liệu, bấm phím xóa.
3. Để chèn văn bản, di chuyển đến điểm chèn, bấm và giữ phím chỉnh sửa, đồng thời chọn **Paste (Dán)**.

5. Nhắn tin

Bạn có thể tạo, gửi, nhận, xem, chỉnh sửa, và sắp xếp các tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, tin nhắn e-mail, bản trình chiếu, và tài liệu. Bạn cũng có thể nhận tin nhắn và dữ liệu sử dụng công nghệ vô tuyến Bluetooth, nhận và chuyển tiếp các tin nhắn hình, nhận tin dịch vụ, các tin nhắn quảng bá, và gửi các lệnh dịch vụ.



Lưu ý: Chỉ những thiết bị có các tính năng tương thích mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn đa phương tiện. Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Để mở giao diện *Messaging (Nhắn tin)*, chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)*. Bạn có thể thấy chức năng *New message (Tin nhắn mới)* và một danh sách các thư mục mặc định:

 *Inbox (Hộp thư đến)* — chứa các tin nhắn đã nhận ngoại trừ e-mail và các tin nhắn quảng bá. E-mail sẽ được lưu trong thư mục *Mailbox (Hộp thư)*. Để đọc tin nhắn quảng bá, chọn

Options (Tùy chọn) > *Cell broadcast (Tin nhắn quảng bá)*.

 *My folders (Thư mục riêng)* — để sắp xếp tin nhắn vào các thư mục

 *Mailbox (Hộp thư)* — Bạn có thể kết nối vào hộp thư từ xa của bạn để tải về các tin e-mail mới hoặc xem các tin e-mail đã được tải về từ trước ở chế độ không trực tuyến. Sau khi xác định cài đặt cho hộp thư mới, tên của hộp thư này sẽ được hiển thị thay vì *Mailbox (Hộp thư)*. Xem phần **"Cài đặt e-mail"** trên trang 33.

 *Drafts (Nháp)* — lưu các tin nhắn nháp chưa được gửi đi

 *Sent (Đã gửi)* — lưu các tin nhắn đã gửi, không bao gồm những tin nhắn gửi qua Bluetooth. Bạn có thể thay đổi số tin nhắn cần lưu. Xem phần **"Cài đặt khác"** trên trang 37.

 *Outbox (Hộp thư đi)* — tạm thời lưu các tin nhắn đang chờ để gửi

 *Reports (Báo cáo)* (dịch vụ mạng) — lưu báo cáo về những tin nhắn văn bản, các loại tin nhắn đặc biệt như danh thiếp, và các tin nhắn đa phương tiện mà bạn đã gửi. Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

Để yêu cầu mạng gửi báo cáo về các tin nhắn, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)* > *Text message (Tin nhắn văn bản)* hoặc *Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện)* > *Receive report (Nhận báo cáo)* > *Yes (Có)*.

■ Soạn và gửi tin nhắn

Mạng vô tuyến có thể giới hạn kích thước của tin nhắn MMS. Nếu hình được chèn vào vượt quá giới hạn này, điện thoại có thể giảm hình này xuống nhỏ hơn để có thể gửi qua tin nhắn MMS.

Điện thoại hỗ trợ gửi tin nhắn văn bản không quá giới hạn ký tự của một tin nhắn đơn. Các tin nhắn dài hơn được gửi dưới dạng một chuỗi gồm hai hoặc nhiều tin nhắn. Nhà cung cấp dịch vụ có thể tính phí. Các ký tự sử dụng

dấu trọng âm hoặc các ký hiệu khác và các ký tự trong một số tùy chọn ngôn ngữ như Tiếng Hoa, sẽ vượt quá số ký tự tối đa có thể được gửi trong một tin nhắn đơn.

Trước khi gửi và nhận tin nhắn SMS, tin nhắn đa phương tiện, hoặc một e-mail, hoặc kết nối với hộp thư từ xa, bạn phải thiết lập đúng thông số cài đặt kết nối. Xem phần "**Cài đặt nhắn tin**" trên trang 31.

1. Để tạo một tin nhắn, chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > *New message (Tin nhắn mới)* và chọn một trong số các tùy chọn sau: *Text message (Tin nhắn văn bản)* — để tạo tin nhắn văn bản

Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện) — để tạo một tin nhắn đa phương tiện (MMS)

E-mail — để tạo một tin e-mail Nếu bạn chưa thiết lập tài khoản e mail, bạn sẽ được hỏi bạn có muốn thực hiện điều này không.

2. Bấm phím điều khiển để chọn những người nhận hoặc những nhóm từ *Contacts (Danh bạ)* hoặc nhập số điện thoại hoặc địa chỉ e-mail

của người nhận vào trường *To (Tới)*. Để thêm một dấu chấm phẩy (;) để tách biệt từng người nhận, bấm *.

3. Khi tạo e-mail hoặc tin nhắn đa phương tiện, di chuyển xuống trường chủ đề, và nhập chủ đề cho tin nhắn.
4. Di chuyển xuống trường nội dung tin nhắn.
5. Viết tin nhắn.

Khi viết tin nhắn văn bản, chỉ báo độ dài tin nhắn cho biết số ký tự bạn có thể nhập trong tin nhắn. Ví dụ, 10 (2) nghĩa là bạn vẫn có thể thêm 10 ký tự cho văn bản để gửi đi thành hai tin nhắn văn bản riêng biệt.

Để sử dụng một mẫu cho tin nhắn văn bản, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Insert (Chèn)* > *Template (Mẫu)*. Để tạo một thuyết trình dựa trên một mẫu để gửi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Create presentation (Tạo phần trình bày)*. Để sử dụng một mẫu văn bản cho tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Insert object (Chèn*

đối tượng) > *Template (Mẫu)*.

Để thêm một đối tượng media vào tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Insert object (Chèn đối tượng)* > *Image (Hình ảnh)*, *Sound clip (Đoạn âm thanh)*, hoặc *Video clip (File hình ảnh)*.

Để tạo và thêm một đối tượng media mới vào, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Insert new (Chèn mới)* > *Image (Hình ảnh)*, *Sound clip (Đoạn âm thanh)*, *Video clip (File hình ảnh)* hoặc *Slide (Trang)*. Khi đã thêm âm thanh, biểu tượng  sẽ hiển thị.

Để thêm một đối tượng media vào e-mail, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Insert (Chèn)* > *Image (Hình ảnh)*, *Sound clip (Đoạn âm thanh)*, *Video clip (File hình ảnh)*, *Note (Ghi chú)* hoặc *Template (Mẫu)*.

6. Để gửi tin nhắn, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Send (Gửi)*; hoặc bấm phím gọi.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Nhận thông số cài đặt tin nhắn đa phương tiện

Bạn có thể nhận thông số cài đặt tin nhắn đa phương tiện dưới dạng tin nhắn cấu hình từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần "[Cài đặt nhắn tin đa phương tiện](#)" trên trang 32.

Chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)* > *Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện)*. Mở *Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng)*, và chọn điểm truy cập mà bạn đã tạo. Xem phần "[Cài đặt nhắn tin đa phương tiện](#)" trên trang 32.

Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ tin nhắn đa phương tiện, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.



Lưu ý: Chỉ những thiết bị có các tính năng tương thích mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn đa phương tiện. Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Cài đặt e-mail

Trước khi bạn có thể gửi, nhận, tải về, trả lời và chuyển tiếp e-mail đến một tài khoản e-mail riêng biệt, bạn phải:

- Cấu hình đúng Điểm Truy cập Internet (IAP). Xem phần "[Kết nối](#)" trên trang 84.
- Xác định đúng thông số cài đặt e-mail. Xem phần "[Cài đặt e-mail](#)" trên trang 33.

Thực hiện theo các hướng dẫn nhận được từ hộp thư từ xa và nhà cung cấp dịch vụ Internet.

Hộp thư đến—nhận tin nhắn

Chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > *Inbox (Hộp thư đến)*.

Khi có tin nhắn chưa đọc trong Hộp thư đến, biểu tượng sẽ thay đổi thành .

Trong hộp thư đến bạn có thể nhìn thấy một số biểu tượng sau:

cho biết tin nhắn văn bản chưa đọc

cho biết tin nhắn đặc biệt chưa đọc, chẳng hạn như danh thiếp

cho biết có tin nhắn đa phương tiện chưa đọc

cho biết có tin nhắn dịch vụ WAP chưa đọc

 cho biết loại tin nhắn chưa được nhận dạng

Để mở tin nhắn nhận được, chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > *Inbox (Hộp thư đến)* và chọn tin nhắn bạn muốn.



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các chủ đề tin nhắn đa phương tiện có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC.

Xem các đối tượng đa phương tiện

Để xem danh sách đối tượng media đính kèm trong tin nhắn đa phương tiện, mở tin nhắn, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Objects (Đối tượng)*. Bạn có thể lưu tập tin này trong điện thoại hoặc sử dụng công nghệ Bluetooth hoặc tin nhắn đa phương tiện để gửi tập tin tới một thiết bị tương thích khác.

Các loại tin nhắn đặc biệt

Điện thoại có thể nhận nhiều loại tin nhắn, như là logo mạng, danh thiếp, và kiểu chuông.

Để mở tin nhắn nhận được, chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > *Inbox (Hộp thư đến)* và chọn tin nhắn bạn muốn.

Operator logo (Logo mạng) — Để lưu logo, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Save (Lưu lại)*. Logo mạng bây giờ có thể được nhìn thấy ở chế độ chờ thay vì biểu tượng nhận dạng của nhà điều hành mạng.

Business card (Danh thiếp) — Để lưu thông tin liên lạc, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Save business card (Lưu danh thiếp)*.

Ringtone (Kiểu chuông) — Để lưu kiểu chuông vào bộ sưu tập, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Save (Lưu lại)*.

Calendar entry (Mục nhập lịch) — Để lưu lời mời vào mục lịch, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Save to Calendar (Lưu sang lịch)*.

Picture message (Tin nhắn hình) — Để chuyển tiếp tin nhắn hình, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Forward (Chuyển tiếp)*.



Lưu ý: Chỉ có thể sử dụng chức năng nhắn tin hình nếu được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ. Chỉ những điện thoại tương thích có hỗ trợ chức năng tin nhắn hình mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn hình.

Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Configuration message (Tin nhắn cấu hình) — Bạn có thể nhận số dịch vụ tin nhắn văn bản, số hộp thư thoại, thông số cài đặt điểm truy cập Internet, cài đặt mã script đăng nhập điểm truy cập, cài đặt tin nhắn đa phương tiện, cài đặt đồng bộ, hoặc cài đặt e-mail do nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ gửi đến dưới dạng một tin nhắn cấu hình. Để lưu cài đặt, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Save (Lưu lại)*.

Tin dịch vụ

Tin dịch vụ (dịch vụ mạng) là những thông báo (ví dụ như các tiêu đề tin tức), và có thể chứa tin nhắn văn bản hoặc địa chỉ dịch vụ trình duyệt. Để biết tính khả dụng và thuê bao, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Thư mục riêng

Bạn có thể sắp xếp tin nhắn của bạn trong các thư mục, tạo thư mục mới, đổi tên và xóa thư mục.

Chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > *My folders (Thư mục riêng)*. Để tạo một thư mục, chọn **Options (Tùy chọn)** > *New folder (Thư mục mới)* và nhập tên thư mục.

Hộp thư

Chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > *Mailbox (Hộp thư)*.

Khi bạn mở thư mục này, bạn có thể kết nối vào hộp thư từ xa (dịch vụ mạng) để thực hiện các chức năng sau:

- Tải xuống các tiêu đề e-mail hoặc tin nhắn.
- Xem không trực tuyến các tiêu đề e-mail hoặc tin nhắn đã tải về trước đó.

Khi bạn di chuyển đến hộp thư và bấm phím điều khiển, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn *Connect to mailbox? (Kết nối vào hộp thư?)*. Chọn *Yes (Có)* để kết nối với hộp thư hoặc *No (Không)* để xem các tin nhắn e-mail đã tải về trước đó ở trạng thái không trực tuyến.

Cách khác để kết nối là chọn **Options (Tùy chọn)** > *Connect (Kết nối)*.

Nếu bạn chọn *New message* (Tin nhắn mới) > *Create:* (Tạo:) > *E-mail* hoặc *Mailbox* (Hộp thư) trong giao diện nhắn tin chính và bạn chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Xem phần "[Cài đặt e-mail](#)" trên trang 25.

Khi bạn tạo một hộp thư mới, tên mà bạn đặt cho hộp thư sẽ tự động thay thế *Mailbox* (Hộp thư) trong giao diện Nhắn tin. Bạn có thể tạo tối đa sáu hộp thư.

Khi bạn đang trực tuyến, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Disconnect* (Ngắt kết nối) để kết thúc cuộc gọi dữ liệu hoặc ngắt kết nối dữ liệu gói với hộp thư từ xa.

Tải e-mail về từ hộp thư

1. Chọn **Menu** > *Message*. (Tin nhắn) > *Mailbox* (Hộp thư) > **Options (Tùy chọn)** > *Connect* (Kết nối). Kết nối với hộp thư từ xa sẽ được thiết lập.
2. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Retrieve e-mail* (Nhận e-mail) và chọn một số các tùy chọn sau:
New (Mới) — để tải về tất cả e-mail mới về điện thoại

Selected (Đã chọn) — để chỉ tải về các e-mail đã được đánh dấu

All (Tất cả) — để tải về tất cả tin nhắn trong hộp thư
Để hủy việc tải về, chọn **Cancel** (Hủy).

3. Sau khi tải xong tin nhắn e-mail, bạn có thể xem tin nhắn đó trực tuyến. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Disconnect* (Ngắt kết nối) để đóng kết nối và để xem các tin nhắn e-mail ở trạng thái không trực tuyến.
4. Để mở một tin nhắn e-mail, di chuyển đến e-mail bạn muốn xem và bấm phím điều khiển. Nếu các tin e-mail chưa được tải về và bạn đang ở trạng thái không trực tuyến và chọn *Open* (Mở), bạn sẽ được hỏi có muốn tải tin nhắn này về từ hộp thư không.

Để xem các tập tin đính kèm e-mail, được chỉ báo bằng , chọn **Options (Tùy chọn)** > *Attachments* (Tập tin đính kèm). Bạn có thể tải về, mở, hoặc lưu các tập tin đính kèm dưới các dạng tập tin được hỗ trợ. Bạn cũng có thể gửi tập tin đính kèm sử dụng công nghệ Bluetooth.



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các tin nhắn e-mail có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC của bạn.

Xóa các tin nhắn e-mail

Xóa trên máy

Để xóa một e-mail trong điện thoại nhưng vẫn giữ e-mail trong hộp thư từ xa, chọn **Menu** >

Messag. (Tin nhắn) >

Mailbox (Hộp thư) >

Options (Tùy chọn) > *Delete (Xóa)* > *Phone only (Chỉ trên máy)*.

Tiêu đề e-mail vẫn còn lưu trên điện thoại của bạn. Để xóa cả tiêu đề, xóa tin nhắn e-mail từ hộp thư từ xa trước, sau đó kết nối điện thoại với hộp thư từ xa để cập nhật tình trạng.

Xóa cả trên máy và server

Để xóa e-mail trong cả điện thoại và hộp thư từ xa, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Delete (Xóa)* > *Phone and server (Điện thoại và server)*.

Nếu bạn chưa kết nối vào mạng, e-mail trong điện thoại sẽ bị xóa trước. Trong lần kết nối kế tiếp vào hộp thư từ xa, e-mail sẽ được xóa tự động khỏi hộp thư từ xa.

Nếu bạn đang sử dụng giao thức POP3, tin nhắn được đánh dấu xóa sẽ bị xóa chỉ sau khi bạn đã ngắt kết nối với hộp thư từ xa.

Hủy xóa

Để hủy việc xóa e-mail trong cả điện thoại và server, di chuyển đến một e-mail đã được đánh dấu xóa trong lần kết nối kế tiếp và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Restore (Khôi phục)*.

Hộp thư đi

Thư mục *Outbox (Hộp thư đi)* là nơi lưu tạm thời các tin nhắn đang chờ gửi.

Để truy cập thư mục *Outbox (Hộp thư đi)*, chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > *Outbox (Hộp thư đi)*. Các tình trạng tin nhắn:

Sending (Đang gửi) — Điện thoại đang gửi tin nhắn.

Waiting (Đang chờ) /

Queued (Đã xếp hàng) —

Điện thoại đang chờ để gửi tin nhắn hoặc e-mail

Resend at (Gửi lại vào lúc)... (thời gian) — Không gửi được tin nhắn. Điện thoại sẽ gửi lại tin nhắn sau thời gian nghỉ.

Để gửi lại ngay lập tức, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Send (Gửi)*.

Deferred (Trạng thái chờ) — Để cài các tài liệu sang trạng thái chờ trong khi chúng đang được lưu trong thư mục *Outbox (Hộp thư đi)*, di chuyển đến tin nhắn đang chờ gửi, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Defer sending (Gửi trễ)*.

Failed (Không thành công) — Sau khi cố gắng gửi lại với số lần gửi tối đa. Nếu bạn đang cố gắng gửi một tin nhắn văn bản, mở tin nhắn đó, và kiểm tra xem cài đặt gửi có đúng không.

■ Xem tin nhắn trên thẻ SIM

Trước khi bạn có thể xem các tin nhắn trong thẻ SIM, bạn cần phải sao chép các tin nhắn này vào một thư mục trong điện thoại.

1. Chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > **Options (Tùy chọn)** > *SIM messages (Tin nhắn trên thẻ SIM)*, và di chuyển đến một tin nhắn.
2. Chọn tin nhắn bạn muốn sao chép.
3. Để sao chép tin nhắn đã được đánh dấu, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Copy*, và chọn thư mục bạn muốn sao chép tin nhắn tới.

4. Để bắt đầu sao chép, chọn **OK**.

■ Tin nhắn quảng bá

Bạn có thể nhận tin nhắn theo các chủ đề khác nhau, ví dụ như dự báo thời tiết hoặc điều kiện giao thông từ nhà cung cấp dịch vụ (dịch vụ mạng). Để biết về các chủ đề có sẵn và các chủ đề thích hợp, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. Để bật dịch vụ này, xem phần cài đặt *Cell broadcast (Tin nhắn quảng bá)* trong "**Cài đặt tin nhắn quảng bá**" trên trang 36.

Chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > **Options (Tùy chọn)** > *Cell broadcast (Tin nhắn quảng bá)*. Trong danh sách tin nhắn, bạn có thể thấy tình trạng chủ đề, số chủ đề, tên chủ đề, và chủ đề này có được đánh dấu ► để theo dõi hay không.

Kết nối dữ liệu gói có thể ngăn không cho nhận tin nhắn quảng bá.

■ Sửa lệnh dịch vụ

Để nhập và gửi các yêu cầu dịch vụ (còn gọi là lệnh USSD), chẳng hạn như các lệnh khởi động cho dịch vụ mạng, đến nhà cung cấp dịch vụ, chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* >

Options (Tùy chọn) > *Service command (Lệnh dịch vụ)*. Để gửi lệnh, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Send (Gửi)*.

■ Cài đặt nhắn tin

Cài đặt tin nhắn

Chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)* > *Text message (Tin nhắn văn bản)* và chọn một số các tùy chọn sau:

Message centres (Trung tâm nhắn tin) — liệt kê tất cả các trung tâm nhắn tin đã được xác nhận

Msg. centre in use (Trung tâm nhắn tin đang sử dụng) — xác định trung tâm nhắn tin nào sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản và các loại tin nhắn đặc biệt như danh thiếp

Character encoding (Mã hóa ký tự) > *Full support (Hỗ trợ đầy đủ)* — để chọn tất cả các ký tự trong tin nhắn sẽ được gửi như được xem. Nếu bạn chọn *Reduced support (Hỗ trợ giới hạn)*, các ký tự có dấu và các dấu khác có thể được chuyển thành những ký tự khác.

Receive report (Nhận báo cáo) — Khi được cài là *Yes (Có)*, tình trạng của tin

nhắn đã gửi (*Pending (Đang chờ gửi)*), *Failed (Không thành công)*, *Delivered (Đã gửi)*) sẽ hiển thị trong *Reports (Báo cáo)* (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

Message validity (Thời hạn lưu tin) — Nếu người nhận không nhận được tin nhắn trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn sẽ bị xóa khỏi trung tâm dịch vụ tin nhắn. Lưu ý mạng phải hỗ trợ tính năng này.

Maximum time (Thời gian tối đa) — khoảng thời gian hiệu lực được phép tối đa trong mạng của tin nhắn

Message sent as (Tin nhắn được gửi dưới dạng) — để xác định cách gửi tin nhắn. Mặc định là *Text (Văn bản)*.

Preferred conn. (Kết nối ưu tiên) — Bạn có thể gửi tin nhắn văn bản qua mạng GSM thông thường hoặc qua GPRS, nếu được mạng hỗ trợ.

Reply via same ctr. (Trả lời qua cùng trung tâm nhắn tin) (dịch vụ mạng) — Nếu bạn chọn *Yes (Có)*, và người nhận trả lời tin nhắn của bạn, tin nhắn này sẽ được gửi qua cùng số trung tâm dịch vụ

tin nhắn. Tất cả các mạng không cung cấp tùy chọn này. Để biết tính khả dụng, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Cài đặt nhắn tin đa phương tiện

Chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)* > *Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện)* và chọn một số các tùy chọn sau:

Image size (Kích cỡ hình) — Xác định kích thước của tin nhắn đa phương tiện: *Small (Nhỏ)* (tối đa 160 x 120 pixel) hoặc *Large (Lớn)* (tối đa 640 x 480 pixel). Nếu bạn chọn *Original (Gốc)*, hình ảnh không được thay đổi kích cỡ.

MMS creation mode (Chế độ tạo MMS) — Nếu bạn chọn *Guided (Được hướng dẫn)*, điện thoại sẽ báo cho bạn biết nếu bạn tìm cách gửi một tin nhắn có thể không được hỗ trợ bởi người nhận. Để cài điện thoại ngăn bạn gửi đi các tin nhắn không được hỗ trợ, chọn *Restricted (Bị hạn chế)*. Nếu bạn chọn *Free (Miễn phí)*, việc tạo tin nhắn sẽ không bị hạn chế, nhưng người nhận có

thể không xem được tin nhắn của bạn.

Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng) — Chọn điểm truy cập nào sẽ được sử dụng làm kết nối ưu tiên cho nhắn tin đa phương tiện. Xem phần "**Nhận thông số cài đặt tin nhắn đa phương tiện**" trên trang 25.

Nếu bạn nhận được các thông số cài đặt tin nhắn đa phương tiện trong tin nhắn và lưu lại, các cài đặt nhận được sẽ được tự động sử dụng cho điểm truy cập. Xem phần "**Các loại tin nhắn đặc biệt**" trên trang 26.

Multimedia retrieval (Nhận nội dung đa phương tiện) — Để chỉ nhận tin nhắn đa phương tiện khi ở trong mạng chủ, chọn *Auto. in home network (Tự động trong mạng chủ)*. Khi bạn đang ở ngoài mạng chủ, điện thoại sẽ tắt không nhận tin nhắn đa phương tiện. Để luôn nhận tin nhắn đa phương tiện, chọn *Always automatic (Luôn tự động)*. Để tải tin nhắn về theo cách thủ công, chọn *Manual (Thủ công)*. Để không nhận mọi tin nhắn đa phương tiện hoặc quảng cáo, chọn *Off (Tắt)*.

Allow anon. msgs. (Cho phép tin nhắn nặc danh) — Để từ chối tin nhắn gửi đến từ người gửi ẩn danh, chọn *No (Không)*.

Receive adverts (Nhận tin nhắn quảng cáo) — Xác định xem bạn có muốn nhận tin nhắn quảng cáo đa phương tiện hay không.

Receive report (Nhận báo cáo) — Nếu bạn muốn tình trạng của tin nhắn đã gửi (*Pending (Đang chờ gửi)*, *Failed (Không thành công)*, hoặc *Delivered (Đã gửi)*) sẽ được hiển thị trong *Reports (Báo cáo)*, chọn *Yes (Có)*.

Deny report sending (Từ chối gửi báo cáo) > *Yes (Có)* — để từ chối việc gửi báo cáo

Message validity (Thời hạn lưu tin) (dịch vụ mạng) — Nếu người nhận không nhận được tin nhắn trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin đa phương tiện. *Maximum time (Thời gian tối đa)* là khoảng thời gian hiệu lực được phép tối đa trong mạng của tin nhắn.

Cài đặt e-mail

Cài đặt cho hộp thư

Chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)* > *E-mail > Mailboxes (Hộp thư)* và một hộp thư.

Nếu chưa có cài đặt hộp thư nào được xác định trước đó, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn xác định cài đặt hay không. Bạn cần xác định loại hộp thư, địa chỉ e-mail, server đến, server đi, điểm truy cập được sử dụng, và tên hộp thư. Nhà cung cấp dịch vụ e-mail có thể cung cấp các cài đặt này.

E-mail đến

Chọn *Connection settings (Cài đặt kết nối)* > *Incoming e-mail (E-mail đến)* và chọn một trong số các cài đặt sau:

User name (Tên thuê bao) — tên thuê bao được cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ

Password (Mật mã) — Nếu bạn để trống trường mật mã, mỗi lần tìm cách kết nối với hộp thư từ xa, bạn cần phải nhập mật mã vào. Nếu không, mật mã sẽ được gửi tự động.

Incoming mail serv.:
(*Server thư đến*) — địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của server e-mail đến của nhà cung cấp dịch vụ

Access point in use
(*Điểm truy cập đang sử dụng*) — điểm truy cập Internet (IAP) được sử dụng cho hộp thư. Xem phần "**Kết nối**" trên trang 84.

Mailbox name (Tên hộp thư) — tên mô tả cho hộp thư

Mailbox type (Loại hộp thư) — xác định giao thức e-mail được sử dụng. Cài đặt này chỉ có thể được chọn một lần và không thể thay đổi nếu bạn đã lưu hoặc đã thoát khỏi cài đặt hộp thư.

Security (ports) (Bảo mật (cổng)) — giao thức bảo mật được sử dụng trong kết nối với hộp thư từ xa.

Port (Cổng) — Để xác định một cổng khác với cổng mặc định cho kết nối hộp thư từ xa, chọn *User defined (Do người dùng tạo)* và nhập số cổng.

APOP secure login (Đăng nhập APOP an toàn) (chỉ dành cho các hộp thư POP3) — Chọn *On (Bật)* để mã hóa việc gửi mật mã tới server e-mail từ xa.

E-mail đi

Chọn *Connection settings (Cài đặt kết nối)* > *Outgoing e-mail (E-mail đi)* và chọn một trong số các cài đặt sau:

My e-mail address (Địa chỉ e-mail riêng) — địa chỉ e-mail được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Địa chỉ phải chứa ký tự @. Tin trả lời sẽ được gửi đến địa chỉ này.

Outgoing mail serv. (Server thư đi) — Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của server e-mail đến của nhà cung cấp dịch vụ.

Đối với chức năng *User name (Tên thuê bao)*, *Password (Mật mã)*, *Security (ports) (Bảo mật (cổng))*, và *Port (Cổng)* cài đặt, xem cài đặt cho *Incoming e-mail (E-mail đến)* trong phần "**Cài đặt cho hộp thư**" trên trang 33.

Cài đặt người dùng

Chọn *User settings (Cài đặt người dùng)* và chọn một trong số các cài đặt sau:

My name (Tên thuê bao) — Nhập tên sẽ được hiển thị trong e-mail đi

Send message (Gửi tin nhắn) (dịch vụ mạng) — Để cài thời gian các tin e-mail sẽ được gửi, chọn *Immediately* (Ngay lập tức) hoặc *During next conn.* (Trong lần kết nối tiếp theo).

Send copy to self (Gửi bản sao cho chính mình) — Chọn *Yes (Có)* để gửi một bản sao của e-mail tới địa chỉ được xác định trong *My e-mail address* (Địa chỉ e-mail riêng)

Include signature (Có chữ ký) — Chọn *Yes (Có)* để kèm theo chữ ký vào tin nhắn e-mail và để tạo hoặc chỉnh sửa chữ ký

New e-mail alerts (Các thông báo e-mail mới) — Để không nhận cảnh báo về e-mail mới, chọn *Off (Tắt)*.

Cài đặt nhận

Chọn *Retrieval settings* (Cài đặt nhận) và chọn một trong số các cài đặt sau:

E-mail to retrieve (E-mail sẽ tải về) — Để chỉ tải về các tiêu đề, chọn *Headers only* (Chỉ tiêu đề). Để giới hạn lượng dữ liệu sẽ được tải về, chọn *Size limit* (Giới hạn kích cỡ), và nhập lượng dữ

liệu tối đa cho mỗi tin nhắn tính theo KB. Để tải tin nhắn và các tập tin đính kèm, chọn *Msgs. & attaches.* (Thư và tập tin đính kèm). Các tùy chọn *Size limit* (Giới hạn kích cỡ) và *Msgs. & attaches.* (Thư và tập tin đính kèm) chỉ khả dụng với hộp thư POP3.

Retrieval amount (Số lượng sẽ nhận) — Để giới hạn số tin nhắn sẽ tải về từ hộp thư đến của hộp thư từ xa, chọn *From Inbox* (Từ Hộp thư đến) > *No. of e-mails* (Số lượng e-mail) và nhập số tin nhắn tối đa sẽ tải về. Bạn cũng có thể giới hạn số tin nhắn sẽ tải về từ các thư mục được đăng ký khác trong *From folders* (Từ các thư mục) (chỉ các hộp thư IMAP4).

IMAP4 folder path (Đường dẫn thư mục IMAP4) (chỉ các hộp thư IMAP4) — Xác định đường dẫn thư mục cho các hộp thư IMAP4

Folder subscriptions (Các đăng ký thư mục) (chỉ các hộp thư IMAP4) — Chọn các thư mục hộp thư bạn muốn đăng ký. Để đăng ký hoặc ngừng đăng ký từ một thư mục, di chuyển đến thư mục này, và chọn **Options (Tùy chọn)** >

Subscribe (Đăng ký) hoặc *Unsubscribe* (Ngừng đăng ký).

Nhận tự động

Chọn *Automatic retrieval* (Nhận tự động) > *Header retrieval* (Nhận tiêu đề) —

Để tự động tải về các tiêu đề e-mail tại những khoảng thời gian xác định, chọn *Always enabled* (Luôn bật), hoặc nếu bạn chỉ muốn tải về các tiêu đề khi ở trong mạng chủ, *Only in home net.* (Chỉ trong mạng chủ). Các tiêu đề có thể được tự động tải về cho nhiều nhất là hai hộp thư. Bạn có thể cài ngày, thời điểm, và tần suất mà các tiêu đề sẽ được tải về trong *Retrieval days* (Số ngày nhận), *Retrieval hours* (Số giờ nhận), và *Retrieval interval* (Khoảng thời gian nhận).

Cài đặt tin nhắn dịch vụ

Chọn **Menu** > *Messag.* (Tin nhắn) > **Options (Tùy chọn)** > *Settings* (Cài đặt) > *Service message* (Tin dịch vụ) và chọn một trong số các cài đặt sau:

Service messages (Tin dịch vụ) — Chọn bạn có muốn nhận tin nhắn dịch vụ hay không.

Download messages (Tải tin nhắn xuống) — Chọn tự động tải tin nhắn xuống hoặc tải tin nhắn xuống theo cách thủ công.

Cài đặt tin nhắn quảng bá

Kiểm tra với nhà cung cấp dịch vụ xem tin nhắn quảng bá (dịch vụ mạng) hiện có không và các chủ đề và số chủ đề liên quan là gì.

Chọn **Menu** > *Messag.* (Tin nhắn) > **Options (Tùy chọn)** > *Settings* (Cài đặt) > *Cell broadcast* (Tin nhắn quảng bá) và chọn một trong số các cài đặt sau:

Reception (Nhận) — Chọn *On* (Bật) hoặc *Off* (Tắt)

Language (Ngôn ngữ) — *All* (Tất cả) cho phép bạn nhận tin nhắn quảng bá bằng tất cả các ngôn ngữ hiện có.

Selected (Đã chọn) cho phép bạn chọn ngôn ngữ thể hiện trong tin nhắn quảng bá mà bạn sẽ nhận. Nếu ngôn ngữ bạn muốn không có trong danh sách, chọn *Other* (Khác).

Topic detection (Dò chủ đề) — Nếu bạn muốn nhận tin nhắn không thuộc bất kỳ chủ đề nào hiện có, *On (Bật)* cho phép bạn lưu số chủ đề tự động. Số chủ đề sẽ được lưu vào danh sách chủ đề và sẽ không có tên khi hiển thị. Chọn *Off (Tắt)* nếu bạn không muốn lưu các số chủ đề mới tự động.

Cài đặt khác

Chọn **Menu** > *Messag. (Tin nhắn)* > **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)* > *Other (Khác)* và chọn một trong số các cài đặt sau:

Save sent messages (Lưu tin nhắn đã gửi) — Chọn lưu bản sao của mọi tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, hoặc e-mail đã gửi vào thư mục *Sent (Đã gửi)*.

No. of saved msgs. (Số lượng tin nhắn đã lưu) — Xác định xem có bao nhiêu tin nhắn đã gửi sẽ được lưu vào thư mục các tin đã gửi cùng lúc. Khi đã đạt giới hạn đó, tin nhắn cũ nhất sẽ bị xóa.

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Chọn lưu hoặc không lưu các tin nhắn vào bộ nhớ trong máy hoặc thẻ nhớ.

6. Danh bạ

Bạn có thể lưu và quản lý thông tin liên lạc, ví dụ như tên, số điện thoại, và địa chỉ. Bạn có thể thêm một kiểu chuông riêng, khẩu lệnh, hoặc một hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào một thẻ liên lạc. Bạn có thể tạo các nhóm liên lạc, nhóm này cho phép bạn gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail tới nhiều người nhận cùng lúc. Bạn chỉ có thể gửi hoặc nhận thông tin về số liên lạc từ các thiết bị tương thích.

■ Quản lý danh bạ

Chọn **Menu** > *Contacts* (*Danh bạ*).

Để thêm một số liên lạc mới, chọn **Options (Tùy chọn)** > *New contact* (*Số liên lạc mới*). Điền vào các trường theo ý bạn, và chọn **Done (Xong)**.

Để chỉnh sửa một số liên lạc, di chuyển đến số liên lạc này và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Edit* (*Chỉnh sửa*).

Để xóa một số liên lạc, di chuyển đến số liên lạc này và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Delete* (*Xóa*). Nếu bạn đã chọn các số liên lạc, chúng sẽ thay thế những số bị xóa.

Để gán một hình ảnh dưới dạng thu nhỏ cho một số liên lạc, di chuyển đến số liên lạc này, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Edit* (*Chỉnh sửa*) > **Options (Tùy chọn)** > *Add thumbnail* (*Thêm hình nhỏ*).

Để gán các số điện thoại và địa chỉ mặc định vào số liên lạc, chọn số liên lạc này, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Defaults* (*Mặc định*). Di chuyển đến tùy chọn mặc định bạn muốn, và chọn **Assign** (**Gán**).

Để sao chép tên và số điện thoại từ thẻ SIM sang điện thoại, chọn **Options (Tùy chọn)** > *SIM contacts* (*Các số liên lạc trên SIM*) > *SIM directory* (*Thư mục thẻ SIM*). Di chuyển đến tên bạn muốn sao chép hoặc chọn những tên bạn muốn, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Copy to Contacts* (*Copy vào Danh bạ*).

Để sao chép một số điện thoại, số fax, hoặc số nhắn tin từ danh bạ vào thẻ SIM, di chuyển đến số liên lạc bạn muốn sao chép, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Copy* > *To SIM directory* (*Đến thư mục SIM*).

■ Quản lý các nhóm liên lạc

Tạo một nhóm liên lạc để bạn có thể gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail tới nhiều người nhận cùng lúc.

1. Chọn **Menu** > *Contacts* (Danh bạ), di chuyển sang phải, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *New group* (Nhóm mới).
2. Nhập tên cho nhóm hoặc sử dụng tên mặc định, và chọn **OK**.
3. Mở nhóm, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Add members* (Thêm thành viên mới).
4. Di chuyển đến mỗi số liên lạc bạn muốn thêm vào nhóm, và bấm phím điều khiển để chọn số liên lạc này.
5. Chọn **OK** để thêm tất cả các số liên lạc đã được chọn vào nhóm.

■ Gán nhạc chuông

Bạn có thể cài một kiểu chuông cho từng số liên lạc và nhóm. Khi số liên lạc hoặc thành viên của nhóm đó gọi cho bạn, điện thoại sẽ phát kiểu chuông được chọn (nếu số điện thoại của người gọi được gửi cùng với cuộc gọi và điện thoại của bạn nhận ra số này).

1. Chọn **Menu** > *Contacts* (Danh bạ).
2. Để gán kiểu chuông cho một số liên lạc, chọn số liên lạc này, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Ringtone* (Kiểu chuông), và chọn kiểu chuông bạn muốn.

Để gán kiểu chuông cho một nhóm, chọn danh sách nhóm, và di chuyển đến một nhóm liên lạc. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Ringtone* (Kiểu chuông) và kiểu chuông cho nhóm.

Để xóa kiểu chuông cá nhân hoặc nhóm, chọn *Default tone* (Âm mặc định) làm kiểu chuông.

■ Gán các phím quay số nhanh

Quay số nhanh là một cách nhanh chóng để gọi đến các số điện thoại thường được sử dụng. Bạn có thể gán một số điện thoại cho các phím quay số nhanh 2 đến 9. Số 1 được dành cho hộp thư thoại. Chức năng quay số nhanh cần phải được bật trước khi sử dụng. Xem mục *Speed dialling* (Quay số nhanh) trong phần "Cuộc gọi" trên trang 83.

1. Chọn **Menu** > *Contacts* (*Danh bạ*) và chọn một số liên lạc.
2. Di chuyển đến một số, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Assign speed dial* (*Gán quay số nhanh*). Di chuyển đến phím quay số nhanh bạn muốn, và chọn **Assign (Gán)**. Khi bạn trở về giao diện thông tin của số liên lạc, biểu tượng  cạnh số điện thoại cho biết số này đã được gán quay số nhanh.

Để gọi cho số liên lạc bằng quay số nhanh, ở chế độ chờ, hoặc chế độ active standby, bấm phím quay số nhanh và phím đàm thoại. Hoặc, bấm và giữ phím quay số nhanh.

7. Bộ sưu tập

Chọn **Menu** > *Gallery (Bộ sưu tập)*.

Chọn *Gallery (Bộ sưu tập)* để lưu và sắp xếp hình ảnh, video clip, đoạn nhạc, tệp âm thanh, danh sách nhạc, liên kết trực tuyến, tập tin .ram, và trình chiếu.

Mở bộ sưu tập để xem danh sách các thư mục trong bộ nhớ. Di chuyển đến một thư mục (ví dụ như *Images (Hình ảnh)*), và bấm phím điều khiển để mở thư mục.

Trong thư mục này, bạn có thể thấy:

- Một biểu tượng đại diện cho loại của mỗi tập tin trong thư mục hoặc một hình ở dạng thu nhỏ
- Tên của tập tin
- Ngày và giờ lưu tập tin hoặc kích thước tập tin

Để mở một tập tin, di chuyển đến tập tin, và bấm phím điều khiển. Tập tin sẽ được mở bằng một ứng dụng tương ứng.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

■ Các chức năng của bộ sưu tập

Chọn **Menu** > *Gallery (Bộ sưu tập)* và chọn thư mục.

Để cài một hình làm hình nền, chọn *Images (Hình ảnh)*, và di chuyển đến hình này. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Set as wallpaper (Cài làm hình nền)*. Để gán một hình cho một số liên lạc, chọn *Add to contact (Thêm vào số liên lạc)*.

Để cài một đoạn nhạc hoặc file âm thanh làm nhạc chuông, chọn *Tracks (Đoạn nhạc)* hoặc *Sound clips (File âm thanh)*, và di chuyển đến đoạn nhạc hoặc file âm thanh. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Set as ringing tone (Cài làm chuông)*. Để gán một đoạn nhạc hoặc file âm thanh làm nhạc chuông cho một số liên lạc, chọn *Assign to contact (Gán cho số liên lạc)*.

Để copy các tập tin sang bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ, di chuyển đến tập tin và chọn các tập tin bằng cách bấm và giữ phím chỉnh sửa và cùng lúc bấm phím điều khiển, và chọn

Options (Tùy chọn) >

Organise (Sắp xếp) > *Copy to phone mem. (Copy vào bộ nhớ điện thoại)* hoặc *Copy to memory card (Copy vào thẻ nhớ)*.

Để tạo các danh sách đoạn nhạc, chọn các đoạn nhạc, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *New track list (Danh sách đoạn nhạc mới)*.

Để tạo các thư mục hình ảnh và dời hình ảnh vào trong các thư mục này, chọn *Images (Hình ảnh)*, di chuyển đến một hình, chọn **Options (Tùy chọn)** >

Organise (Sắp xếp) > *New folder (Thư mục mới)*, và nhập tên thư mục. Chọn những hình bạn muốn dời vào thư mục, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Organise (Sắp xếp)* > *Move to folder (Dời đến thư mục)*, và chọn thư mục.

■ Tải tập tin từ mạng

Chọn **Menu** > *Gallery (Bộ sưu tập)*, chọn thư mục cho loại tập tin bạn muốn tải xuống, và chức năng tải xuống (ví dụ, *Images (Hình ảnh)* > *Graphic downl. (Tải đồ họa xuống từ mạng)*). Trình duyệt sẽ mở ra. Chọn một chỉ mục cho trang web sẽ tải xuống từ đó. Xem phần "[Xem chỉ mục](#)" trên trang 61.

Để tải về các tập tin, bạn phải cấu hình điểm truy cập mặc định trước. Xem phần "[Điểm truy cập](#)" trên trang 85. Để có thêm thông tin về các chương trình tải xuống, xem phần "[Các chương trình tải xuống từ mạng](#)" trên trang 64.

8. Nhạc

■ Máy nghe nhạc

Để kích hoạt chế độ nhạc và khởi động *Music player* (Máy nghe nhạc), xoay phần dưới của điện thoại để các phím điều khiển nghe nhạc nằm ở cùng bên với màn hình. Hoặc chọn **Menu** > *Music (Nhạc)* > *Music player (Máy nghe nhạc)*.

Thư viện nhạc

Music library (Thư viện nhạc) là cơ sở dữ liệu gồm những đoạn nhạc hiện có. Trong thư viện nhạc, bạn có thể chọn nhạc để nghe, tạo và quản lý các danh sách nhạc.

Để mở thư viện nhạc, trong giao diện chính của máy nghe nhạc, di chuyển đến  và bấm phím điều khiển.

Để cập nhật thư viện nhạc và tìm kiếm các đoạn nhạc trong bộ nhớ điện thoại và trên thẻ nhớ, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Update Music library* (Cập nhật Thư viện nhạc). Sau khi cập nhật, các thay đổi đối với thư viện nhạc sẽ hiển thị.

Bạn có thể chọn nhạc từ thư viện nhạc theo những cách khác nhau. Ví dụ, để phát một album cụ thể, chọn *Albums*, di chuyển đến album đó, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Play (Phát)*. Hoặc, để nghe các bài nhạc cụ thể trong album, chọn *Albums* và chọn một album, chọn các bài nhạc, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Play (Phát)*.

Để tìm nhạc theo một nghệ sĩ cụ thể, chọn *Artists (Nghệ sĩ)* và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Find (Tìm)*, và nhập tên của nghệ sĩ. Di chuyển đến nghệ sĩ bạn muốn, và bấm phím điều khiển. Để nhập văn bản, bạn phải kích hoạt chế độ liên lạc.

Danh sách bài nhạc

Để soạn và lưu danh sách bài nhạc riêng của bạn, chọn *Track lists (Danh sách đoạn nhạc)* > **Options (Tùy chọn)** > *New track list (Danh sách đoạn nhạc mới)*. Chọn bộ nhớ để lưu danh sách bài nhạc này, và đặt tên cho danh sách bài nhạc đó. Chọn các bài nhạc bạn muốn, và bấm phím điều khiển.

Để nghe một danh sách bài nhạc, chọn *Track lists (Danh sách bài nhạc)*, di chuyển đến danh sách bài nhạc, và chọn

Options (Tùy chọn) > *Play (Phát)*.

Bạn có thể thêm các bài nhạc vào một danh sách bài nhạc đã lưu từ những giao diện khác. Ví dụ, để thêm một album, chọn *Albums*, tìm album, di chuyển đến album này, và chọn

Options (Tùy chọn) > *Add to track list (Thêm vào danh sách bài nhạc)* > *Saved track list (Danh sách nhạc đã lưu.)*. Di chuyển đến danh sách bài nhạc để thêm album này vào, và bấm phím điều khiển.

Nghe nhạc



Cảnh báo: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn.

Để phát hoặc tạm ngừng phát, bấm **▶||**. Để ngừng phát, bấm **■**. Để chuyển sang bài nhạc tiếp theo hoặc bài nhạc trước đó, bấm **▶|** hoặc **|◀**. Để tiến nhanh về trước hoặc tua lại, bấm và giữ **▶|** hoặc **|◀**.

Bạn chỉ có thể điều khiển việc phát nhạc bằng các phím nhạc chuyên dụng khi điện thoại ở chế độ nhạc.

Để xem danh sách nhạc hiện đang được phát, di chuyển đến  và bấm phím điều khiển.

Để trở về chế độ chờ và vẫn giữ máy nghe nhạc chạy ẩn, bấm phím kết thúc. Nếu *Active standby (Chế độ chờ)* được cài là *On (Bật)*, bài nhạc đang phát sẽ hiển thị ở chế độ chờ. Để điều chỉnh âm lượng nhạc ở chế độ chờ, di chuyển đến bài nhạc đang phát, và di chuyển sang trái hoặc sang phải. Để truy cập vào máy nghe nhạc ở chế độ chờ, di chuyển đến bài nhạc đang phát và bấm phím điều khiển.

Bạn có thể sử dụng nhiều chức năng điện thoại và camera trong khi nghe nhạc (ví dụ, viết và gửi tin nhắn văn bản ở chế độ giao tiếp hoặc chụp ảnh ở chế độ camera). Khi thực hiện cuộc gọi hoặc khi có cuộc gọi đến, việc phát nhạc sẽ tạm ngưng. Khi cuộc gọi kết thúc, việc phát nhạc sẽ tiếp tục lại.

Để phát lặp lại các đoạn nhạc, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Loop (Lặp lại)*. Chọn *All (Tất cả)* để phát lặp lại tất cả

các bài nhạc hiện đang phát, *One (Một)* để phát lặp lại bài nhạc hiện đang phát, hoặc *Off (Tắt)* để không phát lặp lại bài nhạc.

Để phát nhạc theo thứ tự ngẫu nhiên, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Random play (Phát ngẫu nhiên)* > *On (Bật)*.

Để cài bài nhạc đang phát làm kiểu chuông cho tất cả các cấu hình, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Set as ringing tone (Cài làm chuông)*.

Cài đặt âm thanh

Với chức năng *Audio settings (Cài đặt âm thanh)*, bạn có thể điều chỉnh cân bằng, tăng hiệu ứng vang, tăng hình ảnh âm thanh nổi, và tăng âm trầm. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Audio settings (Cài đặt âm thanh)*.

Bộ lọc âm thanh

Với chức năng *Equaliser (Bộ chỉnh âm)*, bạn có thể tăng cường hoặc giảm bớt tần số trong khi phát nhạc và chỉnh sửa cách nghe nhạc.

Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Audio settings (Cài đặt âm thanh)* > *Equaliser (Bộ chỉnh âm)*. Để sử dụng một cài

đặt sẵn, di chuyển đến cài đặt sẵn đó, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Activate (Kích hoạt)*.

Tạo một cài sẵn

1. Để tạo một cài đặt sẵn, chọn **Options (Tùy chọn)** > *New preset (Cài sẵn mới)*, và đặt tên cho cài đặt sẵn này.
2. Để di chuyển giữa các băng tần, di chuyển sang trái hoặc sang phải. Để tăng hoặc giảm âm thanh trong băng tần, di chuyển lên hoặc xuống.
3. Chọn **Back (Trở về)**.

Visual Radio

Bạn có thể sử dụng ứng dụng Visual Radio như một đài FM với chức năng chỉnh đài tự động và các kênh đã lưu, hoặc với thông tin trực quan song hành liên quan đến chương trình radio, nếu bạn chỉnh đến các kênh cung cấp dịch vụ Visual Radio. Các dịch vụ Visual Radio sử dụng dữ liệu gói (dịch vụ mạng). Bạn có thể nghe đài FM trong khi sử dụng các ứng dụng khác trên điện thoại.

Để sử dụng dịch vụ Visual Radio, phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Kênh radio và nhà điều hành mạng phải hỗ trợ dịch vụ này.

- Điện thoại phải được bật.
- Điểm truy nhập Internet của bạn phải được xác định để truy nhập đến server visual radio của nhà điều hành mạng.
- Kênh radio được cài sẵn phải có số ID dịch vụ Visual Radio đúng và có hỗ trợ dịch vụ Visual Radio.

Không thể khởi động dịch vụ Visual Radio khi điện thoại đang ở chế độ không trực tuyến.

Nếu bạn không thể truy cập được vào dịch vụ Visual Radio, các nhà điều hành và trạm phát radio tại khu vực của bạn có thể không hỗ trợ dịch vụ này. Dịch vụ Visual Radio có thể không có tại tất cả các khu vực và quốc gia.

Bạn có thể nghe đài FM trên điện thoại bằng loa tích hợp hoặc tai nghe tương thích.

Chất lượng nghe Radio FM không phụ thuộc vào ăng-ten vô tuyến của điện thoại mà tùy thuộc vào ăng-ten radio. Bạn phải gắn tai nghe hoặc phụ kiện tương thích với điện thoại để đài FM hoạt động đúng.



Cảnh báo: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn.

Bạn có thể gọi hoặc trả lời cuộc gọi đến trong khi đang nghe radio. Chức năng radio sẽ tắt khi có cuộc gọi.

Chất lượng phát sóng radio tùy thuộc vào vùng phủ sóng của kênh phát tại khu vực cụ thể.

Bật radio

Chọn **Menu** > *Music (Nhạc)* > *Radio (Đài FM)* để mở Visual Radio.

Điện thoại sẽ hiển thị thông tin:

- Số vị trí kênh và tên của kênh radio.
- Tần số kênh radio được sử dụng gần nhất.
- Các nút đồ họa:
 - và để di chuyển đến kênh đã lưu trước đó và kế tiếp. Các nút sẽ không hoạt động nếu không có kênh nào được lưu.
 - và để khởi động chức năng dò kênh tự động
 - bắt đầu cung cấp nội dung Visual Radio nếu ID dịch vụ trực quan được xác định hoặc yêu cầu ID dịch vụ trực quan nếu ID dịch vụ trực quan chưa được xác định

Nếu bạn đã lưu các kênh radio trước đó, di chuyển đến kênh muốn nghe hoặc chọn vị trí bộ nhớ kênh bằng cách bấm phím tương ứng **1** đến **9**.

Để điều chỉnh âm lượng, di chuyển sang trái hoặc phải.

Khi sử dụng tai nghe tương thích, bấm phím tai nghe để di chuyển đến kênh radio đã lưu.

Để tắt radio, chọn **Exit (Thoát)**.

Dò và lưu một kênh radio

Để bắt đầu dò kênh khi chức năng radio bật, di chuyển đến  hoặc  và bấm phím điều khiển. Việc tìm kiếm sẽ kết thúc khi đã dò đúng kênh. Để lưu kênh, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Save station (Lưu kênh)*. Di chuyển đến một vị trí cho kênh bằng phím điều khiển và chọn vị trí này. Nhập tên kênh, và chọn **OK**.

Sử dụng radio

Khi bật radio, chọn **Options (Tùy chọn)** và chọn một số các tùy chọn sau:

Start visual service (Khởi động dịch vụ trực quan) — Bắt đầu xem nội dung trực quan

Station directory (Danh mục kênh) — Kích hoạt danh mục kênh (dịch vụ mạng) để tìm các kênh radio có sẵn và lưu chúng lại để sử dụng sau

Save station (Lưu kênh) — Lưu kênh radio

Stations (Kênh) — Mở danh sách kênh

Manual tuning (Dò đài thủ công) — Cài tần số kênh theo cách thủ công. Để dò, di chuyển lên hoặc xuống.

Nếu bạn biết tần số của kênh radio bạn muốn nghe, nhập tần số này vào, và chọn **OK**.

Activate loudspeaker (Bật loa) — Nghe radio bằng loa

Deactivate loudsp. (Tắt loa) — Nghe radio bằng tai nghe

Play in background (Chạy ẩn) — Để Visual Radio chạy ẩn và hiển thị màn hình chờ. Để trở lại Visual Radio, chọn và giữ phím menu, và chọn *Radio (Đài FM)*.

Settings (Cài đặt) — Thay đổi hoặc xem cài đặt Visual Radio

Exit (Thoát) — Tắt radio

Danh sách kênh

Khi bật radio, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Stations (Kênh)*.

Danh sách kênh được dùng để quản lý các kênh radio đã lưu. Khi bạn mở danh sách, kênh hoạt động hiện thời sẽ được tô sáng, nếu kênh này đã được lưu. Nếu không, kênh lưu đầu tiên sẽ được tô sáng.

Chọn **Options (Tùy chọn)** và một trong số các tùy chọn sau:

Station (Kênh) > *Listen (Nghe)* — Nghe kênh được chọn.

Station (Kênh) > *Edit (Chỉnh sửa)* — Xem cài đặt của kênh được đánh dấu sáng. Xem phần "**Cài đặt kênh**" trên trang 48.

Station (Kênh) > *Move (Di chuyển)* — Dời một kênh đến vị trí khác trong danh sách kênh: Tô sáng kênh cần chuyển, chọn **Move (Di chuyển)**, và tô sáng vị trí nơi kênh được chọn sẽ được chuyển đến. Chọn **OK** để di chuyển kênh.

Station (Kênh) > *Delete (Xóa)* — Xóa kênh được tô sáng trong danh sách kênh

Station directory (Danh mục kênh) — Kích hoạt danh mục kênh (dịch vụ mạng) để tìm

các kênh radio có sẵn từ mạng và lưu chúng lại để sử dụng sau

Activate loudspeaker (Bật loa) — Nghe radio bằng loa

Deactivate loudsp. (Tắt loa) — Nghe radio bằng tai nghe

Exit (Thoát) — Tắt radio

Cài đặt kênh

Di chuyển đến một kênh trong danh sách kênh, bấm phím điều khiển, và chọn *Edit (Chỉnh sửa)* để thay đổi các thông số kênh sau:

Name (Tên) — để chỉnh sửa tên kênh.

Location (Vị trí) — để chỉnh sửa vị trí của đài radio

Frequency (Tần số) — để chỉnh sửa tần số của kênh

Visual service ID (ID dịch vụ trực quan) — để chỉnh sửa ID Visual Service

Enable visual service (Bật dịch vụ trực quan) — để cho phép hoặc từ chối xem nội dung trực quan của kênh radio hiện thời

Chọn **Back (Trở về)** để trở về danh sách kênh.

Xem nội dung trực quan

Bạn có thể xem nội dung trực quan nếu kênh được lưu trong danh sách kênh và kênh này được phép sử dụng dịch vụ trực quan.

Để kiểm tra tính khả dụng và mức cước phí cũng như cách thức đăng ký thuê bao dịch vụ, xin liên hệ nhà điều hành mạng và nhà cung cấp dịch vụ.

Để xem nội dung trực quan của kênh radio hiện thời, di chuyển đến  và bấm phím điều khiển.

Nếu ID dịch vụ trực quan không được lưu vào danh sách kênh, bạn sẽ được yêu cầu nhập ID dịch vụ trực quan. Nhập ID dịch vụ trực quan vào và bấm **OK**. Nếu bạn không có ID dịch vụ trực quan, chọn **Retrieve (Tải tin)** để truy cập danh mục kênh (dịch vụ mạng).

Khi kết nối với dịch vụ trực quan được thiết lập, màn hình sẽ hiển thị nội dung trực quan. Nội dung trực quan có thể chứa hình ảnh, văn bản, các nút, và các trường nhập, và được nhà cung cấp nội dung thiết kế.

Để xem qua nội dung được hiển thị, di chuyển lên hoặc xuống.

Nếu không có sẵn nội dung trực quan hợp lệ từ dịch vụ, nền Visual Radio sẽ hiển thị.

Để kết thúc nội dung trực quan nhưng không kết thúc radio FM, chọn **Close (Đóng lại)**. Để kết thúc cả hai, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Exit (Thoát)*.

Để cài đặt đèn và thời gian chờ của chế độ tiết kiệm năng lượng, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Display settings (Cài đặt hiển thị)*.

Cài đặt Visual Radio

Khi bật radio, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)* và các tùy chọn sau:

Start-up tone (Âm khởi động) — để bật hoặc tắt âm khởi động

Auto-start service (Tự khởi động dịch vụ) — để bật hoặc tắt chức năng tự động hiển thị nội dung trực quan

Access point (Điểm truy cập) — để chọn điểm truy cập

Danh mục kênh

Với danh mục kênh (dịch vụ mạng), bạn có thể chọn bật Visual Radio hoặc đài radio truyền thống từ một danh sách, được tập hợp thành nhiều thư

mục. Một thư mục có thể trình bày các vùng địa lý, ví dụ như các châu lục, quốc gia, vùng hoặc thành phố và có thể chứa các thư mục khác hoặc dữ liệu các đài radio.

Để kiểm tra tính khả dụng và mức cước phí cũng như cách thức đăng ký thuê bao dịch vụ, xin liên hệ nhà điều hành mạng và nhà cung cấp dịch vụ.

Truy cập danh mục kênh từ giao diện nội dung trực quan

Để tải ID dịch vụ trực quan và để khởi động nội dung trực quan cho kênh radio đã chỉnh hiện thời, di chuyển đến , bấm phím điều khiển, và chọn *Retrieve (Tải tin)*. Sau khi thiết lập kết nối danh mục kênh, chọn vị trí gần nhất với vị trí hiện thời của bạn từ danh sách thư mục, và bấm phím điều khiển.

Máy sẽ so sánh các tần số của các đài radio được liệt kê với tần số đã chỉnh hiện thời. Nếu tìm thấy một tần số phù hợp, ID dịch vụ trực tuyến của đài radio đã chỉnh sẽ hiển thị. Chọn **OK** để bắt đầu xem nội dung trực quan.

Nếu có nhiều kênh radio có tần số phù hợp, các kênh radio và ID dịch vụ trực quan của chúng sẽ hiển thị trong danh sách.

Di chuyển đến kênh radio bạn muốn trong danh sách và chọn kênh này. Đài radio đã chỉnh và ID dịch vụ trực quan sẽ hiển thị. Chọn **OK** để bắt đầu xem nội dung trực quan.

Truy cập danh mục kênh từ Tùy chọn.

Để truy cập danh mục kênh (dịch vụ mạng) từ danh sách kênh, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Station directory (Danh mục kênh)*.

Sau khi kết nối với danh mục kênh, bạn được yêu cầu chọn vị trí gần nơi bạn ở nhất từ một danh sách thư mục. Di chuyển đến vị trí gần nhất, và bấm phím điều khiển. Lặp lại quy trình này cho đến khi bạn có được danh sách các đài radio gần nơi bạn ở hiện thời.

Các đài radio cung cấp nội dung trực quan được chỉ báo bằng .

Di chuyển đến kênh radio bạn muốn, và bấm phím điều khiển để mở menu lựa chọn cho các kênh radio:

Listen (Nghe) — để dò kênh radio đã được tô sáng. Để xác nhận cài đặt tần số, chọn **Yes (Có)**. Chọn **No (Không)** để trở về tần số đã chỉnh trước đó. Danh sách các đài radio sẽ hiển thị lại và bạn có thể chọn một đài radio khác.

Start visual service (Khởi động dịch vụ trực quan) — để mở nội dung trực quan của đài radio đã chọn (nếu có)

Save (Lưu lại) — để lưu chi tiết của đài radio đã chọn cho danh sách kênh

9. Phương tiện

■ Camera

Để sử dụng camera, xoay phần dưới của điện thoại để kích hoạt chế độ camera. Xem phần "**Chế độ camera**" trên trang 6 hoặc, chọn **Menu** > *Media (Phương tiện)* > *Camera*.

Để phóng to hoặc thu nhỏ hình, bấm ►► hoặc ◄◄. Để chụp ảnh, bấm ►■. Hình sẽ được lưu vào thư mục *Images (Hình ảnh)* trong menu *Gallery (Bộ sưu tập)*, và hình sẽ được hiển thị. Để trở về chế độ kính ngắm, chọn **Back (Trở về)**. Để xóa ảnh, bấm phím xóa.

Để chụp nhiều ảnh liên tục, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Sequence mode (Chế độ chụp liên tiếp)* > *On (Bật)*. Khi bạn bấm ►■, camera sẽ chụp sáu hình trong những khoảng thời gian ngắn và hiển thị các hình ở dạng khung lưới.

Trong điều kiện ánh sáng mờ, để sử dụng chế độ chụp đêm, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Night mode (Ban đêm)* > *On (Bật)*.

Để khởi động chức năng chụp tự động, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Self-timer (Chụp tự động)* và chọn thời gian bạn muốn camera chờ trước khi chụp ảnh. Bấm ►■, và bộ hẹn giờ sẽ bắt đầu.

Để hiệu chỉnh cân bằng trắng hoặc tông màu, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Adjust (Chỉnh)* > *White balance (Cân bằng trắng)* hoặc *Colour tone (Tông màu)*.

Để quay phim, di chuyển sang phải để kích hoạt chế độ video, và bấm ►■ để bắt đầu quay phim.

Cài đặt camera

Điện thoại hỗ trợ khả năng chụp ảnh với độ phân giải 1600 x 1200 pixel. Độ phân giải hình ảnh trong tài liệu này có thể hiển thị khác.

Để thay đổi cài đặt camera, chọn **Menu** > *Media (Phương tiện)* > *Camera* > **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)*.

Chọn *Image (Hình ảnh)* và chọn một trong số các cài đặt sau:

Image quality (Chất lượng ảnh) và *Image resolution (Độ phân giải hình ảnh)* — Chất lượng hình ảnh và độ phân giải càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ.

Show captured img. (Hiển thị ảnh đã chụp) — Để không hiển thị hình sau khi chụp, chọn *No (Không)*.

Default image name (Tên ảnh mặc định) — Thay đổi cách đặt tên hình được chụp

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Bạn có thể chọn lưu hình ảnh vào bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ

Chọn *Video* và chọn một trong số các cài đặt sau:

Length (Độ dài) — Nếu được cài là *Maximum (Tối đa)*, thời gian quay phim chỉ bị hạn chế bởi bộ nhớ hiện có. Nếu được cài là *Short (Ngắn)*, thời gian quay phim được tối ưu hóa để gửi qua MMS.

Video resolution (Độ phân giải video) — Chọn giữa hai độ phân giải video

Default video name (Tên video mặc định) — Chọn cách đặt tên các video clip

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Bạn có thể chọn lưu các video clip vào bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ

■ RealPlayer

Với RealPlayer, bạn có thể phát các tập tin media, ví dụ như các video clip, được lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ, hoặc các tập tin media trực tuyến qua mạng từ một liên kết trực tuyến. Để mở ứng dụng RealPlayer, chọn **Menu** > *Media (Phương tiện)* > *RealPlayer (Ứng dụng RealPlayer)*.

RealPlayer không hỗ trợ tất cả các định dạng hay biến thể của các dạng tập tin. Ví dụ, một số tập tin .mp4 có thể chứa nội dung không được RealPlayer hỗ trợ.

Phát các tập tin media

Để phát một tập tin media trong ứng dụng RealPlayer, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Open (Mở)* và chọn một trong các tùy chọn sau:

Most recent clips (Những đoạn nhạc mới nhất) — để phát các tập tin media mới được phát gần đây

Saved clip (Đoạn nhạc đã lưu) — để phát các tập tin media lưu trong điện thoại hoặc thẻ nhớ

Để phát qua mạng:

- Chọn một liên kết được lưu trong bộ sưu tập. Một kết nối với server trực tuyến sẽ được thiết lập.
- Mở một liên kết trực tuyến trong khi trình duyệt Web.

Để phát nội dung trực tuyến, bạn phải cấu hình điểm truy cập mặc định trước. Xem phần "[Điểm truy cập](#)" trên trang 85.

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu bạn sử dụng điểm truy cập Internet (IAP) làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Trong RealPlayer, bạn chỉ có thể mở một địa chỉ URL rtsp://. Bạn không thể mở địa chỉ URL http://; tuy nhiên, RealPlayer sẽ nhận ra một liên kết http đến một tập tin .ram vì .ram là một tập tin văn bản có chứa liên kết rtsp.



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Các phím tắt trong khi phát

Di chuyển lên để tiến về phía trước hoặc xuống để quay trở lại trong tập tin media.

Di chuyển sang trái hoặc sang phải để tăng hoặc giảm âm lượng.

Settings (Cài đặt)

Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)* > *Video* và chọn một trong số các cài đặt sau:

Contrast (Tương phản) — Để thay đổi độ tương phản, di chuyển sang trái hoặc phải.

Loop (Lặp lại) — Chọn *On (Bật)* để tự động bắt đầu phát lại tập tin video hay âm thanh hiện thời khi đã hoàn tất

Chọn *Connection (Kết nối)* và chọn một trong số các cài đặt sau:

Proxy — để xác định server proxy để truyền dữ liệu trực tuyến

Network (Mạng) — để xác định cài đặt mạng

- *Default access point (Điểm truy cập mặc định)* — Xác định điểm truy cập được sử dụng để truyền dữ liệu trực tuyến.
- *Online time (Thời gian trực tuyến)* — Nếu bạn muốn tự động ngắt kết nối sau một khoảng thời gian không hoạt động trong khi tạm ngừng phát, chọn *User defined (Do người dùng tạo)* và nhập thời gian theo phút (tối đa 30 phút).
- *Lowest UDP port (Cổng UDP thấp nhất)* và *Highest UDP port (Cổng UDP cao nhất)* — Xác định khoảng trị số cổng sẽ được sử dụng cho kết nối.

■ Recorder (Máy ghi âm)

Máy ghi âm cho phép bạn ghi âm lại các cuộc trò chuyện và memo thoại. Nếu bạn ghi âm cuộc đàm thoại, tất cả các bên sẽ nghe thấy tiếng bíp trong khi ghi âm.

Các tập tin đã ghi sẽ được lưu trong *Gallery (Bộ sưu tập)*. Xem phần "*Bộ sưu tập*" trên trang 41.

Chọn **Menu** > *Media (Phương tiện)* > *Recorder (Máy ghi âm)*. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Record sound clip (Ghi âm file âm thanh)*, hoặc chọn . Để tạm ngưng ghi âm, chọn . Để ngừng ghi âm, bấm . Để tua lại hoặc tiến nhanh về phía trước, chọn  hoặc . Để nghe đoạn ghi âm, chọn .

■ Flash Player

Với *Flash Player*, bạn có thể xem, phát, và tương tác với các tập tin flash được tạo cho các thiết bị di động.

Sắp xếp các tập tin flash

Chọn **Menu** > *Media (Phương tiện)* > *Flash Player*, và di chuyển sang phải.

Để mở một thư mục hoặc phát một tập tin flash, di chuyển đến tập tin này, và bấm phím điều khiển.

Để gửi tập tin flash tới một thiết bị tương thích, di chuyển đến tập tin này, và bấm phím đàm thoại.

Để copy một tập tin flash vào một thư mục khác, chọn *Organise (Sắp xếp) > Copy to folder (Copy vào thư mục)*.

Để dời một tập tin flash vào một thư mục khác, chọn *Organise (Sắp xếp) > Move to folder (Dời đến thư mục)*.

Để tạo một thư mục để sắp xếp các tập tin flash, chọn *Organise (Sắp xếp) > New folder (Thư mục mới)*.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Để xóa một tập tin flash, di chuyển đến tập tin đó và bấm phím xóa.

Phát các tập tin flash

Chọn **Menu** > *Media (Phương tiện) > Flash Player*.

Di chuyển đến một tập tin flash, và bấm phím điều khiển.

Chọn **Options (Tùy chọn)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Pause (Tạm ngưng) — để tạm ngưng phát

Stop (Ngừng) — để ngừng phát

Volume (Âm lượng) — để hiệu chỉnh âm lượng phát. Để tăng hoặc giảm âm lượng, di chuyển sang trái hoặc phải.

Quality (Chất lượng) — để chọn chất lượng phát. Nếu chất lượng phát có vẻ không đều hoặc chậm, thay đổi cài đặt *Quality (Chất lượng)* sang *Normal (Bình thường)* hoặc *Low (Thấp)*.

Full screen (Toàn màn hình) — để phát tập tin sử dụng cả màn hình. Để trở về chế độ màn hình bình thường, chọn *Normal screen (Màn hình bình thường)*. Các phím chức năng không hiển thị ở chế độ vừa màn hình, nhưng bạn vẫn có thể bấm bất kỳ phím dưới màn hình.

Fit to screen (Vừa màn hình) — để phát tập tin ở dạng kích thước gốc sau khi zoom

Pan mode on (Bật chế độ Pan) — để có thể di chuyển qua lại trên màn hình bằng phím điều khiển khi bạn đã phóng to

Các tùy chọn có thể không khả dụng trong tất cả các tập tin flash. Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

■ Trình biên tập video

Để tạo các video clip tùy chỉnh, chọn **Menu** > *Media (Phương tiện) > Vid. editor (Trình biên tập video)*. Bạn có thể tạo các video clip tùy

chính, kết hợp và cắt cảnh các video clip, và thêm vào các tập tin âm thanh, các đoạn chuyển cảnh, và các hiệu ứng. Chuyển cảnh là các hiệu ứng hình ảnh mà bạn có thể thêm vào khi bắt đầu và kết thúc đoạn phim hoặc giữa các đoạn phim.



Mẹo! Để chụp hình các cảnh trong một video clip, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Take snapshot (Chụp cảnh)* trong menu *Cut video clip (Cắt video clip)*.

Biên tập video clip, âm thanh, và đoạn chuyển cảnh

1. Trong giao diện *Edit video clip (Chỉnh sửa video clip)*, để chèn các video clip bạn muốn biên tập, chọn *Insert (Chèn) > Video clip (File hình ảnh)*.
2. Bạn có thể biên tập các đoạn phim bằng cách cắt cảnh và thêm hiệu ứng. Bạn có thể thêm đoạn âm thanh và thay đổi thời lượng của đoạn phim. Để biên tập video, chọn **Options (Tùy chọn)** và chọn một trong số các tùy chọn sau:

Movie (Phim) > Preview (Xem trước) — xem trước video clip tùy chỉnh

Insert (Chèn) > Video clip (File hình ảnh) — chèn video clip đã chọn. Màn hình chính sẽ hiển thị một hình thu nhỏ ứng với đoạn phim. Hình thu nhỏ chính là cảnh phim có hình đầu tiên của đoạn phim đó. Tên và chiều dài của đoạn phim được chọn cũng được hiển thị.

Insert (Chèn) > Image (Hình ảnh) — chèn một hình

Insert (Chèn) > Text (Văn bản) — chèn tiêu đề, phụ đề hoặc danh sách những người đã thực hiện đoạn phim này.

Insert (Chèn) > Sound clip (Đoạn âm thanh) — chèn tập tin âm thanh đã chọn. Tên và chiều dài của đoạn âm thanh được chọn cũng được hiển thị trong màn hình chính.

Insert (Chèn) > New sound clip (File âm thanh mới) — ghi một đoạn âm thanh mới vào vị trí được chọn

Edit video clip (Chỉnh sửa video clip) hoặc *Edit sound clip (Chỉnh sửa đoạn âm thanh)* > *Cut (Cắt)* — cắt cảnh video clip hoặc cắt một đoạn âm thanh

Edit video clip (Chỉnh sửa video clip) hoặc *Edit sound clip (Chỉnh sửa đoạn âm thanh)* > *Duplicate (Nhân bản)* — tạo bản sao của video clip hoặc đoạn âm thanh đã chọn

Edit video clip (Chỉnh sửa video clip) > *Move (Di chuyển)* — dời video clip đến vị trí đã chọn

Edit video clip (Chỉnh sửa video clip) > *Add colour effect (Thêm hiệu ứng màu)* — chèn hiệu ứng màu vào video clip

Edit video clip (Chỉnh sửa video clip) > *Use slow motion (Sử dụng quay chậm)* — giảm tốc độ của video clip

Edit video clip (Chỉnh sửa video clip) > *Mute sound (Tắt âm) / Unmute sound (Bật âm)* — tắt hoặc bật tiếng của video clip gốc

Edit video clip (Chỉnh sửa video clip) > *Remove (Xóa)* — xóa video clip khỏi video

Edit sound clip (Chỉnh sửa đoạn âm thanh) > *Move (Di chuyển)* — dời đoạn âm thanh đến vị trí đã chọn

Edit sound clip (Chỉnh sửa đoạn âm thanh) > *Remove (Xóa)* — xóa đoạn âm thanh khỏi video

Edit transition (Chỉnh sửa đoạn chuyển cảnh) — Có ba kiểu chuyển cảnh: ở đầu phim, ở cuối phim, và ở giữa các đoạn phim. Đoạn chuyển cảnh ở đầu video clip có thể được chọn khi phần chuyển cảnh đầu tiên của video clip đang được bật.

3. Chọn *Save (Lưu lại)* để lưu video. Xác định *Memory in use (Chọn bộ nhớ)* trong menu *Settings (Cài đặt)*. Mặc định là bộ nhớ máy.



Mẹo! Trong giao diện cài đặt bạn có thể xác định *Default video name (Tên video mặc định)*, *Default sc. shot name (Tên cảnh mặc định)*, *Resolution (Độ phân giải)*, và *Memory in use (Chọn bộ nhớ)*.

Chọn *Send (Gửi) > Via multimedia (Qua đa phương tiện)*, *Via Bluetooth (Qua Bluetooth)*, hoặc *Via e-mail (Qua e-mail)* nếu bạn muốn gửi video. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để biết dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện có thể gửi đi được. Nếu video quá lớn không thể gửi đi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện,  sẽ hiển thị.



Mẹo! Nếu muốn gửi một video clip với dung lượng lớn hơn dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện được nhà cung cấp dịch vụ quy định, bạn có thể sử dụng kết nối Bluetooth để gửi video clip này. Xem phần "[Gửi dữ liệu sử dụng công nghệ Bluetooth](#)" trên trang 102. Bạn cũng có thể chuyển các đoạn video qua kết nối Bluetooth vào máy PC có trang bị cổng Bluetooth hoặc sử dụng một thiết bị đọc thẻ nhớ (gắn trong/gắn ngoài).

10. Các dịch vụ

Chọn **Menu** > *Services* (*Dịch vụ*) hoặc bấm và giữ 0 khi ở chế độ chờ.

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ thường có các trang web được đặc biệt thiết kế để dùng trên điện thoại di động. Với chức năng trình duyệt di động, bạn có thể xem các dịch vụ này bằng các trang WAP được viết bằng ngôn ngữ HTML, WML, XHTML, hoặc kết hợp giữa ngôn ngữ WML và XHTML. Nếu bạn chưa sử dụng điện thoại để kết nối WAP, bạn cần phải liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được hỗ trợ trong lần kết nối đầu tiên.

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

■ Các bước cơ bản để truy cập

1. Lưu các cài đặt cần thiết để truy cập dịch vụ trình duyệt bạn muốn sử dụng. Xem phần "[Cài đặt dịch vụ duyệt web cho điện thoại](#)" trên trang 60.

2. Kết nối với dịch vụ. Xem phần "[Tạo kết nối](#)" trên trang 61.
3. Bắt đầu duyệt trang Web. Xem phần "[Duyệt các trang Web](#)" trên trang 63.
4. Ngắt kết nối với dịch vụ. Xem phần "[Ngưng kết nối](#)" trên trang 64.

■ Cài đặt dịch vụ duyệt web cho điện thoại

Nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn cấu hình

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt dịch vụ dưới dạng tin nhắn cấu hình, từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần "[Các loại tin nhắn đặc biệt](#)" trên trang 26. Để biết thêm chi tiết, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhập cài đặt theo cách thủ công

Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

1. Chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Connection (Kết nối)* > *Access points (Điểm truy cập)*, và xác định cài đặt cho điểm truy cập. Xem phần "**Kết nối**" trên trang 84.

2. Chọn **Menu** > *Services (Dịch vụ)* > **Options (Tùy chọn)** > *Bookmark manager (Quản lý chỉ mục)* > *Add bookmark (Lưu chỉ mục)*. Đặt một tên cho chỉ mục và địa chỉ của trang trình duyệt xác định điểm truy cập hiện tại.

3. Để cài điểm truy cập đã tạo làm điểm truy cập mặc định trong *Services (Dịch vụ)*, chọn *Services (Dịch vụ)* > **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)* > *Access point (Điểm truy cập)*.

■ Tạo kết nối

Khi bạn đã lưu tất cả các cài đặt kết nối cần thiết, bạn có thể truy cập các trang trình duyệt.

Có ba cách truy cập trang trình duyệt:

- Chọn trang chủ () của nhà cung cấp dịch vụ.

- Chọn một chỉ mục từ giao diện chỉ mục.
- Bấm các phím **1—9** để nhập địa chỉ của dịch vụ trình duyệt. Trường **Go to (Chọn)** nằm ở cuối màn hình lập tức được kích hoạt, và bạn có thể tiếp tục nhập địa chỉ ở đó.

Sau khi bạn đã chọn một trang hoặc viết xong địa chỉ, bấm phím điều khiển để bắt đầu tải trang đó về.

■ Xem chỉ mục

Điện thoại của bạn có một số chỉ mục dẫn đến một số trang không liên kết với Nokia. Nokia sẽ không đảm bảo hoặc chấp thuận các trang này. Nếu muốn truy cập các trang này, bạn nên đề phòng về sự an toàn hoặc nội dung của chúng như ở bất kỳ trang Internet nào.

Trong giao diện chỉ mục, bạn có thể thấy các chỉ mục dẫn tới các loại trang trình duyệt khác nhau. Các chỉ mục được chỉ báo bằng các biểu tượng sau:

-  Trang bắt đầu được xác định cho điểm truy cập mặc định. Nếu bạn sử dụng điểm truy cập mặc định khác để trình duyệt, trang bắt đầu sẽ thay đổi tương ứng.

Thư mục chỉ mục tự động chứa các chỉ mục (🔍) được thu thập tự động khi bạn trình duyệt các trang. Các chỉ mục trong thư mục này được sắp xếp theo tên miền.

🔍 Bất kỳ chỉ mục nào cũng hiển thị tiêu đề hoặc địa chỉ Internet của chỉ mục đó.

Thêm chỉ mục theo cách thủ công

1. Trong giao diện chỉ mục, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Bookmark manager (Quản lý chỉ mục)* > *Add bookmark (Lưu chỉ mục)*.
2. Điền thông tin vào các trường cho sẵn. Chỉ địa chỉ được xác nhận. Điểm truy cập mặc định sẽ được gán cho chỉ mục nếu không có giá trị nào khác được chọn. Bấm * để nhập các ký tự đặc biệt như /, ., :, và @. Bấm phím xóa để xóa các ký tự.
3. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Save (Lưu lại)* để lưu chỉ mục.

Gửi chỉ mục dưới dạng tin nhắn văn bản

Di chuyển đến một chỉ mục, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Send (Gửi)* > *Via text message*

(Dưới dạng tin nhắn văn bản). Bạn có thể gửi nhiều chỉ mục cùng lúc.

■ Kết nối an toàn

Nếu chỉ báo an toàn 🛡️ hiển thị trong quá trình kết nối, việc truyền dữ liệu giữa thiết bị và cổng Internet hoặc server được mã hóa.

Biểu tượng an toàn không chỉ báo việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn (hoặc nơi lưu nội dung nguồn yêu cầu) được bảo vệ. Nhà cung cấp dịch vụ bảo vệ việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn.

Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Details (Chi tiết)* > *Security (Bảo mật)* để xem các thông tin chi tiết về tình trạng kết nối, trạng thái mã hóa, thông tin về server và việc xác nhận dành cho người sử dụng.

Những tính năng bảo vệ có thể được yêu cầu cho một số dịch vụ, ví dụ như các dịch vụ ngân hàng. Đối với những kết nối như vậy, bạn sẽ cần đến các chứng chỉ bảo vệ. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn. Xem phần "Quản lý chứng chỉ" trên trang 91.

■ Duyệt các trang Web

Trên một trang trình duyệt, các liên kết mới sẽ xuất hiện với đường gạch dưới màu xanh và các trang đã liên kết có màu tím. Những hình chứa trang liên kết có đường viền màu xanh xung quanh.

Các phím và lệnh được sử dụng trong khi trình duyệt

Để mở một liên kết, bấm phím điều khiển.

Để di chuyển qua giao diện, sử dụng phím điều khiển.

Để nhập chữ và số trong một trường, bấm các phím các phím 0—9. Bấm * để nhập các ký tự đặt biệt như /, ., :, và @. Bấm phím xóa để xóa các ký tự.

Để trở về trang trước trong khi trình duyệt, chọn **Back (Trở về)**. Nếu lệnh **Back (Trở về)** không có, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Navigation options (Tùy chọn điều hướng)* > *History (Lịch sử)* để xem danh sách theo thứ tự thời gian của các trang mà bạn đã xem trong suốt một phiên trình duyệt. Danh sách các trang đã xem sẽ bị xóa sau mỗi lần kết thúc phiên trình duyệt.

Để kiểm tra và đánh dấu các hộp chọn, bấm phím điều khiển.

Để tải về nội dung mới nhất từ server, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Navigation options (Tùy chọn điều hướng)* > *Reload (Tải lại)*.

Để mở danh sách phụ chứa các lệnh hoặc thao tác trên trang trình duyệt đang mở, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Service options (Tùy chọn dịch vụ)*.

Lưu chỉ mục

Để lưu một chỉ mục trong khi trình duyệt, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Save as bookmark (Lưu làm chỉ mục)*.

Để lưu một chỉ mục nhận được trong một tin nhắn, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Save to bookmarks (Lưu vào chỉ mục)*. Xem phần "**Các loại tin nhắn đặc biệt**" trên trang 26.

Xem các trang đã lưu

Nếu bạn thường trình duyệt các trang có chứa thông tin không thay đổi, bạn có thể lưu lại và sau đó xem không cần kết nối.

Để lưu một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Advanced options*

(*Tùy chọn nâng cao*) > *Save page (Lưu trang)*. Các trang đã lưu được chỉ báo bởi .

Trong giao diện các trang đã lưu, bạn có thể tạo các thư mục để lưu lại các trang mà bạn đã trình duyệt. Các thư mục có chứa các trang Web đã lưu được chỉ báo bởi .

Để mở giao diện các trang đã lưu, di chuyển sang phải trong giao diện chỉ mục. Trong giao diện các trang đã lưu, bấm phím điều khiển để mở một trang đã lưu.

Để bắt đầu kết nối với dịch vụ trình duyệt và để tải về lại các trang, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Navigation options (Tùy chọn điều hướng)* > *Reload (Tải lại)*.

Điện thoại sẽ ở trạng thái trực tuyến sau khi bạn tải lại trang đó.

■ Các chương trình tải xuống từ mạng

Bạn có thể tải về các mục như kiểu chuông, hình ảnh, logo mạng, phần mềm và video clip sử dụng trình duyệt di động. Các mục này có thể được cung cấp miễn phí hoặc bạn có thể mua chúng.

Khi đã tải về, các mục này sẽ được xử lý bằng các ứng dụng

tương ứng trên điện thoại, ví dụ ảnh được tải về sẽ được lưu trong bộ sưu tập.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

■ Ngưng kết nối

Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Advanced options (Tùy chọn nâng cao)* > *Disconnect (Ngắt kết nối)* để ngắt kết nối và xem trạng trình duyệt không trực tuyến, hoặc chọn **Options (Tùy chọn)** > *Exit (Thoát)* để thoát khỏi trình duyệt và trở về chế độ chờ.

■ Dọn cache

Cache là một vị trí bộ nhớ được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu bạn thử truy cập hoặc đã truy cập các thông tin bảo mật cần đến mật mã, hãy làm trống bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng. Thông tin hoặc dịch vụ bạn vừa

truy cập được lưu trong bộ nhớ cache của điện thoại. Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Menu** >

Services (Dịch vụ) >

Options (Tùy chọn) >

Advanced options (Tùy chọn nâng cao) > *Clear cache (Xóa bộ nhớ cache)*.

■ Cài đặt trình duyệt

Chọn **Options (Tùy chọn)** >

Settings (Cài đặt) và chọn một trong các tùy chọn sau:

Access point (Điểm truy cập) — Để thay đổi điểm truy cập mặc định, bấm phím điều khiển để mở danh sách các điểm truy cập hiện có. Điểm truy cập mặc định hiện thời sẽ được tô sáng. Xem phần "**Kết nối**" trên trang 84.

Homepage (Trang chủ) — Nhập địa chỉ trang web bạn muốn cài làm trang chủ

Load imgs. & sounds (Tải hình ảnh & âm thanh) — Chọn xem hoặc không xem hình và nghe hoặc không nghe tiếng trong khi trình duyệt. Nếu bạn chọn *No (Không)*, để tải hình ảnh và âm thanh sau trong khi trình duyệt, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Show images (Hiển thị hình ảnh)*.

Text wrapping (Phủ văn bản) — Điều chỉnh phủ hoặc không phủ văn bản tự động tất cả văn bản trên các trang Web. Cài đặt này không khả dụng khi *Advanced options (Tùy chọn nâng cao)* > *Small screen (Màn hình nhỏ)* được chọn.

Font size (Cỡ chữ) — Chọn cỡ chữ

Default encoding (Chế độ mã hóa mặc định) — Khi bạn chọn *Automatic (Tự động)*, trình duyệt sẽ cố tự động chọn mã hóa ký tự chính xác.

Auto. bookmarks (Tự thu thập chỉ mục) — Chọn *On (Bật)* nếu bạn muốn các chỉ mục được tự động lưu vào thư mục *Auto. bookmarks (Tự thu thập chỉ mục)* khi bạn trình duyệt trang web. Khi bạn chọn *Hide folder (Ẩn thư mục)*, các chỉ mục vẫn được tự động lưu vào thư mục.

Screen size (Kích thước màn hình) — Chọn cách sử dụng phần hiển thị trên màn hình để xem các trang nội dung

Search page (Tìm trang) — Nhập địa chỉ trang tìm kiếm bạn muốn mở trong khi trình duyệt

Volume (Âm lượng) — Chọn âm lượng cho nhạc hoặc file âm thanh khác trong các trang Web

Rendering (Hiển thị) — Chọn chất lượng hình ảnh cho các trang. Chất lượng hình càng cao, tốc độ tải trang về càng chậm.

Cookies (Cookie) > Allow (Cho phép)/Reject (Từ chối) — Bật hoặc tắt chức năng nhận và gửi cookie (phương tiện của nhà cung cấp để xác định người sử dụng và tần xuất thông tin được sử dụng)

Java/ECMA script (Mã script Java/ECMA) — Cho phép hoặc không cho phép sử dụng các đoạn mã script

Security warnings (Cảnh báo bảo mật) — Ẩn hoặc hiện các chỉ báo bảo mật

Conf. DTMF sending (Đang gửi DTMF cấu hình) >

Always (Luôn luôn)/First time only (Chỉ lần đầu) —

Chọn xem bạn có muốn xác nhận trước khi điện thoại gửi âm DTMF trong khi cuộc gọi thoại đang diễn ra hay không. Xem phần "[Các tùy chọn trong khi gọi](#)" trên trang 15. Ví dụ, bạn có thể thực hiện cuộc gọi trong khi đang trình duyệt, gửi âm DTMF trong khi đang có một cuộc gọi thoại, lưu tên và số điện thoại từ trang trình duyệt vào danh bạ.

11. Cá nhân

■ Chủ đề

Để có thể thay đổi giao diện màn hình điện thoại, hãy kích hoạt một chủ đề. Một chủ đề có thể bao gồm hình nền ở chế độ chờ và chế độ tiết kiệm điện. Bạn có thể chỉnh sửa một chủ đề cài đặt riêng thêm cho điện thoại.

Chọn **Menu** > *My own (Cá nhân)* > *Themes (Chủ đề)*. Bạn sẽ thấy một danh sách các chủ đề hiện có. Chủ đề đang sử dụng được chỉ báo bằng một dấu chọn.

Để xem trước một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Preview (Xem trước)* để xem chi mục. Chọn **Apply (Áp dụng)** để kích hoạt tùy chọn. Để kích hoạt chủ đề mà không cần xem trước, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Apply (Áp dụng)* trong giao diện chính.

Chỉnh sửa một chủ đề:

1. Di chuyển đến một chủ đề, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Edit (Chỉnh sửa)*, và chọn một trong các tùy chọn sau:

Wallpaper (Hình nền) — Để chọn một hình từ một trong các chủ đề hiện có hoặc chọn hình của riêng bạn từ bộ sưu tập để làm hình nền khi ở chế độ chờ

Power saver (Trình tiết kiệm điện) — Chọn nội dung hiển thị trên thanh tiết kiệm điện: ngày và giờ hoặc đoạn văn bản do bạn tự soạn. Vị trí và màu nền của thanh tiết kiệm điện sẽ chuyển động trong từng khoảng thời gian. Trình tiết kiệm điện cũng sẽ thay đổi để chỉ báo số tin nhắn mới hoặc các cuộc gọi bị nhỡ. Bạn cũng có thể cài khoảng thời gian chờ trước khi chế độ tiết kiệm điện được kích hoạt. Xem phần **"Trên máy"** trên trang 83.

2. Di chuyển đến yếu tố cần được chỉnh sửa và bấm phím điều khiển.
3. Để xem trước yếu tố đã chọn, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Preview (Xem trước)*. Bạn không thể xem trước tất cả các yếu tố. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Set (Cài)* để chọn cài đặt hiện thời.

Để khôi phục chủ đề được chọn hiện thời trở về cài đặt gốc, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Restore orig. theme (Khôi phục chủ đề gốc)* khi chỉnh sửa một chủ đề.

■ Âm kế

Âm kế cho bạn biết số đo mức độ ồn của môi trường.

Âm kế cung cấp những phép đo thông thường cho việc sử dụng cá nhân, các phép đo này có thể khác với các phép đo khoa học.

Chọn **Menu** > *My own (Cá nhân)* > *Sound meter (Âm kế)* để hiển thị mức ồn của môi trường xung quanh tính theo đơn vị dB.

Chọn **Options (Tùy chọn)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Hold peak (Giữ giá trị cực đại) — Giá trị cực đại được giữ ở mức cao nhất đo được cho tới khi bạn thoát khỏi ứng dụng

Weighting options (Tùy chọn cân) — Chọn *A weighting (Cân A)* để mô phỏng tai trong một môi trường ồn ào, *C weighting (Cân C)* để mô phỏng tai trong một môi trường yên tĩnh, hoặc *Off (Tắt)* để đo không cần thuật toán cân.

Dynamic peak (Giá trị cực đại động) — Giá trị cực đại hiện tại được giữ trong 5 giây

Reset peak (Cài lại giá trị cực đại) — Giá trị cực đại hiện tại sẽ được cài lại

Nếu giá trị cực đại hoặc giá trị hiện tại cao hơn 114 dB hoặc thấp hơn 50 dB ký tự > hoặc ký tự < sẽ hiển thị trước giá trị này.

12. Sắp xếp

■ Đồng hồ

Chọn **Menu** > *Organiser (Sắp xếp)* > *Clock (Đồng hồ)*.

Cài đặt đồng hồ

Để thay đổi ngày tháng, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)*. Để biết thêm thông tin về cài đặt, xem phần **"Date and time (Ngày giờ)"** trên trang 89.

Cài báo thức

1. Để cài một âm báo mới, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Set alarm (Cài báo thức)*.
2. Nhập thời gian báo vào và chọn **OK**. Khi báo thức đang hoạt động,  sẽ hiển thị.

Để hủy báo thức, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Remove alarm (Xóa báo thức)*.

Tắt báo thức

Chọn **Stop (Ngừng)** để tắt âm báo.

Chọn **Snooze (Báo lại)** để ngừng âm báo khoảng 5 phút, sau đó sẽ tiếp tục lại. Bạn có thể thực hiện tối đa năm lần.

Nếu đến giờ báo thức trong khi tắt điện thoại, điện thoại sẽ tự bật và phát âm báo. Nếu bạn chọn **Stop (Ngừng)**, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn khởi động để gọi điện không. Chọn **No (Không)** để tắt điện thoại hoặc **Yes (Có)** để gọi và nhận cuộc gọi. Không chọn **Yes (Có)** khi việc sử dụng điện thoại vô tuyến có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Cài đặt riêng âm báo thức

1. Để cài đặt riêng âm báo thức, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)*.
2. Di chuyển đến *Clock alarm tone (Âm báo thức)* và bấm phím điều khiển.
3. Khi di chuyển qua danh sách âm báo, bạn có thể dừng lại để nghe âm báo đó trước khi chọn. Chọn âm báo.

■ Lịch

Chọn **Menu** > *Organiser (Sắp xếp)* > *Calendar (Lịch)*.

Trong lịch, bạn có thể theo dõi các cuộc hẹn, cuộc họp, ngày sinh nhật, ngày kỷ niệm và các sự kiện khác. Bạn cũng có thể cài âm báo cho lịch để nhắc bạn các sự kiện sắp diễn ra.

Tạo các mục nhập lịch

1. Chọn **Options (Tùy chọn)** >

New entry (Mục nhập mới) và chọn một trong các tùy chọn sau:

Meeting (Họp) — nhắc bạn ngày và giờ cụ thể của cuộc hẹn

Memo (Ghi nhớ) — một mục chung trong ngày

Anniversary (Ngày kỷ niệm) — nhắc bạn các ngày sinh nhật hoặc các ngày đặc biệt. Các mục ngày kỷ niệm sẽ được lặp lại hàng năm.

To-do (Công việc) — ghi chú công việc

2. Điền thông tin vào các trường cho sẵn:

Subject (Chủ đề)/

Occasion (Sự kiện) —
Viết dòng mô tả sự kiện.

Location (Vị trí) —
Nhập vị trí tổ chức cuộc họp (tùy chọn).

Start time (Thời gian bắt đầu), *End time (Thời gian kết thúc)*, *Start date (Ngày bắt đầu)*, và *End date (Ngày kết thúc)*

Alarm (Báo thức) — Bấm phím điều khiển để kích hoạt các trường dành cho *Alarm time (Giờ báo thức)* và *Alarm date (Ngày báo thức)*

Repeat (Lặp lại) — Bấm phím điều khiển để thay đổi mục cần được lặp lại. Mục nhập lặp lại được chỉ báo bởi  trong giao diện ngày.

Repeat until (Lặp lại cho tới khi) — Cài ngày kết thúc cho mục được lặp lại, ví dụ ngày kết thúc của khóa học hàng tuần mà bạn đang theo. Tùy chọn này chỉ hiển thị khi bạn đã chọn lặp lại sự kiện.

Synchronisation (Đồng bộ) > *Private (Riêng)* — Sau khi đồng bộ, chỉ có bạn là người có thể nhìn thấy mục lịch, và người khác sẽ không nhìn thấy mục này cho dù họ đang truy cập trực tuyến vào chức năng lịch. *Public (Chung)* — Mục lịch này sẽ hiển thị cho những người

đang truy cập trực tuyến vào lịch. *None (Không có gì)* — Bạn sẽ không copy được mục lịch khi bạn đang đồng bộ chức năng này.

3. Để lưu mục nhập, chọn **Done (Xong)**.

Khi chỉnh sửa hoặc xóa một mục được lặp lại, hãy chọn cách bạn thực hiện:

All occurrences (Tất cả các sự kiện) — Thay đổi tất cả các mục lặp lại *This entry only (Chỉ mục nhập này)* — Sẽ chỉ thay đổi mục hiện tại

Xem lịch

Bấm **#** trong giao diện tháng, tuần, hoặc ngày để tự động đánh dấu ngày hôm nay.

Để nhập một mục lịch, bấm phím số bất kỳ (**0—9**) trong bất kỳ giao diện lịch nào. Mục cuộc họp sẽ được mở, và các ký tự đã nhập vào sẽ được thêm vào trường *Subject (Chủ đề)*.

Để vào một ngày cụ thể, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Go to date (Chọn ngày)*. Nhập ngày vào, và chọn **OK**.

Công việc

Chọn **Options (Tùy chọn)** > *To-do view (Giao diện công việc)*.

Trong menu *To-do view (Giao diện công việc)*, bạn có thể lưu danh sách các công việc cần làm.

Tạo ghi chú công việc

1. Để viết ghi chú công việc, bấm phím số bất kỳ (**0—9**). Trình chỉnh sửa sẽ mở ra và con trỏ sẽ nhấp nháy phía sau các ký tự mà bạn đã nhập vào.

2. Viết công việc vào trường *Subject (Chủ đề)*. Bấm * để hiển thị các ký tự đặc biệt.

Để cài ngày sẽ làm việc đó, di chuyển đến trường *Due date (Ngày đến hạn)*, và nhập một ngày vào.

Để cài mức độ ưu tiên cho ghi chú công việc, di chuyển đến trường *Priority (Ưu tiên)*, và bấm phím điều khiển.

3. Để lưu ghi chú công việc, chọn **Done (Xong)**.

Xử lý ghi chú công việc

Để mở một ghi chú công việc, di chuyển đến ghi chú đó, và bấm phím điều khiển.

Để xóa một ghi chú công việc, di chuyển đến ghi chú này, và chọn

Options (Tùy chọn) > *Delete (Xóa)* hoặc bấm phím xóa.

Để đánh dấu một ghi chú công việc là đã hoàn tất, di chuyển đến ghi chú này, và chọn

Options (Tùy chọn) > *Mark as done (Đánh dấu đã hoàn thành)*.

Để khôi phục lại tình trạng chưa hoàn tất của một ghi chú công việc đã hoàn tất, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Mark as not done (Đánh dấu chưa hoàn thành)*.

■ Bộ chuyển đổi

Chọn **Menu** > *Organiser (Sắp xếp)* > *Converter (Bộ chuyển đổi)*.

Trong bộ chuyển đổi, bạn có thể chuyển đổi các số đo như *Length (Độ dài)* từ đơn vị này sang đơn vị khác, ví dụ, *Yards (Thuốc Anh)* sang *Metres (Mét)*.

Bộ chuyển đổi có độ chính xác giới hạn và có thể có lỗi làm tròn số.

Chuyển đổi đơn vị

Để chuyển đổi tiền tệ, bạn phải nhập tỉ giá hối đoái vào. Xem phần "**Xác định loại tiền tệ gốc**

và tỉ giá chuyển đổi" trên trang 73.

1. Di chuyển đến trường *Type (Loại)*, và bấm phím điều khiển để mở danh sách các số đo. Di chuyển đến số đo bạn muốn sử dụng, và chọn **OK**.
2. Di chuyển đến trường *Unit (Đơn vị)* đầu tiên và bấm phím điều khiển để mở danh sách các đơn vị hiện có. Chọn đơn vị **mà** bạn muốn chuyển đổi và chọn **OK**.
3. Di chuyển đến trường *Unit (Đơn vị)* kế tiếp, và chọn đơn vị **đến** mà bạn muốn chuyển đổi.
4. Di chuyển đến trường *Amount (Số tiền)* đầu tiên, và nhập giá trị bạn muốn chuyển đổi. Trường *Amount (Số tiền)* còn lại sẽ tự động thay đổi để hiển thị giá trị thay đổi.

Bấm **#** để thêm dấu thập phân và bấm ***** để thêm dấu **+**, **-** (dành cho nhiệt độ), và **E** (số mũ).

Thứ tự chuyển đổi sẽ thay đổi nếu bạn nhập giá trị vào trường *Amount (Số tiền)*. Kết quả sẽ hiển thị trong trường *Amount (Số tiền)*.

Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi

Trước khi bạn có thể thực hiện việc chuyển đổi tiền tệ, bạn cần phải chọn một loại tiền tệ (thường là nội tệ) và thêm tỉ giá hối đoái vào.

Tỉ giá tiền tệ luôn là 1. Đồng tiền gốc xác định tỉ giá chuyển đổi của đồng tiền khác.

1. Chọn *Currency* (Tiền tệ) làm loại số đo, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Currency rates* (Tỷ giá chuyển đổi). Danh sách các loại tiền tệ sẽ mở ra; bạn có thể thấy loại tiền tệ gốc hiện thời ở đầu danh sách.
2. Để thay đổi đơn vị tiền tệ cơ sở, chuyển đến loại tiền tệ (thường là nội tệ), và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Set as base curr.* (Cài làm tiền tệ gốc).
3. Nhập tỉ giá vào, di chuyển đến tiền tệ và nhập tỉ giá mới vào, điều đó có nghĩa là có bao nhiêu đơn vị tiền tệ sẽ bằng một đơn vị của đồng tiền gốc mà bạn đã chọn.
4. Sau khi nhập tất cả các tỉ giá cần thiết, bạn có thể chuyển đổi tiền tệ. Xem phần

"Chuyển đổi đơn vị" trên trang 72.



Lưu ý: Khi thay đổi tiền tệ gốc, bạn phải nhập tỉ giá mới vào vì tất cả các tỉ giá được cài trước đó sẽ bị xóa.

■ Ghi chú

Chọn **Menu** > *Organiser* (Sắp xếp) > *Notes* (Ghi chú).

Bạn có thể gửi ghi chú tới các thiết bị khác. Bạn có thể lưu các tập tin văn bản đơn giản (dạng TXT) nhận được vào các ghi chú.

Bấm phím các phím **1—9** để bắt đầu viết. Bấm phím xóa để xóa các ký tự. Chọn **Done (Xong)** để lưu lại.

■ Máy tính

Chọn **Menu** > *Organiser* (Sắp xếp) > *Calculator* (Máy tính).

1. Nhập số thứ nhất của phép tính vào. Nếu bạn nhập sai, bấm phím xóa để xóa số đó.
2. Di chuyển đến một phép tính, và bấm phím điều khiển để chọn.
3. Nhập số thứ hai vào.

4. Để thực hiện phép tính, di chuyển đến  và bấm phím điều khiển.



Lưu ý: Máy tính có độ chính xác giới hạn và được thiết kế để thực hiện các phép tính đơn giản.

Để thêm dấu thập phân, bấm #.

Bấm và giữ phím xóa để xóa kết quả của phép tính trước đó.

Chọn  và  để xem các phép tính trước đó và di chuyển vào trong bảng tính.

■ Trình quản lý tập tin

Chọn **Menu** > *Organiser* (Sắp xếp) > *File mgr.* (Trình quản lý tập tin).

Trong chương trình quản lý tập tin, bạn có thể duyệt, mở và quản lý các tập tin và thư mục trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ.

Mở chương trình quản lý tập tin để xem danh sách các thư mục trong bộ nhớ điện thoại. Di chuyển sang phải để xem các thư mục trên thẻ nhớ.

Bạn có thể trình duyệt, mở và tạo các thư mục, đánh dấu chọn, copy và chuyển các mục vào thư mục.

Xem mức sử dụng bộ nhớ

Nếu điện thoại bạn có cài đặt thẻ nhớ, bạn sẽ có hai bộ nhớ để xem, một cho thẻ nhớ và một cho bộ nhớ của điện thoại.

Di chuyển phím điều khiển sang phải hoặc sang trái để chuyển giữa thẻ nhớ này sang thẻ nhớ khác.

Để kiểm tra dung lượng đã dùng của bộ nhớ hiện hành, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Memory details* (Chi tiết bộ nhớ).

Điện thoại sẽ tính toán dung lượng xấp xỉ còn trống của bộ nhớ dùng để lưu dữ liệu và cài đặt ứng dụng mới.

Trong phần xem bộ nhớ, bạn có thể xem dung lượng bộ nhớ đã sử dụng cho các nhóm dữ liệu khác nhau: *Calendar* (Lịch), *Contacts* (Danh bạ), *Documents* (Tài liệu), *Images* (Hình ảnh), *Sound files* (File âm thanh), *Video clip* (Đoạn phim), *Messages* (Tin nhắn), *Applications* (Các ứng dụng), *Memory in use* (Bộ nhớ đang sử dụng), và *Free memory* (Bộ nhớ còn trống).

Nếu bộ nhớ điện thoại gần hết, hãy xóa một số tập tin, hoặc chuyển chúng sang thẻ nhớ.

■ Thẻ nhớ

Giữ tất cả thẻ nhớ ngoài tầm với trẻ em.

Chọn **Menu** > *Organiser* (Sắp xếp) > *Memory* (Bộ nhớ).

Để biết thêm chi tiết cách lắp thẻ nhớ vào điện thoại, xem phần "Bắt đầu sử dụng" trên trang 1. Bạn có thể sử dụng thẻ nhớ để lưu các tập tin đa phương tiện như các video clip, các đoạn nhạc và tập tin âm thanh, hình ảnh, và dữ liệu nhắn tin, và để sao lưu thông tin trong bộ nhớ điện thoại.

Điện thoại có kèm theo thẻ nhớ microSD có thể chứa các ứng dụng bổ sung từ các nhà phát triển độc lập. Các ứng dụng này được các nhà phát triển thiết kế tương thích với điện thoại của bạn.

Thông tin chi tiết về cách sử dụng thẻ nhớ với các tính năng và các ứng dụng khác của điện thoại được mô tả trong các phần tính năng và ứng dụng tương ứng.

Các ứng dụng của bên thứ ba được cung cấp trong thẻ microSD được tạo ra và sở hữu bởi những cá nhân hoặc pháp nhân không có mối liên kết hay quan hệ với Nokia. Nokia không sở hữu bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ đối với các ứng dụng của các bên thứ ba này.

Ví dụ, Nokia không chịu trách nhiệm hỗ trợ đối với bất kỳ người dùng cuối nào hoặc về chức năng của các ứng dụng này, cũng như đối với các thông tin được mô tả trong ứng dụng hay các tài liệu này. Nokia không đảm bảo bất kỳ điều gì về các ứng dụng này.

BẠN THỪA NHẬN PHẦN MỀM VÀ/HOẶC CÁC ỨNG DỤNG (GỌI CHUNG LÀ, "PHẦN MỀM") ĐƯỢC CUNG CẤP THEO TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI MÀ KHÔNG CÓ BẤT KỲ SỰ ĐẢM BẢO NÀO DÙ LÀ TƯỜNG MINH HAY NGẦM ĐỊNH THEO PHẠM VI TỐI ĐA ĐƯỢC PHÁP LUẬT CHO PHÉP. CẢ NOKIA LẼN CÁC CÔNG TY CỘNG TÁC CỦA NOKIA ĐỀU KHÔNG ĐẠI DIỆN CHO BẤT KỲ AI HOẶC CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH MỘT CÁCH TƯỜNG MINH HAY NGẦM ĐỊNH, BAO HÀM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN SỰ BẢO ĐẢM DANH TÍNH, ĐIỀU KIỆN MUA BÁN, HOẶC SỰ THÍCH HỢP TRONG MỤC ĐÍCH RIÊNG HOẶC CÁC PHẦN MỀM ĐÓ SẼ KHÔNG VI PHẠM BẤT KỲ BẰNG SÁNG CHẾ, HAY BẢN QUYỀN, THƯƠNG HIỆU NÀO HOẶC CÁC QUYỀN KHÁC CỦA BẤT KỲ HÃNG THỨ BA NÀO.

Định dạng thẻ nhớ

Khi định dạng lại thẻ nhớ, tất cả dữ liệu có trên thẻ sẽ bị mất.

Một số thẻ nhớ được định dạng sẵn khi bán ra nhưng một số thẻ nhớ khác yêu cầu phải định dạng. Tham khảo ý kiến người bán lẻ để xác định xem bạn có phải định dạng thẻ nhớ trước khi sử dụng hay không.

1. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Format mem. card (Định dạng thẻ nhớ)*.
2. Chọn **Yes (Có)** để xác nhận.
3. Khi đã định dạng xong, nhập tên cho thẻ nhớ (tối đa 11 ký tự chữ hoặc số).

Sao lưu dự phòng và khôi phục thông tin

Để sao lưu thông tin từ bộ nhớ điện thoại sang thẻ nhớ, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Backup phone mem. (Sao lưu bộ nhớ điện thoại)*.

Để khôi phục thông tin từ thẻ nhớ sang bộ nhớ điện thoại, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Restore from card (Khôi phục từ thẻ nhớ)*.

Bạn chỉ có thể dự phòng và khôi phục lại bộ nhớ điện thoại trên cùng một điện thoại.

Khóa thẻ nhớ

Để cài mật mã khóa thẻ nhớ không bị sử dụng trái phép, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Set password (Cài mật mã)*.

Bạn sẽ được yêu cầu nhập và xác nhận mật mã. Mật mã có thể dài tám ký tự.

Mật mã sẽ được lưu vào điện thoại và bạn không cần phải nhập lại khi bạn đang sử dụng thẻ nhớ trên cùng điện thoại. Nếu bạn muốn sử dụng thẻ nhớ trên một điện thoại khác, bạn sẽ được yêu cầu nhập mật mã.

Mở khóa thẻ nhớ

Nếu bạn chèn một thẻ nhớ được bảo vệ bằng mật mã vào điện thoại, bạn sẽ được yêu cầu nhập mật mã của thẻ. Để mở khóa thẻ nhớ, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Unlock memory card (Mở khóa thẻ nhớ)*.

Khi đã xóa mật mã, thẻ nhớ sẽ mở khóa và bạn có thể sử dụng thẻ trên một điện thoại khác không cần mật mã.

Kiểm tra dung lượng bộ nhớ đã dùng

Để kiểm tra dung lượng bộ nhớ đã dùng dành cho các nhóm dữ liệu khác nhau và bộ nhớ còn trống để cài đặt các ứng dụng hoặc phần mềm mới vào thẻ nhớ, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Memory details (Chi tiết bộ nhớ)*.

13. Tools

■ Lệnh thoại

Bạn có thể gọi cho các số liên lạc và thực hiện các chức năng điện thoại bằng cách dùng khẩu lệnh.

Để chọn các chức năng điện thoại sẽ kích hoạt bằng lệnh thoại, chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Voice comm. (Giao tiếp thoại)*. Các lệnh thoại để đổi cấu hình trong thư mục *Profiles (Cấu hình)*.

Để kích hoạt một khẩu lệnh mới cho một ứng dụng, chọn > **Options (Tùy chọn)** *New application (Ứng dụng mới)* và chọn ứng dụng.

Để quản lý lệnh thoại, di chuyển đến một chức năng, chọn **Options (Tùy chọn)** và trong số các tùy chọn sau:

Change command (Đổi lệnh) hoặc *Remove application (Xóa ứng dụng)* — để thay đổi hoặc tắt lệnh thoại của một chức năng đã chọn.

Playback (Phát lại) — để phát lại lệnh thoại được kích hoạt

Để sử dụng lệnh thoại, xem phần "**Quay số bằng khẩu lệnh cải tiến**" trên trang 13.



Lưu ý: Sử dụng khẩu lệnh có thể gặp khó khăn trong môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

Để thay đổi cài đặt lệnh thoại, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)* và chọn một trong số các tùy chọn sau:

Synthesiser (Bộ tổng hợp) — để bật hoặc tắt bộ chuyển đổi tổng hợp từ văn bản sang giọng nói, bộ chuyển đổi này sẽ đọc to lệnh thoại được nhận dạng.

Reset voice adapts. (Cài lại chức năng nhận giọng nói) — để cài lại các phóng tác khẩu lệnh. Điện thoại sẽ phân tích giọng nói của người sử dụng để nhận dạng lệnh thoại tốt hơn.

■ Hộp thư thoại

Để xác định hoặc đổi số hộp thư thoại, chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Voice mail (Thư thoại)* > **Options (Tùy chọn)** > *Define number (Xác định số)* hoặc *Change number (Đổi số)*, và nhập số vào. Hộp thư thoại là một dịch vụ mạng. Hãy liên hệ với nhà điều hành mạng để có số hộp thư thoại.

■ Quay số nhanh

Để gán số điện thoại cho các phím quay số nhanh, chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Spd. dial (Quay số nhanh)*, di chuyển đến phím quay số nhanh, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Assign (Gán)*. Chọn số liên lạc và số điện thoại sử dụng cho quay số nhanh.

Để xem số điện thoại được gán cho một phím quay số nhanh, di chuyển đến phím quay số nhanh, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *View number (Xem số)*. Để đổi hoặc xóa số điện thoại này, chọn *Change (Thay đổi)* hoặc *Remove (Xóa)*.

■ Cấu hình

Chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Profiles (Cấu hình)*.

Trong *Profiles (Cấu hình)*, bạn có thể điều chỉnh và cài đặt riêng các kiểu chuông điện thoại cho các sự kiện, môi trường hoặc nhóm người gọi khác nhau. Bạn có thể thấy cấu hình được chọn hiện tại ở phía trên màn hình điện thoại ở chế độ chờ. Nếu cấu hình *General (Bình thường)* đang được sử dụng, chỉ có ngày hiện tại được hiển thị.

Để kích hoạt cấu hình, di chuyển đến một cấu hình, bấm phím điều khiển, và chọn *Activate (Khởi động)*.



Mẹo: Để nhanh chóng thay đổi giữa cấu hình *General (Bình thường)* và *Silent (Im lặng)* ở chế độ chờ, bấm và giữ #.

Để chỉnh sửa một cấu hình, di chuyển đến cấu hình đó trong danh sách cấu hình, bấm phím điều khiển, và chọn *Personalise (Cài đặt riêng)*. Để tạo một cấu hình mới, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Create new (Tạo hình mới)*. Một danh sách các cài đặt cấu hình sẽ mở ra. Di chuyển

đến cài đặt bạn muốn thay đổi, và bấm phím điều khiển để mở các tùy chọn:

Ringtone (Kiểu chuông) — Để cài kiểu chuông cho các cuộc gọi thoại, hãy chọn một kiểu trong danh sách. Bấm phím bất kỳ để ngừng âm thanh. Bạn cũng có thể thay đổi các kiểu chuông trong danh bạ. Xem phần "**Gán nhạc chuông**" trên trang 39.

Say caller's name (Đọc tên người gọi) — Chọn *On (Bật)* để cài điện thoại đọc tên người gọi khi có chuông

Ringtone type (Kiểu đồ chuông) — Khi *Ascending (Tăng dần)* được chọn, âm lượng chuông sẽ bắt đầu ở mức một và tăng dần từng mức cho đến mức đã cài.

Ringtone volume (Âm lượng chuông) — Bạn có thể cài mức độ âm lượng của kiểu chuông và âm báo có tin nhắn

Message alert tone (Âm báo tin nhắn) — Cài âm báo cho tin nhắn văn bản và tin nhắn đa phương tiện

E-mail alert tone (Âm báo e-mail) — Cài âm báo cho tin e-mail

Vibrating alert (Báo rung) — Cài chế độ rung cho điện thoại khi có các cuộc gọi và tin nhắn đến

Keypad tones (Âm bàn phím) — Cài mức âm lượng cho âm bàn phím

Warning tones (Âm cảnh báo) — Bật hoặc tắt âm cảnh báo. Điện thoại sẽ phát âm báo, khi pin yếu chẳng hạn.

Alert for (Báo có cuộc gọi) — Để cài điện thoại chỉ reo các cuộc gọi từ các số điện thoại thuộc nhóm người gọi đã chọn. Điện thoại sẽ bỏ qua khi có cuộc gọi đến từ số máy không thuộc nhóm đã chọn. Các tùy chọn là *All calls (Tất cả cuộc gọi)* hoặc danh sách các nhóm liên lạc, nếu bạn đã tạo.

Camera start-up tone (Âm khởi động camera) và *Music Player start-up tone (Âm khởi động máy nghe nhạc)* — Cài âm khởi động cho camera và máy nghe nhạc.

Profile name (Tên cấu hình) — Đặt tên cho cấu hình. Cài đặt này không hiển thị cho cấu hình *General (Bình thường)* và *Offline (Không trực tuyến)*.

Khi sử dụng cấu hình *Offline (Không trực tuyến)*, điện thoại sẽ không được kết nối vào mạng. Bạn có thể sử dụng một số chức năng nhất định của điện thoại mà không cần thẻ SIM bằng cách khởi động điện thoại với cấu hình *Offline (Không trực tuyến)*.

Ở trạng thái không trực tuyến, bạn cần phải nhập mã khóa và chuyển điện thoại sang cấu hình gọi trước khi thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào, kể cả gọi số khẩn cấp.



Cảnh báo: Trong cấu hình offline, bạn không thể gọi hoặc nhận bất kỳ cuộc gọi nào, kể cả cuộc gọi khẩn cấp, hoặc sử dụng các tính năng khác yêu cầu có mạng phủ sóng. Để gọi điện, bạn phải kích hoạt chức năng của điện thoại trước bằng cách thay đổi các cấu hình. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã khóa vào.

■ Cài đặt

Trên máy

General (Bình thường)

Chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Phone (Trên máy)* >

General (Bình thường) và chọn một trong số các tùy chọn sau:

Phone language (Ngôn ngữ điện thoại) — để thay đổi ngôn ngữ dùng để hiển thị văn bản trên điện thoại của bạn. Việc thay đổi này cũng có thể ảnh hưởng đến các định dạng ngày và giờ và các dấu phân cách, ví dụ như, dùng trong các phép tính. Nếu bạn chọn *Automatic (Tự động)*, điện thoại sẽ chọn ngôn ngữ theo thông tin trên thẻ SIM. Sau khi thay đổi ngôn ngữ văn bản hiển thị, điện thoại sẽ khởi động lại.

Thay đổi cài đặt cho *Phone language (Ngôn ngữ điện thoại)* hoặc *Writing language (Ngôn ngữ viết)* sẽ ảnh hưởng đến từng ứng dụng trong điện thoại, và thay đổi này được duy trì cho đến khi bạn thay đổi các thông số cấu hình này lần nữa.

Writing language (Ngôn ngữ viết) — thay đổi ngôn ngữ viết trên điện thoại. Việc thay đổi ngôn ngữ cũng tác động đến các ký tự và ký tự đặc biệt được sử dụng khi soạn thảo văn bản cũng như khi sử dụng từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán.

Predictive text (Văn bản tiên đoán) — để cài kiểu nhập tiên đoán *On (Bật)* hoặc *Off (Tắt)* cho tất cả các chương trình chỉnh sửa trên điện thoại. Chọn ngôn ngữ dùng cho kiểu nhập văn bản tiên đoán trong danh sách ngôn ngữ. Để thay đổi cài đặt này khi bạn đang soạn thảo văn bản, bấm phím chỉnh sửa, và chọn

Predictive text (Văn bản tiên đoán) > Off (Tắt) hoặc *Predictive text on (Bật văn bản tiên đoán)*.

Welcome note / logo (Lời chào / logo) — để cài lời chào hoặc logo sẽ được hiển thị nhanh mỗi khi bật điện thoại. Để sử dụng hình tĩnh hoặc hình động mặc định, chọn *Default (Mặc định)*. Để viết lời chào riêng (tối đa 50 ký tự), chọn *Text (Văn bản)*. Để chọn hình chụp hoặc hình ảnh từ bộ sưu tập, chọn *Image (Hình ảnh)*.

Orig. phone settings (Cài đặt gốc cho máy) — để cài lại một số cài đặt trở về giá trị ban đầu. Bạn cần phải có mã khóa. Xem phần "[Bảo mật](#)" trên trang 90. Sau khi cài đặt lại, điện thoại có thể cần nhiều thời gian hơn để khởi động. Tất cả tài liệu và tập tin bạn đã tạo đều không bị thay đổi.

Standby mode (Chế độ chờ)

Chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Phone (Trên máy)* > *Standby mode (Chế độ chờ)* và trong số các tùy chọn sau:

Active standby (Chế độ chờ) — để cài chế độ chờ *On (Bật)* hoặc *Off (Tắt)*. Theo mặc định, chế độ chờ sẽ được bật. Xem phần "[Chế độ chờ](#)" trên trang 7.

Left selection key (Phím chọn trái) và *Right selection key (Phím chọn phải)* — để gán một phím tắt cho phím chọn trái và phím chọn phải ở chế độ chờ.

Active standby apps. (Ứng dụng ở chế độ chờ) — để chọn các phím tắt ứng dụng bạn muốn hiển thị ở chế độ chờ. Cài đặt này sẽ chỉ khả dụng nếu *Active standby (Chế độ chờ)* được cài là *On (Bật)*.

Navigation key right (Phím di chuyển phải), *Navigation key left (Phím di chuyển trái)*, *Navigat. key down (Phím di chuyển xuống)*, *Navigation key up (Phím di chuyển lên)*, và *Selection key (Phím chọn)* — để gán các phím tắt

chức năng cho các thao tác di chuyển theo các hướng khác nhau hoặc bấm phím điều khiển ở chế độ chờ. Các phím tắt cho phím điều khiển sẽ không khả dụng nếu *Active standby* (Chế độ chờ) là *On* (Bật)

Operator logo (Logo mạng) — cài đặt này chỉ được hiển thị khi bạn đã nhận và lưu lại logo mạng. Bạn có thể chọn hiển thị hoặc không hiển thị logo mạng.

Display (Màn hình)

Chọn **Menu** > *Tools* (Công cụ) > *Settings* (Cài đặt) > *Phone* (Trên máy) > *Display* (Màn hình) và chọn một trong số các tùy chọn sau:

Brightness (Độ sáng) — để hiệu chỉnh độ sáng của màn hình

Power saver time-out (Thời gian chờ của chế độ tiết kiệm điện) — để cài khoảng thời gian chờ trước khi chế độ tiết kiệm điện được kích hoạt. Khi chế độ tiết kiệm điện được kích hoạt, màn hình sẽ trống và bạn có thể nhìn thấy thanh chế độ tiết kiệm điện. Bấm phím tắt để tắt chế độ tiết kiệm điện.

Light time-out (Thời gian chờ tắt đèn) — để cài khoảng thời gian chờ cho đèn nền của điện thoại

Cuộc gọi

Chọn **Menu** > *Tools* (Công cụ) > *Settings* (Cài đặt) > *Call* (Gọi) và chọn một trong số các tùy chọn sau:

Send my caller ID (Báo số) (dịch vụ mạng) — để cài số điện thoại hiển thị (*Yes* (Có)) hoặc giấu số điện thoại của mình (*No* (Không)) từ người mà bạn đang gọi điện. Giá trị này có thể được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cài đặt khi bạn đăng ký dịch vụ (*Set by network* (Lựa chọn gốc)).

Call waiting (Cuộc gọi chờ) (dịch vụ mạng) — để cài mạng thông báo cho bạn về cuộc gọi đến mới trong khi gọi. Để yêu cầu mạng kích hoạt chức năng cuộc gọi chờ, chọn *Activate* (Khởi động). Để yêu cầu mạng tắt chức năng cuộc gọi chờ, chọn *Cancel* (Hủy). Để kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt hay chưa, chọn *Check status* (Hiện trạng).

Reject call with SMS (Từ chối cuộc gọi cùng với SMS) — để cho phép từ chối các cuộc gọi cùng với một tin nhắn văn bản. Xem phần "[Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi](#)" trên trang 14.

Message text (Tin nhắn văn bản) — để nhập văn bản sẽ được gửi dưới dạng tin nhắn văn bản khi bạn từ chối một cuộc gọi

Automatic redial (Tự gọi lại) — để cài điện thoại tìm cách gọi lại, tối đa 10 lần, sau khi gọi không thành công. Bấm phím kết thúc để ngừng chức năng tự động quay lại số.

Summary after call (Chi tiết cuộc gọi) — để cài đặt điện thoại hiển thị văn tắt thời lượng gần đúng của cuộc gọi mới nhất

Speed dialling (Quay số nhanh) > *On (Bật)* — để cài điện thoại gọi đến những số điện thoại được gán cho các phím quay số nhanh 2 đến 9 bằng cách bấm và giữ phím số tương ứng

Anykey answer (Phím bất kỳ) > *On (Bật)* — để trả lời cuộc gọi bằng cách bấm nhanh phím bất kỳ, ngoại trừ phím chọn phải, phím nguồn, và phím kết thúc.

Line in use (Số máy đang sử dụng) (dịch vụ mạng) — cài đặt này chỉ được hiển thị khi SIM hỗ trợ hai số thuê bao, tức hai số điện thoại. Chọn số điện thoại (*Line 1 (Số máy 1)*) hoặc (*Line 2 (Số máy 2)*) bạn

muốn sử dụng để thực hiện cuộc gọi và gửi tin nhắn ngắn. Bạn có thể trả lời cuộc gọi trên cả hai số máy bất kể đã chọn số máy nào.

Bạn không thể thực hiện cuộc gọi nếu bạn chọn *Line 2 (Số máy 2)* mà không thuê bao dịch vụ mạng này.

Để ngăn việc chọn lựa này, chọn *Line change (Đổi số máy)* > *Disable (Vô hiệu)* nếu được thẻ SIM hỗ trợ. Để thay đổi cài đặt này, bạn cần mã PIN2.

Kết nối

Điện thoại này hỗ trợ kết nối dữ liệu gói 3G, ví dụ như GPRS trong mạng GSM. Xem phần "[Các chỉ báo](#)" trên trang 8. Để thiết lập một kết nối dữ liệu, bạn cần phải có một điểm truy cập. Bạn có thể xác định nhiều điểm truy cập khác nhau:

- Điểm truy cập MMS dùng để gửi và nhận tin nhắn đa phương tiện,
- Điểm truy cập dành cho ứng dụng Web để xem các trang WML hoặc XHTML
- Điểm truy cập Internet (IAP) (ví dụ dùng để gửi và nhận e-mail)

Đối với các dịch vụ bạn muốn truy cập, bạn cần phải tham khảo ý kiến nhà cung cấp dịch vụ về loại điểm truy cập. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ kết nối dữ liệu gói, hãy liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhận thông số cài đặt điểm truy cập

Bạn có thể nhận thông số cài đặt điểm truy cập dưới dạng tin nhắn từ nhà cung cấp dịch vụ, hoặc các thông số này có thể đã được cài đặt sẵn trong điện thoại.

Điểm truy cập

Để tạo một điểm truy cập mới hoặc chỉnh sửa một điểm truy cập hiện có, chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Connection (Kết nối)* > *Access points (Điểm truy cập)* > **Options (Tùy chọn)** > *New access point (Điểm truy cập mới)* hoặc *Edit (Chỉnh sửa)*. Nếu bạn tạo một điểm truy cập mới, sử dụng cài đặt của điểm truy cập hiện có làm gốc bằng cách chọn *Use existing settings (Sử dụng cài đặt đã có)*, hoặc bắt đầu bằng cài đặt mặc định bằng cách chọn *Use default settings (Sử dụng cài đặt mặc định)*.

Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Connection name (Tên kết nối) — để đặt tên mô tả cho kết nối

Data bearer (Sóng mang) — Các tùy chọn bao gồm *Packet data (Dữ liệu gói)*, *Data call (Cuộc gọi data)*, và *High speed (GSM) (Tốc độ cao (GSM))*. Tùy thuộc vào kiểu kết nối dữ liệu bạn chọn, chỉ có một số trường cài đặt có thể sử dụng. Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng thông báo *Must be defined (Phải được xác định)* hoặc có dấu hoa thị. Các trường khác có thể để trống, trừ phi bạn được nhà cung cấp dịch vụ hướng dẫn làm cách khác.

Để có thể sử dụng kết nối dữ liệu, nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ phải hỗ trợ chức năng này, và nếu cần, kích hoạt chức năng này bằng thẻ SIM của bạn.

Access point name (Tên điểm truy cập) (chỉ dành cho dữ liệu gói) — Điện thoại sẽ yêu cầu tên điểm truy cập để thiết lập kết nối với mạng GPRS. Bạn có thể nhận tên điểm truy cập từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Dial-up number (Số liên lạc) (chỉ dành cho cuộc gọi dữ liệu) — số điện thoại modem của điểm truy cập

User name (Tên thuê bao) — Máy sẽ yêu cầu tên thuê bao để thiết lập kết nối dữ liệu, và tên thuê bao này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Tên thuê bao được phân biệt chữ hoa và chữ thường.

Prompt password (Nhắc nhập mật mã) — Nếu bạn phải nhập mật mã mới mỗi khi đăng nhập vào một server, hoặc nếu bạn không muốn lưu mật mã của bạn vào điện thoại, chọn *Yes (Có)*.

Password (Mật mã) — Máy sẽ yêu cầu mật khẩu để thiết lập kết nối dữ liệu, và mật khẩu này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Mật khẩu thường được phân biệt chữ hoa và chữ thường.

Authentication (Xác thực) — *Normal (Bình thường)* hoặc *Secure (An toàn)*

Homepage (Trang chủ) — Tùy thuộc vào việc bạn thiết lập một điểm truy cập Internet hay điểm truy cập MMS, nhập địa chỉ Web hoặc địa chỉ trung tâm nhắn tin đa phương tiện vào

Data call type (Kiểu gọi data) (chỉ dành cho cuộc gọi data) — *Analogue (Tương tự)*, *ISDN v.110*, hoặc *ISDN v.120* sẽ xác định khi nào điện thoại sẽ dùng kết nối analog hoặc kết nối kỹ thuật số. Cài đặt này tùy thuộc vào mạng GSM và nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) của bạn, do một số mạng GSM không hỗ trợ một số kiểu kết nối ISDN. Để biết thêm thông tin chi tiết, liên hệ ISP của bạn. Nếu kết nối ISDN sẵn sàng, thì việc thiết lập kết nối sẽ nhanh hơn phương pháp dùng kết nối analog.

Max. data speed (Tốc độ dữ liệu tối đa) (chỉ dành cho cuộc gọi data) — Các tùy chọn là *Automatic (Tự động)*, 9600, 14400, 19200, 28800, 38400 hoặc 43200, tùy thuộc vào việc chọn *Data call type (Kiểu gọi data)*. Tùy chọn này cho phép bạn giới hạn tốc độ kết nối tối đa khi sử dụng một kết nối dữ liệu.

Tốc độ này đại diện cho tốc độ tối đa mà phiên kết nối của bạn có thể hoạt động. Trong phiên kết nối, tốc độ truyền có thể thấp hơn, tùy theo điều kiện của mạng.

Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Advanced settings (Cài đặt nâng cao)* để thay đổi các tùy chọn sau:

Network type (Loại mạng) (chỉ dành cho dữ liệu gói) — để chọn phiên bản giao thức Internet (IP) của mạng: *IPv4* hoặc *IPv6*. Các thông số cài đặt khác tùy thuộc vào loại mạng được chọn.

IPv4 settings (Cài đặt IPv4) và *IPv6 settings (Cài đặt IPv6)* (chỉ dành cho cuộc gọi dữ liệu) — để chọn cài đặt giao thức Internet. Các thông số cài đặt tùy thuộc vào loại mạng.

Phone IP address (Địa chỉ điện thoại IP) (chỉ IPv4) — để nhập địa chỉ IP của điện thoại của bạn

DNS address (Địa chỉ DNS) — để nhập địa chỉ IP của server DNS chính và phụ

Proxy serv. address (Địa chỉ server proxy) — để nhập địa chỉ IP của server proxy

Proxy port number (Số cổng proxy) — để nhập số cổng của server proxy

Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để có thông số cài đặt cần thiết.

Các cài đặt sau sẽ được hiển thị nếu bạn đã chọn chế độ gọi dữ liệu làm kiểu kết nối:

Use callback (Sử dụng gọi lại) > *Yes (Có)* — để cho phép server gọi lại cho bạn sau khi nhận tín hiệu kết nối ban đầu của bạn. Liên hệ nhà cung cấp dịch vụ để đăng ký thuê bao dịch vụ này.

Điện thoại sẽ đón cuộc gọi lại với giả thiết cuộc gọi này có cài đặt cuộc gọi dữ liệu tương tự như cuộc gọi yêu cầu gọi lại mà điện thoại đã gửi đi. Mạng phải hỗ trợ kiểu cuộc gọi này theo cả hai hướng đến và đi từ điện thoại.

Callback type (Kiểu gọi lại) — Các tùy chọn bao gồm *Use server no. (Sử dụng số server)* và *Use other no.. (Sử dụng số khác)*. Bạn nên hỏi nhà cung cấp dịch vụ để có cài đặt chính xác.

Callback number (Số gọi lại) — nhập vào số điện thoại mà máy chủ sẽ dùng để gọi lại. Thông thường, đây là số điện thoại của cuộc gọi dữ liệu từ máy bạn.

Use PPP compress. (Sử dụng nén PPP) — Để tăng tốc độ truyền dữ liệu, chọn *Yes (Có)* nếu được server PPP từ xa hỗ trợ. Nếu bạn gặp vấn đề khi thiết lập kết nối, chọn *No (Không)*. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm hướng dẫn.

Use login script (Sử dụng mã script đăng nhập) > Yes (Có) — để sử dụng mã script đăng nhập khi thiết lập kết nối

Login script (Mã script đăng nhập) — để chèn mã script đăng nhập

Modem initialisation (Chuỗi kích hoạt modem) (chuỗi khởi chạy modem) — để điều khiển điện thoại sử dụng các lệnh AT của modem. Nếu cần, bạn hãy nhập các lệnh chỉ định bởi nhà cung cấp dịch vụ Internet.

Dữ liệu gói

Các cài đặt dữ liệu gói ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng kết nối truyền dữ liệu.

Chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Connection (Kết nối)* > *Packet data (Dữ liệu gói)* và trong sổ các tùy chọn sau:

Packet data conn. (Kết nối dữ liệu gói) — Nếu bạn chọn *When available (Khi khả dụng)* và nếu mạng hỗ trợ dữ liệu gói, điện thoại sẽ đăng ký vào mạng GPRS và các tin nhắn ngắn sẽ được gửi qua GPRS. Tương tự, việc bắt đầu một phiên truyền dữ liệu hiện

hành, ví dụ như, để gửi và nhận e-mail, sẽ được thực hiện nhanh hơn. Nếu bạn chọn *When needed (Khi cần)*, điện thoại sẽ sử dụng kết nối dữ liệu gói chỉ khi bạn khởi động một ứng dụng hoặc chức năng liên quan đến dữ liệu gói. Kết nối GPRS có thể bị đóng lại khi không có ứng dụng nào sử dụng đến.

Nếu không có hòa mạng GPRS và bạn đã chọn *When available (Khi khả dụng)*, điện thoại sẽ cố gắng thiết lập kết nối truyền dữ liệu gói định kỳ.

Access point (Điểm truy cập) — Bạn sẽ cần đến tên điểm truy cập nếu muốn sử dụng điện thoại như một modem truyền dữ liệu cho máy tính.

SIP settings (Cài đặt SIP)

Cấu hình Giao Thức Phiên Khởi Đầu (SIP) bao gồm cài đặt cho các phiên liên lạc sử dụng SIP, chẳng hạn như các cuộc gọi push to talk. Để xe, tạo, và chỉnh sửa cấu hình SIP, chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Connection (Kết nối)* > *SIP settings (Cài đặt SIP)*.

Cuộc gọi data

Mã *Data call* (Cuộc gọi data) sẽ ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng cuộc gọi dữ liệu qua mạng GSM.

Chọn **Menu** > *Tools* (Công cụ) > *Settings* (Cài đặt) > *Connection* (Kết nối) > *Data call* (Cuộc gọi data) và chọn một trong số các tùy chọn sau:

Online time (Thời gian trực tuyến) — để cài cuộc gọi dữ liệu tự động ngắt kết nối sau một khoảng thời gian chờ nếu không có hoạt động gì. Để nhập thời gian chờ, chọn *User defined* (Do người dùng tạo), và nhập thời gian vào tính theo phút. Nếu bạn chọn *Unlimited* (Không hạn chế), cuộc gọi dữ liệu sẽ không tự động ngắt kết nối.

Configurations (Cấu hình)

Một số chức năng nhất định, như là trình duyệt Web và nhắn tin đa phương tiện, có thể yêu cầu cài đặt cấu hình. Bạn có thể nhận các thông số cài đặt này từ nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần "[Dịch vụ cài đặt cấu hình](#)" trên trang xi.

Để xem danh sách các cấu hình đã được lưu trong điện thoại, chọn **Menu** > *Tools* (Công

cụ) > *Settings* (Cài đặt) > *Connection* (Kết nối) > *Configurations* (Cấu hình). Để xóa một cấu hình, di chuyển đến cấu hình này, bấm phím điều khiển, và chọn *Delete* (Xóa).

Date and time (Ngày giờ)

Để xác định ngày giờ sử dụng trong điện thoại, và thay đổi định dạng ngày giờ và dấu phân cách, chọn **Menu** > *Tools* (Công cụ) > *Settings* (Cài đặt) > *Date and time* (Ngày giờ) và chọn một trong số các tùy chọn sau:

Time (Giờ) và *Date* (Ngày) — để đặt ngày giờ
Time zone (Múi giờ) — để cài múi giờ cho nơi bạn ở. Nếu bạn cài *Network operator time* (Thời gian theo nhà điều hành mạng) > *Auto-update* (Tự động cập nhật), giờ địa phương sẽ được hiển thị.

Date format (Kiểu lịch ngày) — để chọn định dạng hiển thị ngày.

Date separator (Dấu ngắt ngày) — để chọn dấu phân cách ngày

Time format (Kiểu giờ) — để chọn kiểu 12 giờ hoặc 24 giờ.

Time separator (Dấu ngắt thời gian) — để chọn dấu phân cách giờ

Clock type (Kiểu đồng hồ) — để chọn hiển thị đồng hồ kim hoặc đồng hồ số ở chế độ chờ hoặc chế độ màn hình chờ. Xem phần "**Đồng hồ**" trên trang 69.

Clock alarm tone (Âm báo thức) — để chọn âm báo thức

Network operator time (Thời gian theo nhà điều hành mạng) (dịch vụ mạng) — để cho phép lấy thông tin cập nhật về ngày, giờ, và múi giờ về máy. Nếu bạn chọn *Auto-update (Tự động cập nhật)*, tất cả các kết nối hiện có sẽ bị ngắt. Kiểm tra xem có báo thức nào bị ảnh hưởng bởi những cài đặt này không.

Bảo mật

Máy và thẻ SIM

Bạn có thể chọn các mã sau: mã khóa, mã PIN và mã PIN2. Các mã này chỉ bao gồm các số từ 0 đến 9.

Tránh sử dụng mã truy cập tương tự với các số khẩn cấp, để phòng việc tình cờ quay số khẩn cấp.

Để cài đặt bảo mật, chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* >

Security (Bảo mật) > *Phone and SIM (Máy và thẻ SIM)* và chọn một trong số các tùy chọn sau:

Code in use (Chọn mã) — để chọn mã kích hoạt, *PIN (Mã PIN)* hoặc *UPIN (Mã UPIN)*, cho USIM hoạt động. Tùy chọn này sẽ chỉ hiển thị nếu USIM hiện có hỗ trợ mã UPIN, và mã UPIN không bị từ chối.

PIN code request (Hỏi mã PIN) (hoặc *UPIN code request (Hỏi mã PIN)*) — để cài điện thoại yêu cầu mã này mỗi khi bật điện thoại. Một số thẻ SIM có thể không cho phép chức năng hỏi mã PIN được cài là *Off (Tắt)* Nếu bạn chọn *Code in use (Chọn mã)* > *UPIN (Mã UPIN)*, *UPIN code request (Hỏi mã PIN)* hiển thị thay vào đó.

PIN code (Mã PIN) (hoặc *UPIN code (Mã UPIN)*) / *PIN2 code (Mã PIN2)* / *Lock code (Mã khóa)* — để thay đổi các mã này

Autolock period (Thời gian tự động khóa) — để cài thời gian chờ mà sau đó điện thoại sẽ tự động khóa. Để sử dụng điện thoại trở lại, bạn cần nhập đúng mã khóa. Để tắt thời gian tự động khóa, chọn *None (Không có gì)*.

Lock if SIM changed

(Khóa nếu đổi SIM) — để cài điện thoại yêu cầu nhập mã mở khóa khi một thẻ SIM lạ được cài vào máy. Điện thoại lưu danh sách các thẻ SIM được xem là thẻ của chủ điện thoại.

Closed user group (Nhóm

nội bộ) (dịch vụ mạng) — để xác định nhóm người nhất định mà bạn có thể gọi đến và ngược lại. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Để kích hoạt nhóm mặc định theo thỏa thuận với nhà điều hành mạng, chọn *Default (Mặc định)*. Nếu bạn muốn sử dụng nhóm khác (bạn cần biết chỉ số của nhóm), chọn *On (Bật)*.

Khi sử dụng các chức năng bảo vệ để hạn chế cuộc gọi (như chặn cuộc gọi, nhóm nội bộ, và gọi số ẩn định), bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Confirm SIM services

(Xác nhận dịch vụ SIM) (dịch vụ mạng) — để cài điện thoại hiển thị các thông báo xác nhận khi bạn đang sử dụng dịch vụ trên thẻ SIM

Quản lý chứng chỉ

Các chứng chỉ kiểm tra không đảm bảo sự an toàn: chúng được

sử dụng để xác minh nguồn gốc của phần mềm.

Để xem danh sách các chứng chỉ bảo vệ đã được lưu trong điện thoại, chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Security (Bảo mật)* > *Certif. management (Quản lý chứng chỉ)*. Để xem danh sách các chứng chỉ cá nhân, nếu có, di chuyển sang phải.

Bạn nên sử dụng các chứng chỉ kỹ thuật số nếu bạn muốn kết nối với một ngân hàng trực tuyến hoặc địa chỉ trang web hoặc server từ xa khác để thực hiện các giao dịch liên quan đến việc chuyển giao các thông tin mật. Bạn nên sử dụng các chứng chỉ này nếu bạn muốn giảm bớt rủi ro do virus hoặc phần mềm phá hoại khác, đồng thời để chắc chắn về tính xác thực của phần mềm khi cần tải về và khi cài đặt phần mềm.



Chú ý: Ngay cả khi việc sử dụng các chứng chỉ này không an toàn khi kết nối từ xa và việc cài đặt phần mềm tương đối nhỏ, chúng vẫn phải được dùng đúng cách để có thể tận dụng lợi ích có được từ các tính năng an toàn nâng cao. Các

chứng chỉ này tự bản thân chúng không cung cấp các tính năng bảo mật; mục quản lý chứng chỉ phải chứa các chứng chỉ chính xác, xác thực hoặc đáng tin cậy để đảm bảo cái thiện tính an toàn khả dụng. Các chứng chỉ đều có thời hạn sử dụng. Nếu chúng nhận Hết hạn hoặc Chứng nhận không hợp lệ hiển thị, ngay cả khi chứng nhận của bạn vẫn còn hợp lệ, bạn cần kiểm tra lại xem ngày giờ trên máy bạn có được cài đúng không.

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt chứng chỉ nào, bạn cần đảm bảo rằng bạn thật tin người sở hữu chứng chỉ và chứng chỉ này thật sự thuộc sở hữu của người được liệt kê trong danh sách.

Xem chi tiết chứng chỉ và kiểm tra tính xác thực

Bạn chỉ có thể chắc chắn về danh tính hợp lệ của server khi chữ ký và thời hạn hiệu lực chứng chỉ của server được kiểm tra.

Điện thoại sẽ thông báo cho bạn nếu nhận diện server không được xác thực hoặc nếu bạn không có chứng chỉ bảo vệ thích hợp trong điện thoại.

Để kiểm tra chi tiết chứng chỉ, di chuyển đến một chứng chỉ, và chọn **Options (Tùy chọn)** >

Certificate details (Chi tiết chứng chỉ). Khi chi tiết chứng chỉ đang mở, điện thoại sẽ kiểm tra tính hợp lệ của chứng chỉ đó, và một trong số các chú thích sau đây có thể xuất hiện:

Expired certificate (Chứng chỉ hết hạn) — Thời hạn hiệu lực cho chứng chỉ được chọn đã kết thúc

Certificate not valid yet (Chứng chỉ chưa có hiệu lực) — Thời hạn hiệu lực cho chứng chỉ được chọn chưa bắt đầu

Certificate corrupted (Chứng chỉ bị lỗi) — Không thể sử dụng chứng chỉ này. Liên hệ với nơi cấp chứng chỉ.

Certificate not trusted (Chứng chỉ không tin cậy) — Bạn chưa cài bất kỳ ứng dụng nào để sử dụng chứng chỉ này.

Thay đổi cài đặt về độ tin cậy

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt chứng chỉ nào, bạn cần đảm bảo rằng bạn thật tin người sở hữu chứng chỉ và chứng chỉ này thật sự thuộc sở hữu của người được liệt kê trong danh sách.

Di chuyển đến một chứng chỉ hợp lệ, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Trust settings*

(*Cài đặt ủy thác*). Tùy theo loại chứng chỉ được chọn, một danh sách các ứng dụng có thể dùng đến chứng chỉ này sẽ được hiển thị.

Mô-đun bảo mật

Để xem hoặc chỉnh sửa các mô-đun bảo mật, chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Security (Bảo mật)* > *Secur. mod. (Mô-đun bảo mật)*.

Chuyển hướng cuộc gọi

1. Để chuyển hướng các cuộc gọi đến hộp thư thoại hoặc một số điện thoại khác, chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Call divert (Chuyển hướng)*. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.
2. Chọn cuộc gọi bạn muốn chuyển hướng: *Voice calls (Cuộc gọi thoại)*, *Data calls (Cuộc gọi data)*, hoặc *Fax calls (Cuộc gọi fax)*.
3. Chọn tùy chọn bạn muốn. Ví dụ, để chuyển hướng các cuộc gọi thoại khi máy bận hoặc khi bạn từ chối cuộc gọi đến, chọn *If busy (Nếu bận)*.

4. Để bật hoặc tắt tùy chọn chuyển hướng, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Activate (Khởi động)* hoặc *Cancel (Hủy)*. Để kiểm tra xem tùy chọn này đã được kích hoạt hay chưa, chọn *Check status (Hiện trạng)*. Bạn có thể khởi động nhiều tùy chọn chuyển hướng cùng một lúc.

Bạn không thể sử dụng chức năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.

Chặn cuộc gọi

Chức năng chặn cuộc gọi (dịch vụ mạng) cho phép hạn chế các cuộc đi và các cuộc gọi đến. Để thay đổi những cài đặt này, bạn cần mật mã chặn cuộc gọi do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

1. Chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Call barring (Chặn cuộc gọi)*.
2. Di chuyển đến tùy chọn chặn cuộc gọi bạn muốn, và yêu cầu mạng bật chức năng hạn chế cuộc gọi, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Activate (Khởi động)*. Để yêu cầu tắt dịch vụ chặn cuộc gọi, chọn *Cancel (Hủy)*. Để kiểm tra xem các cuộc gọi có

bị chặn hay không, chọn *Check status (Hiện trạng)*.

Để thay đổi mật mã chặn cuộc gọi, chọn *Edit barrings passw. (Chỉnh sửa mật mã chặn cuộc gọi)*.

Để hủy tất cả dịch vụ chặn cuộc gọi hiện hành, chọn *Cancel all barrings (Hủy tất cả chặn cuộc gọi)*.

Bạn không thể sử dụng chức năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.

Khi đã chặn các cuộc gọi, bạn vẫn có thể dùng điện thoại để gọi các số điện thoại khẩn cấp.

Network

Chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Network (Mạng)* và chọn một trong số các tùy chọn sau:

Operator selection (Chọn nhà điều hành) — Để cài điện thoại tự động tìm kiếm và chọn một trong những mạng hiện có, chọn *Automatic (Tự động)*. Để chọn mạng bạn muốn từ danh sách mạng theo cách thủ công, chọn *Manual (Thủ công)*. Nếu việc kết nối

vào mạng bạn tự chọn không thành công, điện thoại sẽ báo lỗi và yêu cầu bạn chọn lại mạng. Mạng được chọn để kết nối phải được thỏa thuận chuyển vùng với mạng bạn đăng ký, nghĩa là, nhà điều hành mạng dùng cho thẻ SIM của bạn.

Cell info display (Thông tin mạng) (dịch vụ mạng) — Để cài điện thoại chỉ báo khi sử dụng mạng di động dựa trên công nghệ Mạng Di động Siêu vi (MCN) và kích hoạt chức năng nhận thông tin mạng, chọn *On (Bật)*.

Phụ kiện

Để thay đổi cài đặt cho một phụ kiện, chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Settings (Cài đặt)* > *Enhancement (Phụ kiện)* và chọn một phụ kiện, ví dụ như *Headset (Tai nghe)*. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Default profile (Cấu hình mặc định) — để chọn cấu hình bạn muốn kích hoạt mỗi khi nối phụ kiện này đó với điện thoại

Automatic answer (Trả lời tự động) — để cài điện thoại tự động trả lời cuộc gọi đến sau 5 giây khi phụ kiện này được nối với điện thoại. Nếu chức

năng *Ringing type* (Kiểu đổ chuông) được cài là *Beep once* (1 hồi bip) hoặc *Silent* (Im lặng), điện thoại sẽ không dùng tính năng tự động trả lời và bạn sẽ phải trả lời theo cách thủ công.

Lights (Đèn) — Để cài đèn điện thoại sáng liên tục trong khi sử dụng phụ kiện này, chọn *On* (Bật).

Để sử dụng text phone, chọn *Text phone > Use text phone* (Sử dụng text phone) > *Yes* (Có).

■ Application manager (Quản lý ứng dụng)

Bạn có thể cài đặt hai loại ứng dụng và phần mềm vào điện thoại:



Các ứng dụng J2ME™ dựa trên công nghệ Java™ có đuôi .jad hoặc .jar. Không tải các ứng dụng PersonalJava™ về vì không thể cài đặt các ứng dụng này trên điện thoại của bạn.



Các ứng dụng và phần mềm khác tương thích với hệ điều hành

Symbian. Các tập tin cài đặt có đuôi .sis. Chỉ cài đặt phần mềm được thiết kế dành riêng cho điện thoại của bạn.

Bạn có thể nhận các tập tin cài đặt từ máy tính tương thích về điện thoại, tải về trong khi trình duyệt hoặc nhận dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dưới dạng tập tin đính kèm e-mail hoặc sử dụng qua Bluetooth. Bạn có thể sử dụng Nokia Application Installer trong bộ Nokia PC Suite để cài đặt một ứng dụng vào điện thoại hoặc thẻ nhớ.

Để mở *App. manager* (Quản lý ứng dụng), chọn **Menu > Tools** (Công cụ) > *App. mgr.* (Quản lý ứng dụng).

Cài đặt ứng dụng



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Trước khi cài đặt, chọn **Menu > Tools** (Công cụ) > *App. mgr.* (Quản lý ứng dụng), di chuyển đến tập tin cài đặt, và chọn **Options** (Tùy chọn) > *View details* (Xem chi tiết) để xem các thông tin như loại ứng dụng, số phiên bản, và nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất ứng dụng.

Nếu bạn cài đặt tập tin có chứa phiên bản cập nhật hoặc bản sửa lỗi cho ứng dụng hiện tại,

bạn chỉ có thể khôi phục lại ứng dụng gốc nếu bạn có tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm ứng dụng đã gỡ bỏ. Để khôi phục ứng dụng gốc, gỡ bỏ ứng dụng và cài đặt lại ứng dụng từ tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng.

Bạn sẽ được yêu cầu tập tin .jar để cài đặt ứng dụng Java. Nếu không có, điện thoại sẽ yêu cầu bạn tải tập tin này về. Nếu không có điểm truy cập nào được xác nhận cho ứng dụng, bạn sẽ được yêu cầu chọn một điểm truy cập. Trong quá trình tải tập tin .jar về, bạn cần phải nhập tên thuê bao và mật mã để truy cập vào server. Nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp ứng dụng sẽ cung cấp cho bạn tên thuê bao và mật mã. Để cài đặt một ứng dụng hoặc một gói phần mềm:

1. Di chuyển đến một tập tin cài đặt. Các ứng dụng trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng .
2. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Install (Cài đặt)*.

Cách khác, dò tìm trong bộ nhớ máy hoặc thẻ nhớ, chọn một ứng dụng và bấm phím điều khiển để bắt đầu quá trình cài đặt.

Trong khi cài đặt, điện thoại sẽ hiển thị thông tin liên quan đến tiến trình cài đặt. Nếu bạn cài đặt ứng dụng không có chữ ký kỹ thuật số hoặc chứng chỉ, điện thoại sẽ hiển thị một cảnh báo. Bạn chỉ tiếp tục cài đặt nếu bạn đã chắc chắn nguồn gốc và nội dung ứng dụng.

Để xem thông tin bổ sung về ứng dụng này, di chuyển đến ứng dụng, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Go to web address (Tới địa chỉ web)*.

Để xem những gói phần mềm nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ và được thực hiện khi nào, chọn **Options (Tùy chọn)** > *View log (Xem nhật ký)*. Để gửi nhật ký cài đặt của bạn đến trung tâm trợ giúp để họ biết được ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ, chọn *Send log (Gửi nhật ký)*.

Xóa một ứng dụng

Chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *App. mgr. (Quản lý ứng dụng)*, di chuyển đến gói phần mềm đó, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Remove (Xóa)*.

Nếu bạn gỡ bỏ phần mềm, bạn chỉ có thể cài đặt lại phần mềm này nếu bạn có bộ phần mềm gốc hoặc một bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm bị gỡ bỏ.

Nếu bạn gỡ bỏ bộ phần mềm, bạn sẽ không mở được tài liệu được tạo bằng phần mềm đó.

Cài đặt ứng dụng

Chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *App. mgr. (Quản lý ứng dụng)* > **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)* và chọn một trong số các cài đặt sau:

Software installation (Cài đặt phần mềm) — để chọn nếu bạn muốn cài đặt tất cả các ứng dụng Symbian (*All (Tất cả)*) hoặc chỉ các ứng dụng được gán (*Signed only (Chỉ đã ký)*)

Online certif. check (Kiểm tra chứng chỉ trực tuyến) — để chọn nếu bạn muốn *App. manager (Quản lý ứng dụng)* để kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến của một ứng dụng trước khi cài đặt

Default web address (Địa chỉ web mặc định) — địa chỉ mặc định sẽ được sử dụng khi kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến

Một số ứng dụng Java có thể yêu cầu thực hiện cuộc gọi, gửi tin nhắn, hoặc thiết lập kết nối mạng đến điểm truy cập được chỉ định để tải về các dữ liệu hoặc thành phần bổ sung. Trong

giao diện chính của *App. manager (Quản lý ứng dụng)*, di chuyển đến một ứng dụng, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Suite settings (Cài đặt cho bộ)* để thay đổi những cài đặt liên quan đến ứng dụng cụ thể này.

Mã khóa kích hoạt

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Actv. keys (Mã khóa kích hoạt)* để xem các mã khóa kích hoạt các quyền kỹ thuật số được lưu trong điện thoại.

Để xem những mã khóa hợp lệ (?) được kết nối với một hoặc nhiều tập tin media, chọn *Valid keys (Mã khóa hợp lệ)*.

Để xem những mã khóa đã hết hạn (X) với các mã khóa này, thời gian để sử dụng tập tin này đã vượt quá, chọn *Invalid keys (Mã khóa không hợp lệ)*. Để mua thêm thời gian sử dụng hoặc gia hạn thời gian sử dụng cho một tập tin media, di chuyển đến một mã khóa, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Get activation key (Nhận mã*

khóa kích hoạt). Các mã khóa kích hoạt không thể cập nhật được nếu chức năng nhận tin nhắn dịch vụ Web bị tắt. Xem phần "[Cài đặt tin nhắn dịch vụ](#)" trên trang 36.

Để xem các mã khóa kích hoạt chưa sử dụng, chọn *Not in use (Không sử dụng)*. Các phím khởi động không sử dụng sẽ không được kết nối với tập tin media nào được lưu trong điện thoại.

Để xem thông tin chi tiết, chẳng hạn như tình trạng hiệu lực và khả năng gửi tập tin, di chuyển đến một mã khóa kích hoạt, và bấm phím điều khiển.

■ Trình quản lý thiết bị

Bạn có thể nhận các cấu hình server và các thông số cài đặt cấu hình từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ hoặc bộ phận quản lý thông tin của công ty. Các thông số cài đặt cấu hình này có thể bao gồm các cài đặt điểm truy cập để kết nối dữ liệu và các cài đặt khác được sử dụng bởi các ứng dụng khác trong điện thoại.

Để mở *Device mgr. (Quản lý thiết bị)*, chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Dev. mgr. (Quản lý thiết bị)*.

Nếu bạn chưa xác định cấu hình server nào, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn xác định một cấu hình hay không.

Để kết nối với một server và nhận thông số cài đặt cấu hình cho điện thoại, di chuyển đến cấu hình, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Start configuration (Khởi động cấu hình)*.

Để chỉnh sửa một server, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Edit profile (Chỉnh sửa cấu hình)* và chọn một trong số các cài đặt sau:

Server name (Tên server) — Nhập tên cho cấu hình

Server ID (Mã ID server) — Nhập ID riêng để nhận dạng server cấu hình

Server password (Mật mã server) — Nhập mật mã để gửi đến server này

Access point (Điểm truy cập) — Chọn điểm truy cập sẽ được sử dụng khi kết nối với server này

Host address (Địa chỉ máy chủ) — Nhập địa chỉ URL của server

Port (Cổng) — Nhập số cổng của server

User name (Tên thuê bao) và *Password (Mật mã)* — Nhập tên thuê bao và mật mã

Allow configuration (Cho phép cấu hình) — Để nhận thông số cài đặt cấu hình từ server, chọn *Yes (Có)*.

Auto-accept all reqs. (Tự động chấp nhận tất cả yêu cầu) — Nếu bạn muốn điện thoại hỏi xác nhận trước khi chấp nhận một cấu hình từ server, chọn *No (Không)*.

■ Nối chuyển

Với chức năng *Transfer (Nối chuyển)*, bạn có thể sao chép hoặc đồng bộ các số liên lạc, các mục lịch, và các dữ liệu khác có thể, ví dụ như video clip và hình ảnh, từ một điện thoại tương thích sử dụng kết nối Bluetooth.

Tùy thuộc vào điện thoại kia, có thể không đồng bộ được và chỉ có thể sao chép dữ liệu một lần.

1. Chọn **Menu** > *Tools (Công cụ)* > *Transfer (Nối chuyển)* Nếu bạn đã sử dụng Nối Chuyển trước đó, thông tin về ứng dụng sẽ được hiển thị. Chọn **Continue (Tiếp tục)** để bắt đầu chuyển dữ liệu.

Nếu bạn đã sử dụng Nối Chuyển, chọn *Transfer data (Truyền dữ liệu)*.

2. Các điện thoại cần được ghép nối để chuyển dữ liệu. Tùy thuộc vào loại của điện thoại kia, có thể gửi một ứng dụng và cài đặt ứng dụng này trên điện thoại kia để cho phép chuyển dữ liệu. Hãy theo các hướng dẫn.
3. Chọn nội dung bạn muốn chuyển vào điện thoại.
4. Nội dung được chuyển vào điện thoại. Thời gian chuyển tùy thuộc vào lượng dữ liệu. Bạn có thể ngừng chuyển và tiếp tục lại sau.

14. Kết nối

■ Bộ PC Suite

Bạn có thể sử dụng điện thoại với các chương trình ứng dụng đa dạng của các truyền thông dữ liệu và kết nối với máy PC. Với bộ PC Suite, bạn có thể đồng bộ danh bạ, lịch, ghi chú việc, và ghi chú giữa điện thoại, và một máy PC tương thích hoặc đồng bộ server Internet từ xa (dịch vụ mạng).

Bạn có thể tìm thêm thông tin về bộ PC Suite và đường dẫn tải xuống bộ PC Suite trong khu vực hỗ trợ trên trang Web của Nokia Web tại www.nokia-asia.com/support.

■ Kết nối Bluetooth

Điện thoại này tuân theo Thông số 2.0 của công nghệ Bluetooth hỗ trợ các cấu hình sau: Cấu Hình Truy Cập Chung, Cấu Hình Hands-free, Cấu Hình Tai Nghe, Cấu Hình Hình Ảnh Cơ Bản, Cấu Hình Thiết Bị Giao Diện Cá Nhân, Cấu Hình Mở Rộng Đối Tượng, Cấu Hình Truyền Tập Tin, Cấu Hình Mạng Quay Số, Cấu Hình Cổng Song Song, Cấu Hình Trao Đổi Đối Tượng Chung, Cấu Hình Phát Hiện Dịch Vụ, và

Cấu Hình Truy Cập SIM. Để đảm bảo khả năng tương tác giữa các thiết bị khác nhau hỗ trợ công nghệ Bluetooth, hãy sử dụng các phụ kiện được Nokia phê chuẩn cho kiểu điện thoại này. Hãy kiểm tra với các nhà sản xuất của các thiết bị khác để xác định khả năng tương thích với thiết bị này.

Có thể có các hạn chế khi sử dụng công nghệ Bluetooth ở một số nơi. Hãy kiểm tra với nhà chức trách địa phương hay nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Các tính năng sử dụng công nghệ Bluetooth hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt động ẩn trong khi đang sử dụng các tính năng khác sẽ làm hao pin và giảm thời gian hoạt động của pin.

Công nghệ Bluetooth cho phép các kết nối không dây giữa các thiết bị điện tử trong phạm vi tối đa 10 mét (32 bộ Anh). Một kết nối Bluetooth có thể được sử dụng để gửi hình ảnh, video, văn bản, danh thiếp, ghi chú lịch hay để kết nối vô tuyến đến các thiết bị tương thích sử dụng công nghệ Bluetooth, ví dụ như máy tính. Không phải tất cả các máy tính sử dụng công nghệ Bluetooth đều tương thích.

Vì các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth liên lạc qua sóng radio, điện thoại và các thiết bị khác không cần phải đặt cùng phương. Hai thiết bị chỉ cần cách nhau tối đa 10 mét (32 bộ Anh), mặc dù kết nối này có thể bị nhiễu sóng do các vật cản như tường hoặc các thiết bị điện tử khác.

Cài đặt kết nối Bluetooth

Chọn **Menu** > *Connect (Kết nối)* > *Bluetooth*.

Khi kích hoạt công nghệ Bluetooth lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu nhập tên điện thoại.

Bluetooth — để chuyển Bluetooth sang trạng thái *On (Bật)* hoặc *Off (Tắt)*

My phone's visibility (Phạm vi kết nối) > *Shown to all (Hiển thị tất cả)* — điện thoại của bạn có thể được các thiết bị Bluetooth khác nhận thấy hoặc *Hidden (Ẩn)* — Các thiết bị khác không thể nhận thấy điện thoại của bạn. Vì các lý do an toàn, chế độ ẩn được khuyến cáo sử dụng vào bất cứ khi nào có thể được.

My phone's name (Tên điện thoại) — đặt tên cho điện thoại của bạn. Sau khi bạn đã kích hoạt và thay đổi kết nối Bluetooth *My phone's visibility (Phạm vi kết nối)* đến *Shown to all (Hiển thị tất cả)*, người dùng thiết bị Bluetooth khác có thể nhìn thấy điện thoại và tên này.

Remote SIM mode (Chế độ sử dụng SIM từ xa) > *On (Bật)* — để cho phép thiết bị khác (ví dụ như phụ kiện sử dụng trên xe hơi) sử dụng thẻ SIM của điện thoại này qua công nghệ Bluetooth (Cấu Hình Truy Cập SIM SAP)

Khi điện thoại ở chế độ sử dụng SIM từ xa, bạn chỉ có thể sử dụng một phụ kiện tương thích được kết nối, chẳng hạn như bộ phụ kiện sử dụng trên xe, để thực hiện hoặc nhận cuộc gọi. Điện thoại của bạn sẽ không thể gọi đi, trừ khi gọi cho những số khẩn cấp được lập trình trên máy, khi ở chế độ này. Để gọi đi từ điện thoại, trước tiên bạn phải tắt chế độ sử dụng SIM từ xa. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã để mở khóa trước.

Gửi dữ liệu sử dụng công nghệ Bluetooth

Bạn chỉ có thể kích hoạt một kết nối Bluetooth cùng một thời điểm.

1. Mở một ứng dụng có lưu mục mà bạn muốn gửi. Ví dụ, để gửi một hình chụp đến một thiết bị khác, mở ứng dụng bộ sưu tập.

2. Di chuyển đến mục bạn muốn gửi, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Send (Gửi)* > *Via Bluetooth (Qua Bluetooth)*.

3. Điện thoại bắt đầu dò tìm các thiết bị có trong phạm vi. Các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth trong phạm vi kết nối lần lượt xuất hiện trên màn hình điện thoại. Bạn có thể nhìn thấy một biểu tượng thiết bị, tên thiết bị, loại thiết bị hoặc một tên ngắn. Các thiết bị được ghép nối sẽ hiển thị với .

Để hủy bỏ việc dò tìm, chọn **Stop (Ngừng)**. Danh sách thiết bị sẽ ngưng và bạn có thể thực hiện một kết nối đến một trong các thiết bị đã tìm thấy.

4. Khi đang dò tìm thiết bị, một vài thiết bị chỉ có thể hiển thị địa chỉ thiết bị duy nhất. Để tìm địa chỉ duy nhất của điện thoại, nhập vào mã số ***#2820#** ở chế độ chờ.

Nếu bạn đã dò thấy những thiết bị trước đây, một danh sách thiết bị đã tìm thấy trước đó được hiển thị trước. Để bắt đầu cuộc dò tìm mới, chọn *More devices (Các thiết bị khác)*. Nếu bạn tắt điện thoại, danh sách các thiết bị bị xóa và việc dò tìm thiết bị cần phải được bắt đầu lại trước khi gửi dữ liệu.

5. Di chuyển đến thiết bị bạn muốn kết nối, và chọn thiết bị này. Mục bạn đang gửi sẽ được sao chép vào hộp thư đi, và thông báo *Connecting (Đang kết nối)* sẽ hiển thị.
6. Đang ghép nối (nếu thiết bị khác không yêu cầu, đến bước 7.)

- Nếu thiết bị khác yêu cầu ghép nối trước khi dữ liệu có thể truyền, một âm báo sẽ phát ra và bạn được yêu cầu nhập mã khóa.
- Tạo mã khóa cho riêng bạn (1-16 ký tự, số) và thỏa thuận với người dùng thiết bị khác để sử dụng

cùng mã khóa. Mã khóa này chỉ được sử dụng một lần và bạn không cần phải nhớ mã này.

- Sau khi ghép nối, thiết bị này sẽ được lưu vào giao diện *Paired devices* (Các thiết bị đã ghép).

7. Khi kết nối đã được thiết lập, thông báo *Sending data* (Đang gửi dữ liệu) sẽ hiển thị.

Có thể tìm thấy dữ liệu nhận được qua kết nối Bluetooth trong thư mục *Inbox* (Hộp thư đến) trong menu *Messag.* (Tin nhắn).

Biểu tượng cho các thiết bị khác nhau:  (*Computer* (Máy tính)),  (*Phone* (Trên máy)),  (*Audio/video* (Tiếng/hình)), và  (*Bluetooth device* (Thiết bị bluetooth)).

Nếu không gửi được, tin nhắn hoặc dữ liệu sẽ bị xóa. Thư mục *Drafts* (Nháp) trong menu *Messag.* (Tin nhắn) sẽ không lưu lại các tin nhắn được gửi sử dụng kết nối Bluetooth.

Giao diện thiết bị ghép nối

Các thiết bị đã ghép được chỉ báo bởi  trong danh sách kết quả tìm kiếm. Trong giao diện

Bluetooth chính, di chuyển sang phải để mở danh sách các thiết bị đã ghép nối.

Không chấp nhận kết nối Bluetooth từ những nguồn không tin cậy.

Để ghép nối một thiết bị, chọn **Options (Tùy chọn)** > *New paired device* (Thiết bị ghép nối mới). Điện thoại sẽ bắt đầu dò tìm thiết bị. Di chuyển đến thiết bị bạn muốn ghép, và chọn thiết bị này. Trao đổi mã khóa. Thiết bị sẽ được thêm vào danh sách *Paired devices* (Các thiết bị đã ghép).

Để hủy ghép nối, di chuyển đến thiết bị ghép nối bạn muốn hủy và bấm phím xóa, hoặc chọn **Options (Tùy chọn)** > *Delete* (Xóa). Nếu bạn muốn hủy tất cả các ghép nối, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Delete all* (Xóa tất cả).

Nếu hiện tại bạn đang kết nối với một thiết bị và xóa ghép nối với thiết bị đó, ghép nối sẽ bị xóa và việc kết nối thiết bị sẽ chấm dứt, kết nối Bluetooth vẫn duy trì hoạt động trên điện thoại cầm tay.

Để gán quyền cho thiết bị, di chuyển đến thiết bị này, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Set as authorised* (Gán quyền). Các kết nối giữa điện thoại và

thiết bị này có thể được thực hiện mà bạn không biết. Bạn không cần chấp nhận hoặc gán quyền. Chỉ sử dụng tình trạng này cho những thiết bị của chính mình mà những người khác không có quyền truy cập đến, ví dụ như máy PC hoặc những thiết bị thuộc về người mà bạn tin cậy. Biểu tượng  được bổ sung vào cạnh các thiết bị được gán quyền trong giao diện *Paired devices* (Các thiết bị đã ghép). Nếu bạn chọn *Set as authorised* (Gán quyền), yêu cầu kết nối từ thiết bị này phải được chấp nhận riêng mỗi lần.

Nhận dữ liệu sử dụng công nghệ Bluetooth

Khi bạn nhận dữ liệu sử dụng công nghệ Bluetooth, một âm báo sẽ phát ra, và bạn sẽ được hỏi có muốn nhận tin nhắn này không. Nếu bạn chấp nhận, mục này sẽ được lưu trong thư mục *Inbox* (Hộp thư đến) trong menu *Messag.* (Tin nhắn). Xem phần "Hộp thư đến—nhận tin nhắn" trên trang 25.

Ngắt kết nối Bluetooth

Một kết nối Bluetooth sẽ tự động ngắt sau khi gửi hoặc nhận dữ liệu.

Tin nhắn trò chuyện

Chức năng Tin nhắn trò chuyện (dịch vụ mạng) cho phép bạn trò chuyện với người sử dụng tin nhắn trò chuyện, và tham gia vào diễn đàn (các nhóm IM) với các chủ đề khác nhau. Sau khi bạn đã đăng ký vào dịch vụ nhắn tin trò chuyện (IM), bạn có thể đăng nhập vào server IM của nhà cung cấp dịch vụ.

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả, và thuế của các dịch vụ IM với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

Để truy cập vào một dịch vụ nhắn tin trò chuyện, bạn cần lưu các thông số cài đặt cho dịch vụ này. Bạn có thể nhận các thông số cài đặt từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng tin nhắn cấu hình. Bạn cũng có thể nhập các thông số cài đặt theo cách thủ công. Xem phần "Cài đặt tin nhắn trò chuyện" trên trang 105.

Kết nối với một server nhắn tin trò chuyện

Chọn **Menu** > *Connect* (Kết nối) > *IM* (Nhắn tin trò chuyện).

1. Để đăng nhập, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Login (Đăng nhập)*.

2. Nhập tên thuê bao và mật mã. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để có mã thuê bao và mật mã.

Để thoát ra, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Logout (Thoát)*.

Cài đặt tin nhắn trò chuyện

Chọn **Menu** > *Connect (Kết nối)* > *IM (Nhắn tin trò chuyện)* > **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)* > *IM settings (Cài đặt IM)* và chọn một trong số các cài đặt sau:

Use screen name (Tên hiển thị) — Chọn *Yes (Có)* để nhập bí danh (tối đa 10 ký tự).

Show my availability (Hiển thị tính khả dụng của tôi) — Để chỉ cho phép những người trong danh bạ của bạn nhìn thấy trạng thái trực tuyến hoặc không trực tuyến của bạn, chọn *IM contacts only (Chỉ đến các số liên lạc IM)*. Để ngăn không cho người khác thấy bạn đang trực tuyến, chọn *To no-one (Không đến ai)*.

Allow messages from (Cho phép tin nhắn từ) — Chọn

All (Tất cả), *From IM contacts (Chọn từ các số liên lạc IM)*, hoặc *None (Không có gì)*.

Allow invitations from (Cho phép lời mời từ) — Chọn *All (Tất cả)*, *From IM contacts (Chọn từ các số liên lạc IM)*, hoặc *None (Không có gì)*.

Msg. scrolling speed (Tốc độ hiển thị tin nhắn) — Chọn tốc độ tin nhắn mới sẽ được hiển thị.

Sort IM contacts (Sắp xếp số liên lạc IM) — Chọn cách sắp xếp các số liên lạc. Để sắp xếp các số liên lạc sao cho các số liên lạc trực tuyến được hiển thị trước, chọn *By online status (Theo trạng thái trực tuyến)*.

Availabil. reloading (Cập nhật trạng thái khả dụng) — Chọn cách cập nhật thông tin về các số liên lạc IM của bạn hiện đang trực tuyến hay không trực tuyến: chọn *Automatic (Tự động)* hoặc *Manual (Thủ công)*.

Offline contacts (Các số liên lạc không trực tuyến) — Để ẩn các số liên lạc không trực tuyến, chọn *Hide (Ẩn)*.

Own message colour (Màu tin nhắn cá nhân) và *Received msg colour* (Màu tin nhắn nhận) — để cài màu cho các tin nhắn của chính bạn và tin nhắn nhận được

IM alert tone (Âm báo IM) — để cài âm báo IM

Chọn **Menu** > *Connect* (Kết nối) > *IM* (Nhắn tin trò chuyện) > **Options** (Tùy chọn) > *Settings* (Cài đặt) > *Server settings* (Cài đặt server) và chọn một trong số các cài đặt sau:

Servers (Các máy chủ) — Để chỉnh sửa cài đặt kết nối, di chuyển đến server, và chọn **Options** (Tùy chọn) > *Edit* (Chỉnh sửa). Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để có các thông số cài đặt này. Để xác định các thông số cài đặt server mới, chọn **Options** (Tùy chọn) > *New server* (Server mới). Để xóa một server, di chuyển đến server này, và chọn **Options** (Tùy chọn) > *Delete* (Xóa).

Default server (Server mặc định) — Chọn server mặc định

IM login type (Loại đăng nhập IM) — Để tự động kết nối với server IM trong những ngày và thời gian bạn xác định, chọn

Automatic (Tự động). Để chỉ tự động kết nối khi bạn đang ở trong mạng chủ, chọn *Auto. in home network* (Tự động trong mạng chủ). Để tự động kết nối khi khởi động ứng dụng IM, chọn *On app. start-up* (Khi khởi động ứng dụng). Để kết nối theo cách thủ công, chọn *Manual* (Thủ công).

Automat. login days (Những ngày tự động đăng nhập) và *Automatic login hrs.* (Những giờ tự động đăng nhập) — để cài những thời điểm nào bạn muốn tự động thiết lập kết nối. Các cài đặt này sẽ chỉ hiển thị nếu *IM login type* (Loại đăng nhập IM) được cài là *Automatic* (Tự động) hoặc *Auto. in home network* (Tự động trong mạng chủ).

Tham gia và rời khỏi một nhóm IM

Chọn **Menu** > *Connect* (Kết nối) > *IM* (Nhắn tin trò chuyện) > *IM groups* (Các nhóm IM).

Các nhóm IM chỉ khả dụng nếu được nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

Danh sách các nhóm IM mà bạn đã lưu hoặc đang tham gia sẽ hiển thị. Biểu tượng kế bên một nhóm sẽ cho biết loại nhóm đó:



Nhóm do bạn tạo



Nhóm mà bạn đã lưu



Nhóm mà bạn hiện đang tham gia nhưng chưa lưu.

Để tham gia vào một nhóm IM, di chuyển đến nhóm này trong danh sách, và bấm phím điều khiển. Để tham gia vào một nhóm IM không có trong danh sách nhưng bạn biết mã ID của nhóm, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Join new group (Tham gia nhóm mới)*. Nhập mã ID của nhóm vào, và bấm phím điều khiển.

Di chuyển đến một nhóm, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Group (Nhóm)* và trong sổ các tùy chọn sau: *Save (Lưu lại)* để lưu vào *IM groups (Các nhóm IM)*, *Delete (Xóa)* để xóa nhóm này, *View participants (Xem các thành viên)* để xem những thành viên đang tham gia vào nhóm này, và *Details (Chi tiết)* để xem mã ID của nhóm, chủ đề, thành viên, các quyền chỉnh sửa trong nhóm và liệu nhóm này có cho phép gửi các thông tin riêng hay không.

Để thoát khỏi nhóm IM này, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Leave IM group (Rời nhóm IM)*.

Tìm kiếm nhóm và người dùng IM

Để tìm nhóm, chọn **Menu** > *Connect (Kết nối)* > *IM (Nhấn tin trò chuyện)* > *IM groups (Các nhóm IM)* > **Options (Tùy chọn)** > *Search (Tìm)*. Bạn có thể tìm các nhóm IM theo *Group name (Tên nhóm)*, *Topic (Chủ đề)*, hoặc *Members (Thành viên)* (mã thuê bao). Để tham gia hoặc lưu một nhóm đã tìm thấy, di chuyển đến nhóm này, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Join (Tham gia)* hoặc *Save (Lưu lại)*. Nếu bạn muốn tìm lại, chọn **Options (Tùy chọn)** > *New search (Tìm kiếm mới)*.

Để tìm các số liên lạc mới, chọn **Options (Tùy chọn)** > *IM contacts (Số liên lạc IM)* > *New IM contact (Số liên lạc IM mới)* > *Search from server (Tìm từ server)*. Bạn có thể tìm theo *User's name (Tên người dùng)*, *User ID (Mã thuê bao)*, *Phone number (Số điện thoại)*, và *E-mail address (Địa chỉ e-mail)*. Để tìm lại, chọn **Options (Tùy**

chọn) > *New search (Tìm kiếm mới)*. Để bắt đầu cuộc chuyện với một người sử dụng đã tìm thấy, di chuyển đến người sử dụng này, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Open conversation (Mở cuộc trò chuyện)*. Để lưu người sử dụng này vào danh bạ, chọn *Add to IM contacts (Thêm vào danh bạ IM)*. Để mời người sử dụng này tham gia vào một nhóm, chọn *Send invitation (Gửi lời mời)*. Khi kết quả tìm kiếm được hiển thị, để xem thêm kết quả, chọn **Options (Tùy chọn)** > *New search (Tìm kiếm mới)* > *More results (Kết quả khác)*.

Trò chuyện trong một nhóm IM

Chọn **Menu** > *Connect (Kết nối)* > *IM (Nhắn tin trò chuyện)* > *IM groups (Các nhóm IM)*.

Sau khi tham gia vào một nhóm IM, bạn có thể xem các tin nhắn được trao đổi trong nhóm, và gửi các tin nhắn của riêng bạn.

Để gửi một tin nhắn, viết tin nhắn, và bấm phím điều khiển.

Để gửi một tin nhắn riêng đến một thành viên (nếu được phép), chọn **Options (Tùy chọn)** > *Send private msg. (Gửi tin nhắn riêng)*, chọn người nhận, viết tin nhắn và bấm phím điều khiển.

Để trả lời tin nhắn riêng gửi cho bạn, di chuyển đến tin nhắn này, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Reply (Trả lời)*.

Để mời các số liên lạc IM hiện đang trực tuyến tham gia vào nhóm IM (nếu được phép), chọn **Options (Tùy chọn)** > *Send invitation (Gửi lời mời)*, chọn các số liên lạc bạn muốn mời, viết tin nhắn mời, và chọn **Done (Xong)**.

Lưu các tin nhắn

Để lưu lại các tin nhắn trao đổi trong một nhóm IM hoặc trong một cuộc trò chuyện riêng, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Record chat (Ghi cuộc trò chuyện)*. Nhập tên cho tin nhắn, và bấm phím điều khiển. Để ngừng ghi âm, bấm **Options (Tùy chọn)** > *Stop recording (Ngừng ghi)*.

Các tập tin tin nhắn đã ghi âm sẽ được lưu vào ghi chú. Xem phần "**Ghi chú**" trên trang 73.

Bắt đầu và xem cuộc trò chuyện riêng

Chọn **Menu** > *Connect (Kết nối)* > *IM (Nhắn tin trò chuyện)* > *Conversations (Cuộc trò chuyện)*.

Thao tác này cho phép liệt kê một danh sách những người đang trò chuyện với bạn.

 ké bên người sử dụng cho biết bạn có tin nhắn mới từ người đó.

Để xem một cuộc trò chuyện đang diễn ra, di chuyển đến người sử dụng, và bấm phím điều khiển. Để gửi một tin nhắn, viết tin nhắn, và bấm phím điều khiển. Để trở về danh sách cuộc trò chuyện mà không đóng cuộc trò chuyện hiện tại, chọn **Back (Trở về)**.

Để bắt đầu cuộc trò chuyện mới, chọn **Options (Tùy chọn)** > *New conversation (Cuộc trò chuyện mới)* > *Select recipient (Chọn người nhận)* để chọn từ một danh sách các số liên lạc IM đã lưu hiện đang trực tuyến, hoặc *Enter user ID (Nhập mã ID người dùng)* để nhập mã ID của người sử dụng.

Để đóng cuộc trò chuyện, chọn **Options (Tùy chọn)** > *End conversation (Kết thúc*

cuộc trò chuyện). Cuộc trò chuyện hiện thời sẽ tự đóng lại khi bạn thoát khỏi dịch vụ nhắn tin trò chuyện.

Để lưu một người sử dụng vào danh bạ IM, di chuyển đến người đó, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Add to IM contacts (Thêm vào danh bạ IM)*.

Để ngăn không nhận tin nhắn từ người sử dụng nào đó, chọn **Options (Tùy chọn)** >

Blocking options (Tùy chọn chặn) và chọn một trong các tùy chọn sau:

Add to blocked list (Thêm vào danh sách chặn) — để khóa tin nhắn từ người sử dụng được chọn hiện tại

Add ID to list manually (Thêm mã ID vào danh sách theo cách thủ công) —

Nhập mã thuê bao của người sử dụng vào, và bấm phím điều khiển.

View blocked list (Xem danh sách chặn) — để xem những người sử dụng có tin nhắn bị khóa

Unblock (Mở) — Chọn người sử dụng bạn muốn xóa khỏi danh sách bị khóa, và bấm phím điều khiển.

Số liên lạc IM

Chọn **Menu** > *Connect (Kết nối)* > *IM (Nhấn tin trò chuyện)* > *IM contacts (Số liên lạc IM)*.

Bạn có thể xem danh sách các số liên lạc IM đã được lưu.  cho biết các số liên lạc hiện đang trực tuyến, và  cho biết các số liên lạc hiện đang không trực tuyến.

Để tạo một số liên lạc mới, chọn **Options (Tùy chọn)** > *New IM contact (Số liên lạc IM mới)*. Điền vào các trường *Nickname (Biệt danh)* và *User ID (Mã thuê bao)*, và chọn **Done (Xong)**.

Để xem chi tiết về số liên lạc, di chuyển đến một số liên lạc, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Contact details (Chi tiết liên lạc)*.

Di chuyển đến một số liên lạc và chọn **Options (Tùy chọn)** và trong số các tùy chọn sau:

Open conversation (Mở cuộc trò chuyện) — Để bắt đầu một cuộc trò chuyện mới hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện hiện tại với số liên lạc này

Contact details (Chi tiết liên lạc) — Nhập chi tiết số liên lạc

Switch tracking on (Bật theo dõi) — Bạn sẽ được thông báo mỗi khi số liên lạc IM này trực tuyến hoặc không trực tuyến

Belongs to groups (Thuộc các nhóm) — Để xem số liên lạc IM tham gia vào nhóm nào

Blocking options (Tùy chọn chặn) — Cho phép hoặc không cho phép nhận tin nhắn từ số liên lạc này

Reload user availab. (Cập nhật trạng thái người dùng) — Để cập nhật thông tin về các số liên lạc hiện đang trực tuyến hay ngoại tuyến. Tùy chọn này có thể không có nếu bạn đã chọn *Availabil. reloading (Cập nhật trạng thái khả dụng)* > *Automatic (Tự động)* trong *IM settings (Cài đặt IM)*.

Editing options (Tùy chọn chỉnh sửa) — Để chỉnh sửa chi tiết số liên lạc, xóa số liên lạc, di chuyển số liên lạc, hoặc thông báo khi trạng thái của số liên lạc này thay đổi.

Tạo nhóm trò chuyện mới

Chọn **Menu** > *Connect (Kết nối)* > *IM (Nhấn tin trò chuyện)* > *IM groups (Các nhóm IM)* > **Options (Tùy**

chọn) > *Create new group* (Tạo nhóm mới). Nhập cài đặt cho nhóm:

Group name (Tên nhóm), *Group topic* (Chủ đề nhóm), và *Welcome note* (Lời chào) mà các thành viên sẽ nhìn thấy khi họ tham gia vào nhóm

Group size (Kích cỡ nhóm) — Xác định số thành viên tối đa được phép tham gia vào nhóm

Allow search (Cho phép tìm kiếm) — Cho phép những người khác có thể tìm thấy nhóm IM bằng cách tìm kiếm

Editing rights (Chính sửa quyền) — Di chuyển đến những thành viên nhóm IM bạn muốn cấp quyền và cho phép mời các số liên lạc tham gia vào nhóm

Group members (Thành viên) — Xem phần "[Hạn chế truy cập vào một nhóm IM](#)" trên trang 111

Banned (Bị cấm) — Hiện thị danh sách các thành viên bị cấm

Allow private msgs. (Cho phép tin nhắn riêng) — Để cho phép hoặc không cho phép nhắn tin riêng giữa các thành viên

Group ID (Mã ID nhóm) — Mã ID của nhóm này sẽ tự động được tạo và không thể thay đổi

Chỉ sửa cài đặt của nhóm IM

Chọn **Menu** > *Connect* (Kết nối) > *IM* (Nhắn tin trò chuyện) > *IM groups* (Các nhóm IM).

Bạn có thể chỉnh sửa cài đặt cho một nhóm IM nếu bạn đã tạo nhóm và nếu người tạo nhóm cho phép bạn chỉnh sửa. Trong giao diện *IM groups* (Các nhóm IM), di chuyển đến nhóm bạn muốn, và chọn **Options** (Tùy chọn) > *Group* (Nhóm) > *Settings* (Cài đặt). Xem phần "[Tạo nhóm trò chuyện mới](#)" trên trang 110.

Hạn chế truy cập vào một nhóm IM

Bạn có thể tạo một nhóm IM nội bộ bằng cách tạo danh sách các thành viên của nhóm. Chỉ những người sử dụng trên danh sách mới được phép tham gia vào nhóm. Chọn giao diện *IM groups* (Các nhóm IM), di chuyển đến nhóm đó, và chọn **Options** (Tùy chọn) > *Group* (Nhóm) > *Settings* (Cài đặt) > *Group members* (Thành viên) > *Selected only* (Chỉ đã chọn).

Để thêm người dùng vào danh sách, chọn **Add (Thêm)** > **From IM contacts (Chọn từ các số liên lạc IM)** hoặc **Enter user ID (Nhập mã ID người dùng)**.

Để xóa một người dùng ra khỏi danh sách, di chuyển đến người dùng đó, và chọn **Remove (Xóa)**.

Để xóa danh sách và cho phép tất cả những người sử dụng IM tham gia lại vào nhóm, chọn **Remove all (Xóa tất cả)**.

■ Quản lý kết nối

Chọn **Menu** > **Connect (Kết nối)** > **Conn. mgr. (Quản lý kết nối)**.

Trong mục quản lý kết nối, bạn có thể xác định trạng thái của nhiều kết nối dữ liệu, xem chi tiết lượng dữ liệu đã gửi và nhận, và kết thúc các kết nối chưa dùng đến. Bạn chỉ có thể xem chi tiết các kết nối dữ liệu. Những cuộc gọi thoại sẽ không được liệt kê.

Khi bạn mở quản lý kết nối, bạn sẽ thấy các tùy chọn sau:

- Mở các kết nối dữ liệu. **D** cho biết **Data call (Cuộc gọi data)**, và **=** cho biết **Packet data (Dữ liệu gói)**.
- Trạng thái của từng kết nối.

- Lượng dữ liệu tải lên và tải về của từng kết nối (chỉ kết nối dữ liệu gói).
- Thời lượng của mỗi kết nối (chỉ kết nối cuộc gọi dữ liệu).



Lưu ý: Hóa đơn thực tế mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi và dịch vụ có thể thay đổi tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn thành việc lập hóa đơn, thuế, v.v.

Xem chi tiết kết nối

Để xem chi tiết của một phiên kết nối, di chuyển đến một kết nối, và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Details (Chi tiết)**. Các tùy chọn sau sẽ hiển thị:

Name (Tên) — tên điểm truy cập Internet (IAP) đang sử dụng

Bearer (Sóng mang) — loại kết nối dữ liệu: **Data call (Cuộc gọi data)** hoặc **Packet data (Dữ liệu gói)**

Status (Tình trạng) — tình trạng hiện thời của kết nối

Recv'd. (Đã nhận) — lượng dữ liệu, tính theo byte mà điện thoại đã nhận

Sent (Đã gửi) — lượng dữ liệu, tính theo byte, mà điện thoại đã gửi đi.

Duration (Thời lượng) — khoảng thời gian kết nối được thiết lập

Speed (Tốc độ) — tốc độ nhận và gửi dữ liệu hiện tại theo KB/s (kilobyte trên giây)

Dial-up (Quay số) (cuộc gọi dữ liệu) hoặc *Acc. pt. (Điểm truy cập)* (dữ liệu gói) — số dial-up hoặc tên điểm truy cập được sử dụng

Shared (Chia sẻ) (sẽ không hiển thị nếu kết nối không được dùng chung) — số ứng dụng sử dụng cùng kết nối

Ngưng kết nối

Để ngưng một kết nối, di chuyển đến kết nối, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Disconnect (Ngắt kết nối)*.

Để đóng tất cả các kết nối đang mở, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Disconnect all (Ngắt tất cả kết nối)*.

■ Push to talk (bộ đàm)

Push to talk (PTT) (dịch vụ mạng) là một dịch vụ đàm thoại qua IP (VOIP) (dịch vụ mạng) trong mạng GSM/GPRS. Push to talk cung cấp các cuộc điện đàm trực tiếp được kết nối bằng cách bấm phím. Sử dụng chức năng push

to talk để trò chuyện với một người hoặc một nhóm người.

Trước khi có thể sử dụng dịch vụ push to talk, bạn phải xác định điểm truy cập và thông số cài push to talk. Bạn có thể nhận các thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn cấu hình từ nhà cung cấp dịch vụ push to talk.

Trong liên lạc push to talk, một người nói và những người khác nghe qua loa tích hợp. Các thành viên sẽ thay phiên nhau trả lời. Vì chỉ một thành viên trong nhóm có thể trò chuyện một lúc, thời lượng tối đa của lượt nói chuyện sẽ được giới hạn. Thời lượng tối đa của lượt nói chuyện là 30 giây. Để biết thêm chi tiết về thời lượng của lượt nói chuyện trong mạng của bạn, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Các cuộc gọi điện thoại luôn giữ vị trí ưu tiên hơn các cuộc gọi push to talk.

Ngoài các bộ đếm dữ liệu gói, nhật ký điện thoại chỉ lưu các cuộc gọi cá nhân trong danh sách cuộc gọi gần đây trong thư mục *Log (Nhật ký)*. Các thành viên tham gia nên xác nhận việc liên lạc có phù hợp hay không vì không có cách nào khác để xác nhận việc người nhận đã nghe cuộc gọi hay không.

Để kiểm tra tính khả dụng và mức cước phí cũng như cách thức đăng ký thuê bao dịch vụ, xin liên hệ nhà điều hành mạng và nhà cung cấp dịch vụ. Xin lưu ý rằng các dịch vụ chuyển vùng có thể bị hạn chế nhiều hơn so với các dịch vụ trong mạng chủ.

Khi bạn đã kết nối với dịch vụ bộ đàm, bạn có thể sử dụng các chức năng khác của điện thoại. Nhiều dịch vụ khả dụng cho các cuộc gọi thoại thông thường (ví dụ như hộp thư thoại) không khả dụng cho liên lạc push to talk.

Xác định điểm truy cập push to talk

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu bạn sử dụng điểm truy cập Internet làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Nếu bạn không có kết nối WAP, bạn cần liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được trợ giúp kết nối.

Các cài đặt bộ đàm

Đối với các cài đặt dịch vụ bộ đàm, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Bạn

có thể nhận các cài đặt dưới dạng tin nhắn cấu hình qua mạng.

Để xem và thay đổi cài đặt push to talk, chọn **Menu** > *Connect (Kết nối)* > **PTT** > **Options (Tùy chọn)** > *Settings (Cài đặt)*.

User settings (Cài đặt người dùng)

Incoming PTT calls (Cuộc gọi PTT đến) — Để xem thông báo các cuộc gọi đến, chọn *Notify (Thông báo)*. Để tự động trả lời các cuộc gọi PTT, chọn *Auto-accept (Tự động chấp nhận)*. Nếu bạn không muốn nhận các cuộc gọi PTT, chọn *Not allowed (Không được phép)*.

PTT call alert tone (Âm báo cuộc gọi PTT) — Để chọn âm báo cuộc gọi push to talk đến. Nếu bạn muốn cài đặt báo cuộc gọi đến cho push to talk theo cài đặt cấu hình của bạn, chọn *Set by profile (Cài theo cấu hình)*. Ví dụ, nếu cấu hình là im lặng, push to talk sẽ được cài sang chế độ xin dừng làm phiền (DND), ngoại trừ các yêu cầu gọi lại, bạn sẽ không hiện diện trên máy của những người đang sử dụng chức năng push to talk.

Callback request tone (Âm báo yêu cầu gọi lại) —

Chọn âm báo cho yêu cầu gọi lại

Application start-up (Khởi động ứng dụng) —

Để tự động khởi động

push to talk, chọn *Always automatic (Luôn tự động)*

Để chỉ tự động khởi động push to talk khi ở trong mạng chủ, chọn *Auto. in home network (Tự động trong mạng chủ)*

Default nickname (Biệt danh mặc định) — Nhập biệt hiệu của bạn sẽ hiển thị trên máy những người gọi khác. Nhà cung cấp dịch vụ có thể đã vô hiệu khả năng chỉnh sửa tùy chọn này trên điện thoại của bạn.

Show my PTT address (Hiển thị địa chỉ PTT riêng) — Chọn *Never*

(Không bao giờ) nếu bạn không muốn cho những thành viên khác trong các kênh push to talk và trong các cuộc gọi cá nhân thấy địa chỉ push to talk của bạn

Show login status (Hiển thị trạng thái đăng nhập) — Chọn *Yes (Có)* nếu bạn muốn hiển thị tình trạng của bạn hoặc *No (Không)* nếu bạn muốn ẩn tình trạng của bạn

Connection settings (Cài đặt kết nối)

Domain (Miền) — Nhập tên miền nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ

Access point name (Tên điểm truy cập) — Nhập tên điểm truy cập push to talk. Bạn cần có tên điểm truy cập để thiết lập kết nối với mạng GSM/GPRS.

Server address (Địa chỉ server) — Nhập địa chỉ IP hoặc tên miền của server push to talk nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ

User name (Tên thuê bao) — Nhập tên thuê bao nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ

Password (Mật mã) — Nhập mật mã được sử dụng để truy cập vào dịch vụ push to talk

Đăng nhập vào chức năng push to talk

Chọn **Menu** > *Connect (Kết nối)* > *PTT*. Chức năng push to talk sẽ tự động đăng nhập vào dịch vụ khi được khởi động.

Khi đăng nhập thành công, push to talk sẽ tự động kết nối với các kênh đang hoạt động vào thời điểm đóng ứng dụng. Nếu mất kết nối, điện thoại sẽ tự động

đăng nhập lại cho đến khi bạn thoát khỏi chức năng push to talk.

 chỉ báo kết nối push to talk.

 cho biết push to talk được cài sang chế độ xin dừng làm phiền (DND).

Thoát khỏi chức năng push to talk

Chọn **Menu** > *Connect (Kết nối)* > *PTT* > **Options (Tùy chọn)** > *Exit (Thoát)*.
Switch Push to talk off after exiting application? (Tắt Push to talk sau khi thoát khỏi ứng dụng?) sẽ hiển thị. Chọn *Yes (Có)* để thoát và đóng dịch vụ. Nếu bạn muốn giữ ứng dụng hoạt động ẩn, chọn *No (Không)*.

Thực hiện cuộc gọi cá nhân



Cảnh báo: Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

1. Chọn **Menu** > *Connect (Kết nối)* > *PTT* > **Options (Tùy chọn)** > *PTT contacts (Các số liên lạc PTT)*, di chuyển đến số liên lạc bạn muốn nói chuyện, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Talk 1 to 1 (Nói chuyện riêng)*.
2. Khi kết nối đã được thiết lập, để nói chuyện với thành viên khác, bấm và giữ phím đàm thoại trong suốt thời gian nói chuyện. Khi nói chuyện xong, thả phím đàm thoại, để thành viên khác có thể nói chuyện.
Chọn **Options (Tùy chọn)** > *Deactivate loudsp. (Tắt loa)* / *Activate loudspeaker (Bật loa)* để sử dụng tai nghe hoặc loa để sử dụng dịch vụ liên lạc bộ đàm. Khi chọn *Deactivate loudsp. (Tắt loa)*, bạn có thể sử dụng điện thoại ở vị trí bình thường bên tai bạn.
3. Để kết thúc cuộc gọi PTT, chọn *Disconnect (Ngắt kết nối)*, hoặc nếu có nhiều cuộc gọi PTT, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Disconnect (Ngắt kết nối)*.

Trả lời cuộc gọi push to talk

Nếu bạn chọn *Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > User settings (Cài đặt người dùng) > Incoming PTT calls (Cuộc gọi PTT đến) > Notify (Thông báo)*, một âm báo ngắn thông báo cho bạn biết có một cuộc gọi nhóm hoặc cuộc gọi cá nhân. Để chấp nhận cuộc gọi này, chọn **Accept (Nhận)**. Để tắt âm báo, chọn **Silence (Im lặng)**. Để từ chối cuộc gọi, bấm phím kết thúc.

Khi nhận cuộc gọi cá nhân từ một người mà thông tin của người đó bạn đã lưu trong *Contacts (Danh bạ)*, tên đã lưu sẽ hiển thị; nếu không, chỉ có biệt hiệu của người gọi được hiển thị.

Thực hiện cuộc gọi nhóm push to talk

Để gọi cho một nhóm, chọn **Options (Tùy chọn) > PTT contacts (Các số liên lạc PTT)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Make PTT group call (Thực hiện cuộc gọi nhóm PTT)**, chọn những số liên lạc bạn muốn gọi bằng cách di chuyển đến các số liên lạc này và bấm phím điều khiển, đó bấm phím gọi.

Đăng ký với tình trạng đăng nhập của những người khác

Để đăng ký hoặc ngừng đăng ký với tình trạng trực tuyến push to talk của những người khác, chọn **Options (Tùy chọn) > PTT contacts (Các số liên lạc PTT)**, di chuyển đến số liên lạc, và chọn **Options (Tùy chọn) > Show login status (Hiển thị trạng thái đăng nhập)** hoặc **Hide login status (Ẩn trạng thái đăng nhập)**.

Các yêu cầu gọi lại

Trả lời cho yêu cầu gọi lại

Khi một người nào đó gửi cho bạn một yêu cầu gọi lại, thông báo *1 new callback request (1 yêu cầu gọi lại mới)* sẽ hiển thị ở chế độ chờ. Chọn **Show (Hiển thị)** để mở *Callback inbox (Hộp thư gọi lại)*. Chọn một số liên lạc và **Options (Tùy chọn) > Talk 1 to 1 (Nói chuyện riêng)**.

Gửi yêu cầu gọi lại

Nếu bạn thực hiện một cuộc gọi cá nhân và không nhận được hồi âm, bạn có thể gửi yêu cầu để người đó gọi lại cho bạn. Bạn có thể gửi yêu cầu gọi lại theo nhiều cách khác nhau:

- Để gửi yêu cầu gọi lại đến một số liên lạc trong *PTT contacts* (Các số liên lạc PTT), di chuyển đến một số liên lạc, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Send callback request* (Gửi yêu cầu gọi lại).
- Để gửi yêu cầu gọi lại đến một số liên lạc trong *Contacts* (Danh bạ), di chuyển đến một số liên lạc, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *PTT options* (Tùy chọn PTT) > *Send callback request* (Gửi yêu cầu gọi lại).

Lưu người gửi yêu cầu gọi lại

Khi bạn nhận được yêu cầu gọi lại từ một người không ở trong danh sách số liên lạc của bạn, bạn có thể lưu tên người này vào danh bạ của bạn.

1. Chọn *Callback inbox* (Hộp thư gọi lại).
2. Di chuyển đến yêu cầu gọi lại của người bạn muốn thêm vào danh bạ, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Add to Contacts* (Thêm vào Danh bạ).

Các kênh

Khi bạn kết nối với một kênh, tất cả thành viên tham gia vào kênh

sẽ nghe thấy bạn nói. Bạn có thể kích hoạt năm kênh cùng lúc. Khi có nhiều kênh đang hoạt động, chọn **Swap (Hoán đổi)** để thay đổi kênh bạn muốn nói chuyện.

Mỗi thành viên trong các kênh được nhận dạng theo tên thuê bao do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Các thành viên của kênh có thể chọn một biệt hiệu được sử dụng trong từng kênh, được hiển thị như một nhận dạng của người gọi.

Các kênh được đăng ký bằng một địa chỉ URL. Một người dùng đăng ký địa chỉ URL kênh trong mạng bằng cách tham gia phiên đàm thoại kênh đầu tiên.

Tạo kênh riêng

1. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *PTT channels* (Các kênh PTT).
2. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *New channel* (Kênh mới) > *Create new* (Tạo hình mới).
3. Nhập *Channel name* (Tên kênh).
4. Chọn tùy chọn *Channel privacy* (Bảo mật kênh).
5. Nhập biệt hiệu của bạn vào *Nickname in channel* (Biệt hiệu trong kênh).

6. Nếu bạn muốn gán hình ảnh dạng thu nhỏ cho nhóm, chọn *Channel thumbnail* (*Hình nhỏ của kênh*), và chọn một hình ảnh.

7. Chọn **Done (Xong)** Khi bạn đã tạo xong một kênh, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn gửi lời mời tới kênh không. Lời mời tới kênh là các tin nhắn văn bản.

Các thành viên bạn mời vào các kênh đang mở cũng có thể mời thêm thành viên vào kênh này.

Tham gia vào một kênh được cấu hình sẵn

Một kênh được cấu hình sẵn là kênh do nhà cung cấp dịch vụ thiết lập. Chỉ những thuê bao được cấu hình sẵn mới được phép tham gia và sử dụng kênh này. Khi bạn tham gia vào kênh đã có, bạn phải điền địa chỉ URL cho kênh này.

Để biết thêm thông tin chi tiết về kênh, xin liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Bạn có thể nhận chi tiết dưới dạng một tin nhắn văn bản.

1. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *PTT channels* (*Các kênh PTT*).

2. Chọn **Options (Tùy chọn)** > *New channel* (*Kênh mới*) > *Add existing* (*Thêm kênh đã có*).

3. Vào menu *Channel name* (*Tên kênh*), *Channel address* (*Địa chỉ kênh*), và *Nickname in channel* (*Biệt hiệu trong kênh*) Bạn cũng có thể thêm *Channel thumbnail* (*Hình nhỏ của kênh*).

4. Chọn **Done (Xong)**.

Trả lời một lời mời tới kênh

Để lưu lời mời vào kênh đã nhận được, chọn **Options (Tùy chọn)** > *Save PTT channel* (*Lưu kênh PTT*). Kênh này sẽ được thêm vào các số liên lạc PTT, giao diện kênh. Sau khi lưu lời mời kênh, bạn sẽ được hỏi bạn có muốn kết nối vào kênh này không.

Nếu bạn từ chối hoặc xóa lời mời, lời mời sẽ được lưu vào hộp thư tin nhắn đến. Để tham gia vào kênh sau, mở tin nhắn mời, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Connect to channel* (*Kết nối với kênh*).

PTT sessions (Các phiên PTT)

Các phiên PTT được hiển thị dưới dạng các bong bóng cuộc gọi trong màn hình push to talk, cho biết thông tin về tình trạng của các phiên PTT:

 cho biết phiên PTT hiện đang hoạt động

Wait (Chờ) — sẽ hiển thị khi bạn bấm và giữ phím đàm thoại và có một người khác vẫn đang nói chuyện trong phiên PTT này

Talk (Nói chuyện) — sẽ hiển thị khi bạn bấm và giữ phím đàm thoại và được phép nói chuyện

Trường văn bản hiển thị biệt danh đối với các cuộc gọi cá nhân hoặc tên kênh đối với các cuộc gọi vào trong kênh. Đối với các cuộc gọi ra ngoài nhóm, *Group call (Cuộc gọi nhóm)* sẽ hiển thị. Thông tin khác có thể là tình trạng kết nối hoặc thời gian đã sử dụng kể từ lượt nói chuyện đến gần nhất.

Chọn **Options (Tùy chọn)** để truy cập vào menu sau:

Activate loudspeaker (Bật loa) / Deactivate loudsp. (Tắt loa) — để bật hoặc tắt loa

Disconnect (Ngắt kết nối) — để ngắt kết nối phiên PTT đã chọn và đóng bong bóng cuộc gọi

PTT contacts (Các số liên lạc PTT) — để mở danh sách liên lạc PTT

PTT channels (Các kênh PTT) — để mở danh sách kênh PTT

Callback inbox (Hộp thư gọi lại) — để mở hộp thư yêu cầu gọi lại

PTT log (Nhật ký PTT) — để xem nhật ký push to talk

Settings (Cài đặt) — để truy cập cài đặt push to talk chính

Có các tùy chọn khác cho các cuộc gọi nhóm và các kênh:

Active members (Thành viên tham gia) — để xem danh sách các thành viên hiện tại của nhóm

Send invitation (Gửi lời mời) — để khởi động giao diện mời (chỉ khả dụng cho những kênh riêng của bạn và những kênh có tùy chọn *Channel privacy (Bảo mật kênh)* được cài là *Public (Chung)*).

■ Đồng bộ từ xa

Chọn **Menu** > *Connect (Kết nối)* > *Sync (Đồng bộ)*.

Ứng dụng *Sync (Đồng bộ)* cho phép đồng bộ lịch, danh bạ, e-mai, hoặc ghi chú với các ứng dụng lịch, e-mail, và sổ địa chỉ khác nhau trên máy tính tương thích hoặc trên Internet.

Ứng dụng đồng bộ sử dụng công nghệ SyncML để đồng bộ. Để có thêm thông tin về tính tương thích SyncML, xin liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng lịch và sổ địa chỉ mà bạn muốn đồng bộ dữ liệu của điện thoại.

Tạo một cấu hình đồng bộ mới

1. Nếu không có cấu hình nào được quy định, điện thoại sẽ hỏi xem bạn có muốn tạo một cấu hình mới không. Chọn **Yes (Có)**.

Để tạo thêm cấu hình mới, chọn **Options (Tùy chọn)** > *New sync profile (Cấu hình đồng bộ mới)*. Chọn hoặc dùng giá trị mặc định hoặc sao chép giá trị của cấu hình đã có và sử dụng như một cấu hình mới.

2. Xác định *Applications (Các ứng dụng)* sẽ được đồng bộ.

Chọn một ứng dụng, bấm phím điều khiển, và chỉnh sửa cài đặt đồng bộ:

Include in sync (Bao gồm trong đồng bộ) — để bật/tắt đồng bộ

Remote database (Cơ sở dữ liệu từ xa) — tên cơ sở dữ liệu từ xa được sử dụng

Synchronisation type (Kiểu đồng bộ) — Chọn

Normal (Bình thường)

để đồng bộ dữ liệu trên điện thoại và cơ sở dữ liệu từ xa,

To phone only (Chỉ đến điện thoại) để chỉ đồng

bộ dữ liệu trên điện thoại,

hoặc *To server only*

(Chỉ đến server) để chỉ đồng bộ dữ liệu trên cơ sở dữ liệu từ xa.

Các ứng dụng khả dụng cho việc đồng bộ có thể khác nhau. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

3. Xác định *Connection settings (Cài đặt kết nối)*:

Phiên bản server — Chọn phiên bản giao thức của server.

Server ID (Mã ID server) — mã ID của server e-mail (chỉ hiển thị với *Phiên bản server 1.2*)

Data bearer (Sóng mang) — Chọn *Internet* hoặc *Bluetooth*

Access point (Điểm truy cập) — Chọn một điểm truy cập bạn muốn sử dụng để kết nối dữ liệu

Host address (Địa chỉ máy chủ) — Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng

Port (Cổng) — Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng

User name (Tên thuê bao) — Mã thuê bao của bạn cho server đồng bộ. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mã số đúng.

Password (Mật mã) — Nhập mật mã của bạn vào. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng

Allow sync requests (Chấp nhận yêu cầu đồng bộ) > *Yes (Có)* — để cho phép server khởi động đồng bộ

Accept all sync reqs. (Chấp nhận tất cả yêu cầu đồng bộ) > *No (Không)* — để yêu cầu xác nhận trước khi server khởi động đồng bộ

Network authentic. (Xác thực mạng) > *Yes (Có)* — để yêu cầu xác thực HTTP

Network user name (Tên thuê bao mạng) — tên thuê bao cho xác thực HTTP

Network password (Mật mã mạng) — mật mã cho xác thực HTTP

Đồng bộ dữ liệu

Trong giao diện chính, di chuyển đến một cấu hình, và chọn **Options (Tùy chọn)** > *Synchronise (Đồng bộ)*. Tình trạng đồng bộ sẽ được hiển thị.

Để hủy quá trình đồng bộ trước khi kết thúc, chọn **Cancel (Hủy)**.

Bạn sẽ được thông báo khi quá trình đồng bộ hoàn tất.

Sau khi quá trình đồng bộ hoàn tất, chọn **Options (Tùy chọn)** > *View log (Xem nhật ký)* để mở nhật ký ghi lại tình trạng đồng bộ (*Complete (Hoàn tất)*) hoặc *Incomplete (Chưa hoàn tất)*) và có bao nhiêu mục lịch hoặc số liên lạc đã được thêm vào, cập nhật, xóa hoặc loại bỏ (không được đồng bộ) trên điện thoại hoặc trên server.

■ USB

Bạn có thể sử dụng cáp dữ liệu USB để chuyển dữ liệu giữa điện thoại và một máy PC tương thích. Bạn cũng có thể sử dụng cáp dữ liệu USB với Bộ PC Suite của Nokia.

Chọn **Menu** > *Connect (Kết nối)* > *Data cbl. (Cáp dữ liệu)*. Chọn mục đích sử dụng cáp dữ liệu USB: *Media player*, *PC Suite*, hoặc *Data transfer (Truyền dữ liệu)*. Để cài điện thoại hỏi mục đích kết nối mỗi lần cáp được nối, chọn *Ask on connection (Hỏi khi kết nối)*.

Đối với kết nối *Data transfer (Truyền dữ liệu)* và *Media player* điện thoại sẽ ở chế độ không trực tuyến, và không thể thực hiện các cuộc gọi đi hay nhận cuộc gọi đến.

Sau khi chuyển xong dữ liệu, đảm bảo rằng có thể rút cáp dữ liệu USB một cách an toàn khỏi máy PC.

15. Thông tin về pin

■ Sạc và Xả pin

Điện thoại được cấp điện bằng một loại pin có thể sạc lại được. Lưu ý rằng pin mới chỉ nạp đầy điện sau hai hoặc ba lần sạc và xả pin. Pin có thể được sạc và xả hàng trăm lần, nhưng cuối cùng cũng sẽ hư. Khi thời gian thoại và thời gian chờ ngắn hơn bình thường, đó là lúc bạn cần thay pin mới. Chỉ sử dụng pin và bộ sạc được Nokia phê chuẩn và được thiết kế cho riêng kiểu điện thoại này.

Nếu pin thay thế được sử dụng lần đầu tiên hoặc nếu pin không được sử dụng trong một thời gian dài, có thể cần phải nối bộ sạc sau đó ngắt và nối lại để bắt đầu sạc pin.

Rút dây bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện và điện thoại khi không sử dụng. Không để pin đã nạp đầy kết nối với bộ sạc, do việc nạp quá mức có thể làm giảm tuổi thọ của pin. Nếu để pin sạc đầy nhưng không sử dụng thì pin sẽ tự xả theo thời gian.

Nếu pin hết hẳn thì phải mất vài phút trước khi chỉ báo sạc pin hiển thị trên màn hình hoặc trước khi thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào.

Chỉ sử dụng pin đúng mục đích. Không sử dụng bộ sạc hoặc pin đã bị hư.

Không để pin bị chạm mạch. Việc chạm mạch có thể bất ngờ xảy ra khi để một vật bằng kim loại, ví dụ như đồng tiền, kẹp giấy hoặc bút bi tiếp xúc trực tiếp với cực (+) và cực (-) của pin. (Những vật này giống như mảnh kim loại trên pin.) Điều này có thể xảy ra, ví dụ như khi bạn mang pin dự phòng trong túi hoặc ví. Việc chạm mạch các cực pin có thể làm hư pin hoặc vật nối hai cực.

Để pin trong môi trường nóng hoặc lạnh, chẳng hạn như trong xe đóng kín cửa vào mùa đông hoặc mùa hè sẽ làm giảm điện tích và độ bền của pin. Nên giữ pin luôn ở nhiệt độ khoảng từ 15°C đến 25°C (59°F đến 77°F). Điện thoại sẽ tạm ngừng hoạt động khi pin nóng hoặc lạnh, ngay cả khi pin được sạc đầy. Hoạt động của pin đặc biệt bị giới hạn ở nhiệt độ dưới đông.

Không bỏ pin vào trong lửa vì pin có thể nổ. Pin cũng có thể phát nổ nếu bị hỏng. Bỏ pin theo quy định của địa phương. Tái chế lại pin nếu có thể. Không được bỏ pin như rác sinh hoạt.

■ Hướng dẫn xác nhận pin Nokia

Hãy luôn sử dụng các loại pin chính hãng Nokia để đảm bảo an toàn cho bạn. Để chắc chắn là bạn đang sử dụng pin chính hãng Nokia, hãy mua pin tại đại lý phân phối Nokia được ủy quyền, xem xét logo Phụ kiện Chính hãng Nokia trên bao bì và kiểm tra nhãn ảnh ba chiều theo các bước sau:

Việc thực hiện đầy đủ bốn bước cũng không phải là đảm bảo xác thực pin chính hãng. Nếu bạn có bất cứ nghi ngờ rằng pin của bạn không phải là phụ kiện chính hãng Nokia, bạn nên ngưng sử dụng ngay lập tức, và mang sản phẩm tới trung tâm dịch vụ Nokia hay đại lý phân phối sản phẩm được ủy quyền để được hỗ trợ. Trung tâm dịch vụ Nokia được ủy quyền hoặc đại lý phân phối sẽ kiểm định tính xác thực của pin. Nếu bạn không thể xác nhận pin, hãy trả lại pin cho nơi bán.

Xác nhận ảnh ba chiều

1. Khi nhìn vào ảnh ba chiều trên nhãn, bạn phải thấy được biểu tượng hai bàn tay kết nối của Nokia từ một góc độ nhất định và logo Phụ kiện Chính hãng Nokia khi nhìn từ góc độ khác.



2. Khi bạn nghiêng ảnh ba chiều sang trái, phải, trên và dưới, bạn phải thấy được 1, 2, 3 và 4 điểm lần lượt trên mỗi cạnh.



3. Cào cạnh của nhãn để làm hiện ra mã pin 20-số, ví dụ 12345678919876543210. Lật pin để các số hướng lên trên. Bạn có thể đọc mã pin

20-số bắt đầu từ các số từ trên xuống dưới.



4. Xác nhận tính hợp lệ của mã gồm 20-chữ số bằng cách theo các hướng dẫn tại www.nokiaoriginals.com/check.



Để tạo một tin nhắn văn bản, nhập vào mã 20-số, ví dụ như 12345678919876543210 và gửi đến +44 7786 200276.

Để tạo một tin nhắn văn bản,

- Đối với các quốc gia tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương, không bao gồm Ấn Độ: Nhập mã 20-số, ví dụ 12345678919876543210 và gửi đến +61 427151515.
- Chỉ dành cho Ấn Độ: Nhập vào chữ Battery và sau đó là mã pin 20-số, ví dụ Battery

12345678919876543210, và gửi đến 5555.

Cước phí gửi tin trong nước và quốc tế sẽ được áp dụng.

Bạn sẽ nhận được một tin nhắn thông báo tính hợp lệ của mã pin.

Nếu bạn cần trợ giúp về xác nhận mã pin, liên hệ với Trung Tâm Chăm Sóc Khách Hàng của Nokia được liệt kê tại www.nokia-asia.com/carecentrelocator.

Phải làm gì nếu pin của bạn không phải là chính hãng?

Nếu bạn không thể xác nhận pin Nokia của bạn qua hình nổi ba chiều trên nhãn là pin chính hãng Nokia, đề nghị bạn không sử dụng pin này. Hãy mang pin đến dịch vụ hoặc đại lý được ủy quyền gần nhất của Nokia để được giúp đỡ. Việc sử dụng pin không được nhà sản xuất phê chuẩn có thể gây nguy hiểm, hiệu năng hoạt động kém hoặc gây hại cho thiết bị và phụ kiện. Điều này cũng có thể làm mất hiệu lực của các phê chuẩn hay bảo hành đối với thiết bị.

Để biết thêm thông tin về các loại pin chính hãng Nokia, hãy vào trang www.nokiaoriginals.com/battery.

16. Các phụ kiện chính hãng

Một loạt phụ kiện hiện đang có sẵn cho điện thoại của bạn. Chọn các phụ kiện thích hợp với nhu cầu liên lạc của riêng mình.



Một vài phụ kiện được mô tả chi tiết dưới đây.

Để biết thêm về các phụ kiện có sẵn, liên hệ với đại lý tại địa phương.

Một số nguyên tắc sử dụng phụ kiện và phụ kiện cải tiến

- Giữ tất cả phụ kiện và phụ kiện cải tiến ngoài tầm tay trẻ em.
- Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện hoặc phụ kiện cải tiến nào ra, cắm vào phích cắm và kéo ra, không nên kéo dây.
- Kiểm tra thường xuyên xem các phụ kiện lắp trên xe có được gắn và hoạt động đúng không.
- Việc lắp bất kỳ phụ kiện phức tạp nào trên xe đều phải được nhân viên có khả năng chuyên môn thực hiện.

Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện do nhà sản xuất điện thoại kiểm duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

■ Pin

Loại	Công nghệ	Thời gian thoại *	Thời gian chờ*	Phát lại*
BP-6M	Li-Ion	tối đa 3 giờ	tối đa 10 ngày	tối đa 10 giờ

* Thời gian hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc thẻ SIM, các cài đặt mạng và sử dụng, cách thức và môi trường sử dụng. Sử dụng đài FM và bộ tai nghe tích hợp sẽ ảnh hưởng đến thời gian thoại và thời gian chờ.

■ Trong nhà

Bộ Sạc Du Lịch (AC-4)

Bộ sạc nhỏ gọn có phích cắm sạc nhỏ để sạc pin nhanh.

■ Trong nhà và Trên xe

Tai nghe Âm thanh nổi Cổ điển Nokia (HS-23)

Bộ tai nghe stereo nhỏ gọn có tính năng rảnh tay, điều chỉnh âm lượng, hỗ trợ push to talk và các đầu cắm vào tai nghe thuận tiện để nghe đài FM hoặc máy nghe nhạc MP3 trong những điện thoại tương thích.

17. Giữ gìn và Bảo trì

Điện thoại là sản phẩm được thiết kế cao cấp và tinh vi, vì vậy phải được giữ gìn cẩn thận. Những đề nghị sau đây sẽ giúp bạn thực hiện tốt các quy định bảo hành.

- Giữ điện thoại khô ráo. Chất kết tủa, độ ẩm và tất cả các loại chất lỏng hoặc ẩm ướt có chứa khoáng chất sẽ ăn mòn các mạch điện tử. Nếu điện thoại bị ẩm ướt, tháo pin ra khỏi điện thoại và để điện thoại thật khô trước khi lắp pin trở lại.
- Không nên sử dụng hoặc đặt điện thoại ở những nơi có bụi bẩn. Các bộ phận di động và các linh kiện điện tử của điện thoại có thể bị hư.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi khô nóng. Nhiệt độ cao có thể làm giảm độ bền của thiết bị điện tử, làm hư pin, cong hoặc cháy một số linh kiện nhựa.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi quá lạnh. Khi điện thoại trở về nhiệt độ bình thường của nó, hơi ẩm đọng lại trong điện thoại sẽ gây hư hỏng các bản mạch điện tử.
- Không tìm cách mở điện thoại khác với những điều chỉ dẫn trong sách hướng dẫn này.
- Không làm rơi, đập, hoặc lắc điện thoại. Việc dùng mạnh tay có thể làm hư các bản mạch điện tử bên trong điện thoại.
- Không sử dụng hóa chất mạnh, chất tẩy rửa, hoặc xà phòng đậm đặc để lau chùi điện thoại.
- Không được sơn điện thoại. Nước sơn có thể làm nghẽn các bộ phận di động và khiến điện thoại hoạt động không chính xác.
- Dùng miếng vải mềm, sạch và khô để lau chùi các ống kính, ví dụ như camera, bộ cảm biến khoảng cách, và bộ cảm biến ánh sáng.
- Chỉ sử dụng ăng-ten được cung cấp hoặc ăng-ten thay thế đã qua kiểm duyệt. Việc sửa đổi hoặc lắp ăng-ten không được kiểm duyệt có thể làm hư điện thoại và vi phạm các quy định về các dịch vụ vô tuyến.
- Sử dụng bộ sạc trong nhà.
- Luôn tạo bản dự phòng dữ liệu mà bạn muốn giữ lại ví dụ như các sổ liên lạc và ghi chú lịch trước khi gửi điện thoại của bạn đến dịch vụ sửa chữa.

Tất cả các đề nghị trên sẽ áp dụng chung cho điện thoại, pin, bộ sạc hoặc bất kỳ phụ kiện cải tiến nào. Nếu điện thoại không hoạt động, đem máy đến dịch vụ được ủy quyền gần nhất để được sửa chữa.

18. Thông tin bổ sung về sự an toàn

Điện thoại và các phụ kiện điện thoại có các linh kiện nhỏ. Giữ các phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.

■ Môi trường hoạt động

Phải tuân thủ các luật lệ đặc biệt hiện hành ở những nơi có qui định và đồng thời phải luôn tắt điện thoại ở những nơi bị cấm sử dụng, hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm. Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí vận hành thông thường. Sản phẩm này đáp ứng các tiêu chuẩn tiếp xúc RF khi cầm ở vị trí thông thường gần tai hoặc cách xa cơ thể ít nhất 2,2 cm (7/8 inch).

Khi sử dụng túi đeo, đai đeo hoặc ngăn chứa để mang điện thoại bên mình, bạn cần đảm bảo các thiết bị này không chứa kim loại và cách xa cơ thể với khoảng cách nêu trên.

Để truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn, thiết bị này cần được kết nối với mạng một cách ổn định. Trong một số trường hợp, việc truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn có thể bị chậm trễ cho đến khi kết nối trên đạt được tính ổn định. Hãy đảm bảo rằng các hướng dẫn về khoảng cách giữa các thiết bị trên được tuân thủ cho đến khi việc truyền dữ liệu hoàn tất.

Các bộ phận của điện thoại có từ tính. Những vật liệu bằng kim loại có thể bị hút bởi điện thoại. Không được đặt thẻ tín dụng hoặc các thiết bị lưu trữ có từ tính khác gần điện thoại vì thông tin được lưu trữ có thể bị xóa.

■ Thiết bị y tế

Khi sử dụng bất kỳ thiết bị vô tuyến nào, kể cả điện thoại di động, đều có thể gây nhiễu sóng một số chức năng của các thiết bị y tế vốn không được bảo vệ đúng mức. Tham vấn với bác sĩ hoặc nhà sản xuất thiết bị y tế để biết các thiết bị này có được bảo vệ khỏi năng lượng bức xạ sóng vô tuyến không hoặc nếu có bất kỳ thách thức nào khác. Tắt điện thoại ở trung tâm y tế khi có dán qui định hướng dẫn ở những nơi này. Bệnh viện hoặc các trung tâm y tế có thể sử dụng thiết bị nhạy với sóng vô tuyến.

Máy điều hòa nhịp tim

Các nhà sản xuất máy điều hòa nhịp tim khuyến nghị đặt điện thoại cầm tay vô tuyến cách máy điều hòa nhịp tim tối thiểu là 15,3 cm (6 inch) để tránh gây nhiễu sóng. Những khuyến nghị này là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập, đồng thời cũng là khuyến nghị của viện Nghiên cứu Công nghệ Vô tuyến. Người đeo máy điều hòa nhịp tim nên:

- đặt điện thoại cách máy điều hòa nhịp tim ít nhất 15,3 cm (6 inch);
- không để điện thoại trong túi áo ngực; và
- nghe bằng tai đối diện với máy điều hòa nhịp tim để giảm thiểu nguy cơ nhiễu sóng.

Nếu bạn nghi ngờ bị nhiễu, hãy tắt điện thoại và cất đi.

Thiết bị trợ thính

Một số thiết bị vô tuyến kỹ thuật số có thể gây nhiễu sóng thiết bị trợ thính. Bạn có thể tham vấn với nhà cung cấp dịch vụ nếu bị nhiễu sóng.

Xe cộ

Một số tín hiệu vô tuyến có thể ảnh hưởng không tốt đến các hệ thống điện tử chưa được bảo vệ đúng mức hoặc lắp đặt không đúng trong các xe mô tô, ví dụ như hệ thống bơm xăng điện tử, hệ thống thắng chống trượt (chống xóc) điện tử, hệ thống kiểm soát tốc độ điện tử, hệ thống túi đệm khí). Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất hoặc người đại diện về bất kỳ thiết bị nào được gắn trên xe.

Chỉ những nhân viên có khả năng chuyên môn mới được sửa chữa điện thoại di động, hoặc lắp điện thoại trong xe. Lắp đặt sai hoặc sửa điện thoại không đúng có thể gây nguy hiểm và làm mất hiệu lực bảo hành cho sản phẩm. Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa. Không lưu trữ hoặc chuyên chở các chất lỏng dễ cháy, gas hoặc chất nổ chung với điện thoại, các phụ kiện cài tiến hoặc phụ tùng điện thoại. Đối với xe hơi có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khí khi nổ sẽ tạo ra một lực lớn. Không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí hoặc khu vực sử dụng túi đệm khí. Nếu thiết bị

vô tuyến trên xe không được lắp đặt đúng thì khi túi đệm khí nổ có thể gây thương tật nghiêm trọng.

Cấm sử dụng điện thoại di động khi ở trên máy bay. Tắt điện thoại di động trước khi máy bay cất cánh. Sử dụng điện thoại vô tuyến trên máy bay có thể gây nguy hiểm cho việc vận hành máy bay, làm gián đoạn mạng điện thoại vô tuyến và có thể xem là bất hợp pháp.

Môi trường có khả năng gây nổ

Tắt điện thoại khi ở trong khu vực dễ phát nổ và phải tuân theo tất cả các bảng hướng dẫn. Môi trường có khả năng gây nổ bao gồm cả các khu vực nơi bạn thường được yêu cầu tắt máy xe. Các tia lửa trong những khu vực như thế có thể phát cháy nổ gây thương tật hoặc thậm chí tử vong. Tắt điện thoại tại các trạm tiếp nhiên liệu, ví dụ như ở gần nơi đổ xăng tại các trạm dịch vụ. Hãy tuân theo các quy định hạn chế việc sử dụng các thiết bị vô tuyến tại các kho hàng, kho lưu trữ và phân phối nhiên liệu, nhà máy hóa chất hoặc khu vực đang tiến hành phá nổ. Những khu vực có khả năng gây nổ không phải luôn được niêm yết rõ ràng. Những khu vực này bao gồm dưới boong tàu, các phương tiện chuyên chở hoặc kho hóa chất, các phương tiện sử dụng khí đốt lỏng (như propan hay butan); ở môi trường không khí có hóa chất hay những hạt nhỏ thóc gạo, bụi hoặc bột kim loại.

■ Cuộc gọi khẩn cấp



Chú ý: Cũng như các thiết bị vô tuyến khác, điện thoại này sử dụng tín hiệu truyền thanh, mạng vô tuyến và hữu tuyến cũng như các chức năng khác do người sử dụng lập trình. Do đó, các kết nối không đảm bảo trong mọi điều kiện. Bạn không nên chỉ dựa vào điện thoại vô tuyến cho các cuộc liên lạc khẩn cấp như cấp cứu y tế chẳng hạn.

Để gọi khẩn cấp:

1. Bật điện thoại nếu chưa bật.
Kiểm tra cường độ tín hiệu mạng thích hợp.
Một số mạng có thể yêu cầu phải lắp đúng thẻ SIM hợp lệ vào điện thoại.
2. Bấm phím kết thúc nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và sẵn sàng cho các cuộc gọi.
3. Nhập số điện thoại khẩn cấp chính thức tại nơi ở hiện thời của bạn. Số khẩn cấp thay đổi tùy theo địa phương.
4. Bấm phím đàm thoại.

Nếu đang sử dụng một số tính năng nhất định, trước tiên bạn cần tắt các tính năng này mới có thể gọi số khẩn cấp được. Nếu điện thoại đang không trực tuyến hoặc đang ở chế độ trên máy bay, bạn phải thay đổi cấu hình để kích hoạt chức năng điện thoại trước khi bạn có thể thực hiện cuộc gọi khẩn cấp. Để biết thêm thông tin, tham khảo tài liệu này hoặc tham khảo ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ.

Nếu đang sử dụng một số tính năng nhất định, trước tiên bạn cần tắt các tính năng này mới có thể gọi số khẩn cấp được. Để biết thêm thông tin, tham khảo tài liệu này hoặc tham khảo ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ.

Khi gọi số khẩn cấp, cung cấp tất cả thông tin cần thiết càng chính xác càng tốt. Điện thoại vô tuyến có thể là phương tiện liên lạc duy nhất tại hiện trường xảy ra tai nạn. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

■ Thông tin về chứng nhận (SAR)

ĐIỆN THOẠI NÀY ĐÁP ỨNG CÁC QUI ĐỊNH QUỐC TẾ VỀ TIẾP XÚC VỚI SÓNG VÔ TUYẾN

Điện thoại di động của bạn là một thiết bị truyền và nhận sóng vô tuyến. Điện thoại được thiết kế và sản xuất sao cho không vượt quá giới hạn tiếp xúc với tần số vô tuyến (RF) được qui định bởi hướng dẫn quốc tế (ICNIRP). Các giới hạn này là phản hướng dẫn toàn diện và thiết lập các mức độ tiếp xúc sóng vô tuyến cho phép dành cho công chúng. Các hướng dẫn này được triển khai bởi các tổ chức khoa học độc lập định kỳ và qua việc đánh giá các nghiên cứu khoa học. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể được thiết kế để bảo đảm an toàn cho tất cả mọi người, bất kể tuổi tác cũng như sức khỏe.

Tiêu chuẩn tiếp xúc dành cho thiết bị di động áp dụng một đơn vị đo được gọi là Tỷ lệ Hấp thụ Riêng, hoặc SAR. Giới hạn SAR được nêu trong hướng dẫn quốc tế là 2,0 W/kg (W/kg)*. Các thử nghiệm về SAR được tiến hành theo vị trí vận hành chuẩn khi điện thoại truyền ở mức năng lượng được chứng nhận là cao nhất trong mọi băng tần thử nghiệm. Mặc dù SAR được kiểm tra ở mức năng lượng cao nhất, nhưng mức SAR thực sự của điện thoại trong khi vận hành có thể dưới giá trị cực đại này. Lý do là thiết bị này được thiết kế để vận hành ở nhiều mức năng lượng

để chỉ sử dụng năng lượng mà mạng yêu cầu. Nói chung, nếu bạn càng gần trạm phát, thì năng lượng phát ra càng thấp.

Giá trị SAR cao nhất cho kiểu điện thoại này được thử nghiệm khi đặt ở tai là 0,64 W/kg.

Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo và thử nghiệm trong nước và hệ thống mạng. Việc sử dụng phụ kiện và phụ kiện nâng cấp có thể dựa trên các giá trị SAR khác nhau. Bạn có thể tìm thấy thông tin bổ sung về SAR trong mục thông tin sản phẩm trên trang web www.nokia-asia.com.

* Giới hạn SAR dành cho công chúng sử dụng thiết bị di động là 2,0 W/kg trung bình trên 10 gram mô. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể để bảo vệ thêm cho công chúng và để giải thích cho bất kỳ thay đổi nào trong việc đo đạc. Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo trong nước và hệ thống mạng. Để biết thêm thông tin về SAR ở những khu vực khác, vui lòng xem mục thông tin sản phẩm tại địa chỉ web: www.nokia.com.

Từ mục

A

Application manager
(Quản lý ứng dụng) 95

B

Bảo hộ bản quyền. Xem mã khóa
kích hoạt.

Bảo mật
chứng chỉ 91

Báo thức. Xem đồng hồ.

Battery 127

Bộ chuyển đổi 72

Bộ nhớ cache
xóa 64

Bộ sưu tập 41
tài xuống các tập tin 42

Bluetooth
các thiết bị được ghép nối 103
cài đặt kết nối 101
gửi dữ liệu 102
kết nối 100
ngắt kết nối 104
nhận dữ liệu 104

Â

Âm kế 68

Âm lượng
điều chỉnh 10

C

Các chương trình tải
xuống từ mạng 64

Các chế độ hoạt động 6
chế độ camera 6
chế độ liên lạc 6
chế độ nhạc 6

Các chỉ báo 8

Các dịch vụ mạng viii

Các kết nối dữ liệu
các chỉ báo 8

Các phím tắt
thay đổi 7

Các phụ kiện chính hãng 127

Cài đặt
điện thoại 81
bảo mật 90
chế độ chờ 82
cuộc gọi 83
cuộc gọi dữ liệu 89
dữ liệu gói 88
giờ 89
hiển thị 83
kết nối 84
kiểu nhập văn bản tiên đoán
nhập văn bản
tiên đoán 82

ngày 89

ngôn ngữ điện thoại 81

ngôn ngữ viết 81

phụ kiện 94

Cài đặt cấu hình
dịch vụ cài đặt xi

Cài đặt tin nhắn
cài đặt đa phương tiện 32
cài đặt khác 37
e-mail 33
quảng bá 36
tin nhắn dịch vụ 36
tin nhắn văn bản 31

Camera 52
cài đặt 52
zoom 52

Công việc 71

Cấu hình 79
trình quản lý thiết bị 98

Chương trình biên tập video 56

Chứng chỉ
kiểm tra tính xác thực 92
quản lý 91
xem chi tiết 92

Chế độ chờ 6, 7
các phím tắt 7
cài đặt 82
chế độ chờ 7

Chỉ mục
gửi 62
lưu 63
thêm 62
xem 61

Chủ đề 67

Chuyển tiếp cuộc gọi. Xem chuyển hướng cuộc gọi

Cuộc gọi
các tùy chọn trong khi gọi 15
chờ 15
chặn cuộc gọi 93
chuyển 15
Chuyển hướng cuộc gọi 93
cuộc gọi hội nghị 13
gọi điện 12
hộp thư thoại 12
kết thúc cuộc gọi 12
khẩn cấp viii
quốc tế 12
quay số bằng giọng nói 13
quay số nhanh 12, 40
từ chối 14
từ chối đồng thời gửi SMS 14
trả lời 14

Cuộc gọi khẩn cấp viii

D

Dữ liệu USB 123

Danh bạ 38
gán nhạc chuông 39

Dịch vụ bảo trì Xii

Dịch vụ khách hàng xii

Dịch vụ sửa chữa xii

Di chuyển 5

Đ

Đồng bộ
cấu hình 121

Đồng bộ hóa 121

Đồng hồ 69

Điểm truy cập
cài đặt 85
nhận cài đặt 85

E

E-mail
cài đặt 25
hộp thư 27

F

Flash Player 55

G

Ghi chú 73

Giữ gìn và bảo trì 129

H

Hướng dẫn 10

Hướng dẫn xác nhận pin Nokia 125

Hỗ trợ xii

Hỗ trợ của Nokia xii

Hạn chế cuộc gọi.

Xem chặn cuộc gọi.

Hộp thư thoại 79

I

IM. Xem nhắn tin trò chuyện.

K

Kết nối 100
Bluetooth 100
PC Suite 100

Khóa bàn phím 11

Khóa phím. Xem khóa bàn phím.

Kiểu nhập
tiền đoán 20

Kiểu nhập văn bản
truyền thống 19

L

Lắp 2
 pin 1
 thẻ nhớ 2
 thẻ SIM 1
Lệnh thoại 13, 78
Lịch 69

M

Mô-đun bảo mật 93
Mức sử dụng bộ nhớ
 bộ nhớ điện thoại 74
 thẻ nhớ 77
Mã khóa kích hoạt 97
Mã truy cập
 mã khóa x, 3
 mã PIN x, 3
 mã PIN2 x
 mã PUK xi
 mã PUK2 xi
 mã UPIN x
 mã UPUK xi
 mật mã chặn cuộc gọi xi
 PIN ký tên xi
 PIN mô-đun xi
 thay đổi 90
Máy nghe nhạc 43
 nghe nhạc 44
 thư viện 43
Máy tính 73
Mạng viii
 chọn 94
 thông tin mạng 94
Media player. Xem phần
RealPlayer.
Menu 9
 thay đổi giao diện 9
 truy cập vào các chức năng 9

N

Nhắn tin trò chuyện 104
 cài đặt 105
 cuộc trò chuyện 109
 kết nối 104
 lưu 108
 nhóm 106, 107, 108, 110
 số liên lạc 110
Nhập văn bản
 sao chép văn bản 21
 tiên đoán 19
 truyền thống 19
 xóa văn bản 21
Nhật ký 16
 bộ đếm dữ liệu gói 17, 18
 bộ đếm thời gian kết nối 17
 các cuộc gọi gần đây 16
 các số đã gọi 16
 cài đặt 18
 chung 17
 cuộc gọi nhỡ 16
 cuộc gọi vừa nhận 16
 thời gian gọi 17
Nhật ký điện thoại. Xem nhật ký.

P

Phím điều khiển
 chọn 9
 di chuyển 9
Phụ kiện
 cài đặt 94
 chung ix
Phụ kiện. Xem phụ kiện
Pin 127
 sạc 3, 124
 thông tin 124
 xả 124
PTT. Xem push to talk.
Push to talk 113
 đăng nhập 115
 điểm truy cập 114
 cài đặt 114
 cuộc gọi cá nhân 116

cuộc gọi nhóm 117
kênh 118
thoát 116
yêu cầu gọi lại 117

Q

Quản lý kết nối 112
Quay nhanh
 gán một số điện thoại 39
Quay số một lần bấm.
Xem quay số nhanh.
Quay số nhanh
 đổi số điện thoại 79
 gán một số điện thoại 79
 gọi 12
 xóa số điện thoại 79

R

RealPlayer 53
 phát 53
 Settings (Cài đặt) 54
Recorder (Máy ghi âm) 55
Recorder (Máy ghi âm).
Xem máy ghi âm.

S

Số điện thoại
 Xem danh bạ
Số liên lạc
 thêm 38

T

Tài xuống
 ứng dụng xii
 nội dung xii
Thông tin liên hệ xii
Thông tin liên hệ của Nokia xii
Thông tin về chứng nhận (SAR) 133
Thông tin về pin
 loại 127
Thẻ microSD. Xem thẻ nhớ

Thẻ nhớ 75
 định dạng 76
 khóa 76
 mức sử dụng bộ nhớ 77
 sao lưu thông tin 76
 tháo 2

Tin e-mail
 tải về 28

Tin nhắn
 đối tượng đa phương tiện 26
 các loại tin nhắn đặc biệt 26
 gửi 23
 hộp thư đi 29
 lệnh dịch vụ 30
 nhận 25
 quảng bá 30
 sắp xếp 27
 tin dịch vụ 27
 tin nhắn trên thẻ SIM 30
 viết 23

Tin nhắn đa phương tiện
 cài đặt 25

Tin nhắn e-mail
 xóa 29

Trợ giúp 10
 truy cập 10

Trình duyệt di động. Xem Web.
Trình duyệt. Xem Web.
Trình quản lý tập tin 74
Trình quản lý thiết bị 98
Truyền dữ liệu 99

U

USB. Xem cáp dữ liệu.

Ứ

Ứng dụng
 cài đặt 95, 97
 xóa 96

V

Viết văn bản. Xem nhập văn bản

Visual Radio 45

- bật 46

- cài đặt 49

- cài đặt kênh 48

- danh mục kênh 49

- danh sách kênh 48

- dò kênh 47

- lưu kênh 47

- xem nội dung trực quan 49

W

Web 60

- bảo mật kết nối 62

- cài đặt 60

- cài đặt trình duyệt 65

- kết nối 61

- lưu một trang 63

- ngắt kết nối 64

- trình duyệt 63

- xem chỉ mục 61

- xem trang đã lưu 63